

1 SỬ-KÝ

1 Chronicles

Mục-dịch: Để hợp-nhất dân của Đức Chúa TRỜI, để truy-nguyên dòng-dõi của Đa-vít, và để dạy rằng sự thờ-phượng đích-thực phải là trung-tâm điểm của đời sống cá-nhân và quốc-gia

Người viết: E-xơ-ra, theo truyền-thống Giu-đa

Viết cho: Tất cả Y-sơ-ra-ên

Ngày viết: Khoảng 430 TC (Trước Christ giáng-sinh), ghi lại các biến-cố xảy ra từ khoảng 1000-960 TC

Bối-cảnh: Sách 1 Sử-ký đi song song với sách 2 Sa-mu-ên và phục-vụ độc giả như sách chủ giải cho 2 Sa-mu-ên. Được viết trong thời-kỳ bị lưu-đày theo quan-điểm thầy tế-lễ, sách 1 Sử-ký nhấn mạnh đến lịch-sử tôn-giáo của Giu-đa và Y-sơ-ra-ên.

Câu gốc: "Và Đa-vít nhận ra rằng Đức GIA-VÊ đã vững-lập mình làm vua trên Y-sơ-ra-ên, và rằng vương-quốc mình được tôn cao, vì có dân Y-sơ-ra-ên của Ngài." (14.2)

Nhân-vật chính: Đa-vít và Sa-lô-môn

Chỗ chính: Hép-rôn, Giê-ru-sa-lem, đền-thờ

Ý chính: Một gia-phổ dày cộm cung-cấp nhiều ý-niệm về gốc gác, truyền-thống và chung cuộc. Sách 1 Sử-ký truy-nguyên nguồn-gốc của một dân-tộc từ A-đam, kể lại dòng-dõi vua chúa và kế-hoạch thương-yêu của một Đức Chúa TRỜI riêng tư. Khi chúng ta đọc sách 1 Sử-ký, chúng ta có một cái nhìn thoáng qua Đức Chúa TRỜI là Đấng đang làm việc xuyên qua dân Ngài cho các thế-hệ. Nếu bạn là một Christ-nhân, thì những người này cũng là tổ-tiên của bạn. Khi bạn đọc tới phần này của Lời Đức Chúa TRỜI, hãy đọc các câu chuyện của họ với sự kính-sợ và tôn-kính, và hãy nhận-lấy một sự an-ninh và hiểu biết mới trong mối liên-hệ của bạn với Đức Chúa TRỜI.

Quyển sách trước, sách 2 Vua, chấm dứt với việc dân trong cả hai vương-quốc Y-sơ-ra-ên và Giu-đa đều bị đi đày, một thời-đại đen tối của dân Đức Chúa TRỜI. Kế tiếp là hai sách Sử-ký (trong nguyên-ngữ, hai sách 1 và 2 Sử-ký là một sách Sử-ký). Được viết trong thời-kỳ bị lưu-đày, nó tóm tắt lịch-sử của Y-sơ-ra-ên, nhấn mạnh truyền-thống thuộc linh của dân Y-sơ-ra-ên trong cố-gắng hợp-nhất dân-tộc này. Người viết đã cẩn-thận dặt các bài học thuộc linh chính chung với việc dạy-đỗ các lễ thật về đạo-đức. Trong hai quyển sách Sử-ký này, vương-quốc phương bắc hoàn-toàn bị bỏ qua, các chiến-thắng của Đa-vít—chớ không phải các tội-lỗi của ông—được nhắc đến, và đền-thờ được coi là trung-tâm sinh-hoạt của đời sống quốc-gia.

Sách 1 Sử-ký bắt đầu với A-đam, rồi, trong chín chương, trước-giả cho chúng ta biết danh-sách các người nổi tiếng trong lịch-sử Y-sơ-ra-ên với sự nhấn-mạnh đặc-biệt đến hoàng-tộc Đa-vít. Phần còn lại của quyển sách này cho biết chuyện của Đa-vít—vĩ-nhân của Đức Chúa TRỜI, vì vua vĩ-đại của dân Y-sơ-ra-ên—người phụng-sự Đức Chúa TRỜI và đã đề ra một thiết-kế cho việc xây-cát đền-thờ và thờ-phượng trong đền-thờ.

1 Sử-ký là sách bổ-túc vô-giá cho sách 2 Sa-mu-ên và là

một sự nhắc nhở đến sự cần-thiết cho việc truy-nguyên các nguồn-gốc, và như thế việc khám-phá lại cội nguồn của chúng ta.

Khi đọc sách 1 Sử-ký, xin quý vị truy-nguyên truyền-thống kinh-sợ Đức Chúa TRỜI của riêng quý vị. Xin quý vị tạ ơn Đức Chúa TRỜI cho các bậc tiền-bối thuộc linh của mình, và xin quý vị giao-phó chính quý vị cho việc truyền lại lễ thật của Đức Chúa TRỜI cho thế-hệ sau.

Ghi-chú:

Tựa của sách này là Sử-ký (Sách Lịch-sử), không dịch tựa Anh-ngữ Chronicles (Biên-niên-sử, lịch-sử chép theo thứ-tự hằng năm)

1 Sứ-ký 1.1-1.34

A. CÁC GIA-PHỒ CỦA Y-SƠ-RA-ÊN (1.1-9.44)

1. Tổ-tiên của dân-tộc ấy (1.1-3.24)

Con cháu của A-đam (1.1-1.27)

1 ¹A-đam, Sét, Ê-nót, ²Kê-nan, Ma-ha-la-le, Giê-rết, ³Hê-nóc, Mê-tu-sê-la, Lê-méc, ⁴Nô-ê, Sem, Cham, và Gia-phết.

⁵Các con trai của Gia-phết là Gô-me, Ma-gôc, Ma-đai, Gia-van, Tu-banh, Mê-siéc, và Ti-ra. ⁶Các con trai của Gô-me là Ách-kê-na, Ri-phát, và Tô-ga-ma. ⁷Các con trai của Gia-van là Ê-li-sa, Ta-rê-si, Kít-tim, và Rô-da-nim¹.

⁸Các con trai của Cham là Cúc, Mích-ra-im⁽²⁾, Phút, và Ca-na-an. ⁹Các con trai của Cúc là Sê-ba, Ha-vi-la, Sáp-ta, Ra-ê-ma, và Sáp-tê-ca; và những con trai của Ra-ê-ma là Sê-ba và Đê-đan. ¹⁰Và Cúc thành cha của Nim-rôt; người bắt đầu làm một người phi-thường trên trái đất. ¹¹Và Mích-ra-im thành cha của các người Lút, A-na-mim, Lê-ha-bim, Náp-tu-him, ¹²Pha-trô, Cách-lu-him, từ đó ra dân Phi-li-tin và Cáp-tô-rim. ¹³Và Ca-na-an thành cha của Si-đôn, là con đầu lòng của người, và Hêch, ¹⁴và dân Giê-bu, dân A-mô-rít, dân Ghi-rê-ga-sít, ¹⁵dân Hê-vít, người A-rê-kít, người Si-nít, ¹⁶người A-vát, người Xê-ma-rít, và người Ha-mát.

¹⁷Các con trai của Sem là Ê-lam, A-su-rơ, A-bác-sát, Lút, A-ram, Út-xơ, Hu-lơ, Ghê-te, và Mê-siéc. ¹⁸Và A-bác-sát thành cha của Sê-lách, và Sê-lách thành cha của Hê-be. ¹⁹Và 2 trai đợc sinh ra cho Hê-be, tên một người là Bê-lét⁽³⁾ vì trong các ngày ấy trái đất bị phân-chia; tên em trai của người là Giốc-tan. ²⁰Và Giốc-tan thành cha của A-mô-đát, Sê-lép, Ha-sa-ma-vết, Giê-rách, ²¹Ha-đô-ram, U-xa, Điéc-la, ²²Ê-banh, A-bi-ma-ên, Sê-ba, ²³Ô-phia, Ha-vi-la, và Giô-báp; tất cả những người này là các con trai của Giốc-tan.

²⁴Sem, A-bác-sát, Sê-lách, ²⁵Hê-be, Bê-lét, Rê-hu, ²⁶Sê-rúc, Na-cô, Tha-rê, ²⁷Áp-ram, tức là Áp-ra-ham.

Con cháu của Áp-ra-ham (1.28-1.54)

²⁸Các con trai của Áp-ra-ham là Y-sác và Ích-ma-ên. ²⁹Đây là các gia-phổ của họ: con đầu lòng của Ích-ma-ên là Nê-ba-giôt, kế đến là Kê-đa, Át-bê-ên, Mi-bô-sam, ³⁰Mích-ma, Đu-ma, Ma-sa, Ha-đát, Thê-ma, ³¹Giê-thu, Na-phích và Két-ma; đây là các con trai của Ích-ma-ên.

³²Và các con trai của Kê-tu-ra, vợ nhỏ của Áp-ra-ham, mà bà đã sinh ra là Xim-ran, Giốc-san, Mê-đan, Ma-đi-an, Giết-bác, và Su-ách. Và các con trai của Giốc-san là Sê-ba và Đê-đan. ³³Và các con trai của Ma-đi-an là Ê-pha, Ê-phe, Ha-nóc, A-bi-đa, và Ên-đa. Tất cả các người này là những con trai của Kê-tu-ra.

³⁴Và Áp-ra-ham thành cha của Y-sác. Những con trai của Y-sác là Ê-sau và Y-sơ-ra-ên.

¹Trong St10.4: Đô-đa-nim

²Ai Cập

³Bê-lét: sự chia-ra

1 Chronicles 1.1-1.34

A. THE GENEALOGIES OF ISRAEL (1.1- 9.44)

1. Ancestry of the nation (1.1-3.24)

A-dawm'(Adam)'s descendants (1.1-1.27)

1 ¹Adam, Sheth, Enos, ²Kenan, Mahalaleel, Jared, ³Enoch, Methuselah, Lamech, ⁴Noah, Shem, Ham and Japheth.

⁵The sons of Japheth were Gomer, Magog, Madai, Javan, Tubal, Meshech, and Tiras. ⁶And the sons of Gomer were Ashkenaz, Riphath, and Togarmah. ⁷And the sons of Javan were Elishah, Tarshish, Kittim, and Rodanim.

⁸The sons of Ham were Cush, Mizraim, Phut, and Canaan. ⁹And the sons of Cush were Seba, Havilah, Sabta, Raamah, and Sabtecha; and the sons of Raamah were Sheba and Dedan. ¹⁰And Cush became the father of Nimrod; he began to be a mighty one in the earth. ¹¹And Mizraim became the father of the people of Ludim, Anamim, Lehabim, Naphtuhim, ¹²Pathrus, Casluhim, from which the Philistines came, and Caphtorim. ¹³And Canaan became the father of Sidon his first-born, Heth, ¹⁴and the Jebusites, the Amorites, the Girgashites, ¹⁵the Hivites, the Arkite, the Sinite, ¹⁶the Arvadites, the Zemarite, and the Hamathite.

¹⁷The sons of Shem were Elam, Ashur, Arphaxad, Lud, Aram, Uz, Hul, Gether, and Meshech. ¹⁸And Arphaxad became the father of Shelah and Shelah became the father of Heber. ¹⁹And two sons were born to Heber, the name of the one was Peleg for in his days the earth was divided, and his brother's name was Joktan. ²⁰And Joktan became the father of Almodad, Sheleph, Hazarmaveth, Jerah, ²¹Hadoram, Uzal, Diklah, ²²Ebal, Abimael, Sheba, ²³Ophir, Havilah, and Jobab; all these were the sons of Joktan.

²⁴Shem, Arphaxad, Shelah, ²⁵Heber, Peleg, Reh-oo', ²⁶Serug, Nahor, Terah, ²⁷Abram, that is Abraham.

Descendants of Abraham (1.28-1.54)

²⁸The sons of Abraham were Isaac and Ishmael. ²⁹These are their genealogies: the first-born of Ishmael was Nebajoth, then Kedar, Adbeel, Mibsam, ³⁰Mishma, Dumah, Massah, Hadad, Tema, ³¹Jetur, Naphish and Kedemah; these were the sons of Ishmael.

³²And the sons of Keturah, Abraham's concubine, whom she bore, were Zimran, Jokshan, Medan, Midian, Ishbak, and Shuah. And the sons of Jokshan were Sheba and Dedan. ³³And the sons of Midian were Ephah, Epher, Hanoch, Abida, and Eldaah. All these were the sons of Keturah.

³⁴And Abraham became the father of Isaac. The sons of Isaac were Esau and Israel.

1 Chronicles 1.35-2.6

³⁵The sons of Esau were Eliphaz, Reuel, Jeush, Jaalam, and Korah. ³⁶The sons of Eliphaz were Teman, Omar, Zephi, Gatam, Kenaz, Timna, and Amalek. ³⁷The sons of Reuel were Nahath, Zerah, Shammah, and Mizzah.

³⁸And the sons of Seir were Lotan, Shobal, Zibeon, Anah, Dishon, Ezer, and Dishan. ³⁹And the sons of Lotan were Hori and Homam; and Lotan's sister was Timna. ⁴⁰The sons of Shobal were Alvan, Manahath, Ebal, Shephi, and Onam. And the sons of Zibeon were Aiah and Anah. ⁴¹The son of Anah was Dishon. And the sons of Dishon were Amram, Eshban, Ithran, and Cheran. ⁴²The sons of Ezer were Bilhan, Zaavan and Jaakan. The sons of Dishan were Uz and Aran.

⁴³Now these are the kings who reigned in the land of Edom before any king of the sons of Israel reigned. Bela was the son of Beor, and the name of his city was Dinhabah. ⁴⁴When Bela died, Jobab the son of Zerah of Bozrah became king in his place. ⁴⁵When Jobab died, Husham of the land of the Temanites became king in his place. ⁴⁶When Husham died, Hadad the son of Bedad, who smote Midian in the field of Moab, became king in his place; and the name of his city was Avith. ⁴⁷When Hadad died, Samlad of Masrekah became king in his place. ⁴⁸When Samlad died, Shaul of Rehoboth by the River became king in his place. ⁴⁹When Shaul died, Baal-hanan the son of Achbor became king in his place. ⁵⁰When Baal-hanan died, Hadad became king in his place; and the name of his city was Pai, and his wife's name was Mehetabel, the daughter of Matred, the daughter of Mezahab. ⁵¹Then Hadad died. Now the chiefs of Edom were: chief Timna, chief Aliah, chief Jetheth, ⁵²chief Oholibamah, chief Elah, chief Pinon, ⁵³chief Kenaz, chief Teman, chief Mibzar, ⁵⁴chief Magdiel, chief Iram. These were the chiefs of Edom.

Twelve sons of Jacob (Israel) (2.1-2.8)

2 ¹These are the sons of Israel: Reuben, Simeon, Levi, Judah, Issachar, Zebulun, ²Dan, Joseph, Benjamin, Naphtali, Gad, and Asher.

³The sons of Judah were Er, Onan, and Shelah; these three were born to him by Bath-shua the Ken-ah-an-ee'. And Er, Judah's first-born, was wicked in the sight of YHWH, so He put him to death. ⁴And Tamar his daughter-in-law bore him Perez and Zerah. Judah had five sons in all.

⁵The sons of Perez were Hezron and Hamul. ⁶And the sons of Zerah were Zimri, Ethan, Heman, Calcol, and Dara; five of them in all.

1 Sứ-ký 1.35-2.6

³⁵Các con trai của Ê-sau là Ê-li-pha, Rê-u-ên, Giê-úc, Gia-lam, và Cô-ra. ³⁶Các con trai của Ê-li-pha là Thê-man, Ô-ma, Xê-phi, Ga-tham, Kê-na, Thim-na, và A-ma-léc. ³⁷Các con trai của Rê-u-ên là Na-hát, Xê-rách, Sam-ma, và Mích-xa.

³⁸Và các con trai của Sê-i-rơ là Lô-than, Sô-banh, Xi-bê-ôn, A-na, Đì-sôn, Êt-xe, và Đì-san. ³⁹Các con trai của Lô-than là Hô-ri và Hô-mam⁽¹⁾; và em gái của Lô-than là Thim-na. ⁴⁰Các con trai của Sô-banh là An-van, Ma-na-hát, Ê-banh, Sê-phi, và Ô-nam. Và các con trai của Xi-bê-ôn là Ai-gia và A-na. ⁴¹Con trai của A-na là Đì-sôn. Và các con trai của Đì-sôn là Am-ram, Êch-ban, Giết-ran, và Kê-ran. ⁴²Các con trai của Êt-xe là Binh-han, Xa-van, và Gia-a-can. Các con trai của Đì-san là Út-xơ và A-ran.

⁴³Bây giờ, đây là các vua trị-vì trong xứ Ê-đôm trước khi có bất cứ một vì vua nào trong những con trai Y-sơ-ra-ên trị-vì. Bê-la là con trai Bê-ô, và tên của thành của người là Đin-ha-ba. ⁴⁴Khi Bê-la qua đời, Giô-báp con trai của Xê-rách ở Bốt-ra thành vua trong chỗ của người. ⁴⁵Khi Giô-báp qua đời, Hu-sam ở xứ dân Thê-man thành vua trong chỗ của người. ⁴⁶Khi Hu-sam qua đời, Ha-đát con trai của Bê-đát, là người đánh hạ Ma-đi-an trong cánh đồng Mô-áp, thành vua trong chỗ của người; và tên thành của người là A-vít. ⁴⁷Khi Ha-đát qua đời, Sam-la ở Ma-rê-ca thành vua trong chỗ của người. ⁴⁸Khi Sam-la qua đời, Sau-lơ ở Rê-hô-bốt cạnh Sông Cái thành vua trong chỗ của người. ⁴⁹Khi Sau-lơ qua đời, Ba-anh-Ha-nan, con trai của Ạc-bô thành vua trong chỗ của người. ⁵⁰Khi Ba-anh-Ha-nan qua đời, Ha-đát thành vua trong chỗ của người; và tên thành-thị của người là Pha-i⁽²⁾, và tên vợ của người là Mê-hê-ta-bê-ên, con gái của Mát-rét, con gái của Mê-xa-háp. ⁵¹Kể đó Ha-đát qua đời. Bây giờ các tộc-trưởng của Ê-đôm là: tộc-trưởng Thim-na, tộc-trưởng A-li-a, tộc-trưởng Giê-tét, ⁵²tộc-trưởng Ô-hô-li-ba-ma, tộc-trưởng Ê-la, tộc-trưởng Phi-nôn, ⁵³tộc-trưởng Kê-na, tộc-trưởng Thê-man, tộc-trưởng Mép-xa, ⁵⁴tộc-trưởng Mác-đi-ên, tộc-trưởng Y-ram. Đây là các tộc-trưởng của Ê-đôm.

Mười hai người con trai của Gia-cóp (Y-sơ-ra-ên) (2.1-2.8)

2 ¹Đây là các con trai Y-sơ-ra-ên: Ru-bên, Si-mê-ôn, Lê-vi, Giu-đa, Y-sa-ca, Sa-bu-lôn, ²Dan, Giô-sép, Bê-n-gia-min, Nêp-ta-li, Gát, và A-se.

³Các con trai của Giu-đa là Ê-rơ, Ô-nan, và Sê-la; 3 người con này được sinh ra cho người bởi Bát-sua, người nữ Ca-na-an. Và Ê-rơ, con đầu lòng của Giu-đa, đòi-bại trong cái nhìn của Đức GIA-VÊ, vì vậy Ngài giết nó. ⁴Và Ta-ma con dâu của người sanh cho người: Phê-rét và Xê-rách. Tổng-cộng Giu-đa có 5 người con trai.

⁵Các con trai của Phê-rét là Hết-rôn và Hà-mun. ⁶Và các con trai của Xê-rách là Xim-ri, Ê-than, Hê-man, Canh-côn, và Đa-ra; tổng-cộng 5 đứa con.

¹Sáng thế 36.22: Hê-man, Heman

²Sáng thế 36.39: Ba-u, Pau

1 Sử-ký 2.7-2.36

⁷Và con trai của Cạt-mi là A-ca⁽¹⁾, kẻ gây rối của Y-sơ-ra-ên, kẻ vi-phạm cấm-chỉ ấy. ⁸Và con trai của Ê-than là A-xa-ria.

Gia-phổ của Đa-vít (2.9-2.17)

⁹Bây giờ các con trai của Hết-rôn, các đứa được sanh cho người là Giê-rác-mê-ên, Ram, và Kê-lu-bai. ¹⁰Và Ram thành cha của A-mi-na-đáp, và A-mi-na-đáp thành cha của Na-ha-sôn, lãnh-tụ các con trai Giu-đa; ¹¹Na-ha-sôn thành cha của Sanh-ma, Sanh-ma thành cha của Bô-ô, ¹²và Bô-ô thành cha của Ô-bết, Ô-bết thành cha của Y-sai; ¹³và Y-sai thành cha của Ê-li-áp là con đầu lòng của người, kẻ đó A-bi-na-đáp đứa con thứ hai, Si-mê-a thứ ba, ¹⁴Na-tha-na-ên thứ tư, Ra-đai thứ năm, ¹⁵Ô-xem thứ sáu, Đa-vít thứ bảy; ¹⁶và các chị em của họ là Xê-ru-gia và A-bi-ga-in. Và 3 đứa con trai của Xê-ru-gia là A-bi-sai, Giô-áp, và A-sa-ên. ¹⁷Và A-bi-ga-in sanh ra A-ma-sa, và cha của A-ma-sa là Giê-the người Ích-ma-ên.

Gia-phổ của Ca-lép, Hết-rôn, Giê-rác-mê-ên (2.18-2.55)

¹⁸Bây giờ, Ca-lép con trai của Hết-rôn có các con trai bởi A-xu-ba vợ của người, và bởi Giê-ri-ôt; và đây là các con trai của bà: Giê-se, Sô-báp, và A-t-đôn. ¹⁹Khi A-xu-ba qua đời, Ca-lép cưới Ép-ra-ta, là người sanh cho ông Hu-rơ. ²⁰Hu-rơ thành cha của U-ri, và U-ri thành cha của Bết-sa-lê-ên.

²¹Sau đó, Hết-rôn đi vào trong con gái của Ma-kia, là cha của Ga-la-át, kẻ mà người cưới khi người 60 tuổi; rồi bà sanh Sê-gúp cho người. ²²Và Sê-gúp thành cha của Giai-rơ, kẻ có 23 thành trong xứ Ga-la-át. ²³Nhưng Ghê-su-rơ và A-ram lấy các thị-xã của Giai-rơ khỏi chúng, với Kê-nát và các thôn làng của nó, 60 thành. Tất cả đều là các con trai của Ma-kia, cha của Ga-la-át. ²⁴Sau cái chết của Hết-rôn ở Ca-lép Ép-ra-tha, A-bi-gia, vợ của Hết-rôn, sanh cho người A-su-rơ, là cha của Thê-cô-a.

²⁵Bây giờ các con trai của Giê-rác-mê-ên, con đầu lòng của Hết-rôn, là Ram con đầu lòng, kẻ đó là Bu-na, Ô-ren, Ô-xem, và A-hi-gia. ²⁶Và Giê-rác-mê-ên có một người vợ khác, có tên là A-ta-ra; bà là mẹ của Ô-nam. ²⁷Và các con trai của Ram, con đầu lòng của Giê-rác-mê-ên, là: Ma-ách, Gia-min, và Ê-ke. ²⁸Và các con trai của Ô-nam là Sa-mai và Gia-đa. Và các con trai của Sa-mai là Na-đáp và A-bi-su. ²⁹Và tên vợ của A-bi-su là A-bi-hai và bà sanh cho người A-c-ban và Mô-lít. ³⁰Và các con trai của Na-đáp là: Sê-le và Áp-ba-im, và Sê-le chết không có con trai. ³¹Và con trai của Áp-ba-im là Gít-si. Và con trai của Gít-si là Sê-san. Con trai của Sê-san là A-c-lai. ³²Và các con trai của Gia-đa, em của Sa-mai, là Giê-the và Giô-na-than, và Giê-the chết không có con trai. ³³Và các con trai của Giô-na-than là Phê-lết và Xa-xa. Đây là các con trai của Giê-rác-mê-ên. ³⁴Bây giờ Sê-san không có con trai, chỉ có các con gái. Và Sê-san có một tôi-tớ người Ê-díp-tô, tên là Gia-ra. ³⁵Và Sê-san gả con gái của mình cho tôi-tớ của mình là Gia-ra, và bà sanh A-t-tai cho người. ³⁶Và A-t-tai thành cha của Na-than, và Na-than thành cha của Xa-bát,

1 Chronicles 2.7-2.36

⁷And the son of Carmi was Achar, the troubler of Israel, who violated the ban. ⁸And the son of Ethan was Azariah.

Genealogy of David (2.9-2.17)

⁹Now the sons of Hezron, who were born to him were Jerahmeel, Ram, and Chelubai. ¹⁰And Ram became the father of Amminadab and Amminadab became the father of Nahshon, leader of the sons of Judah; ¹¹Nahshon became the father of Salma, Salma became the father of Boaz, ¹²Boaz became the father of Obed, and Obed became the father of Jesse; ¹³and Jesse became the father of Eliab his first-born, then Abinadab the second, Shimea the third, ¹⁴Nethaneel the fourth, Raddai the fifth, ¹⁵Ozem the sixth, David the seventh; ¹⁶and their sisters were Zeruiah and Abigail. And the three sons of Zeruiah were Abishai, Joab, and Asahel. ¹⁷And Abigail bore Amasa, and the father of Amasa was Jether the Yish-maw-ay-lee'.

Genealogies of Caleb, Hezron, Jerahmeel (2.18-2.55)

¹⁸Now Caleb the son of Hezron had sons by Azubah his wife, and by Jerioth; and these were her sons: Jeshur, Shobab, and Ardon. ¹⁹When Azubah died, Caleb married Ephrath, who bore him Hur. ²⁰And Hur became the father of Uri, and Uri became the father of Bezalel.

²¹Afterward Hezron went in to the daughter of Machir the father of Gilead, whom he married when he was sixty years old; and she bore him Segub. ²²And Segub became the father of Jair, who had twenty-three cities in the land of Gilead. ²³But Geshur and Aram took the towns of Jair from them, with Kenath and its villages, *even* sixty cities. All these were the sons of Machir, the father of Gilead. ²⁴And after the death of Hezron in Caleb-ephraath, Abijah, Hezron's wife, bore him Ashur the father of Tekoa.

²⁵Now the sons of Jerahmeel the first-born of Hezron were Ram the first-born, then Bunah, Oren, Ozem, and Ahijah. ²⁶And Jerahmeel had another wife, whose name was Atarah; she was the mother of Onam. ²⁷And the sons of Ram, the first-born of Jerahmeel, were Maaz, Jamin, and Eker. ²⁸And the sons of Onam were Shammai and Jada. And the sons of Shammai were Nadab and Abishur. ²⁹And the name of Abishur's wife was Abihail and she bore him Ahban and Molid. ³⁰And the sons of Nadab were Seled and Appaim, and Seled died without sons. ³¹And the son of Appaim was Ishi. And the son of Ishi was Sheshan. And the son of Sheshan was Ahlai. ³²And the sons of Jada the brother of Shammai were Jether and Jonathan, and Jether died without sons. ³³And the sons of Jonathan were Peleth and Zaza. These were the sons of Jerahmeel. ³⁴Now Sheshan had no sons, only daughters. And Sheshan had an Egyptian servant whose name was Jarha. ³⁵And Sheshan gave his daughter to Jarha his servant in marriage, and she bore him Attai. ³⁶And Attai became the father of Nathan, and Nathan became the father of Zabab,

¹Giô-suê 7.1: A-can

1 Chronicles 2.37-3.10

³⁷and Zabad became the father of Ephlal, and Ephlal became the father of Obed, ³⁸and Obed became the father of Jehu, and Jehu became the father of Azariah. ³⁹And Azariah became the father of Helez, and Helez became the father of Eleasah, ⁴⁰and Eleasah became the father of Sismai and Sismai became the father of Shallum, ⁴¹and Shallum became the father of Jekamiah, and Jekamiah became the father of Elishama.

⁴²Now the sons of Caleb, the brother of Jerahmeel, were Mesha his first-born, who was the father of Ziph; and his son was Mareshah, the father of Hebron. ⁴³And the sons of Hebron were Korah and Tappuah and Rekem and Shema. ⁴⁴And Shema became the father of Raham, the father of Jorjoam; and Rekem became the father of Shammai. ⁴⁵And the son of Shammai was Maon, and Maon was the father of Bethzur. ⁴⁶And Ephah, Caleb's concubine, bore Haran, Moza, and Gazez; and Haran became the father of Gazez. ⁴⁷And the sons of Jahdai were Regem, Jotham, Geshan, Pelet, Ephah, and Shaaph. ⁴⁸Maacah, Caleb's concubine, bore Sheber and Tirhanah. ⁴⁹She also bore Shaaph the father of Madmannah, Sheva the father of Machbenah and the father of Gibeaz; and the daughter of Caleb was Achsah. ⁵⁰These were the sons of Caleb. The sons of Hur, the first-born of Ephrath, were Shobal the father of Kirjath-jearim, ⁵¹Salma the father of Bethlehem and Hareph the father of Beth-gader. ⁵²And Shobal the father of Kirjath-jearim had sons: Haroeh, half of the Manahathites, ⁵³and the families of Kirjath-jearim: the Ithrites, the Puthites, the Shumathites, and the Mishraites; from these came the Zorathites and the Eshtaulites. ⁵⁴The sons of Salma were Bethlehem and the Netophathites, Atroth-beth-joab and half of the Manahathites, the Zorites. ⁵⁵And the families of scribes who lived at Jabez were the Tirathites, the Shimeathites, and the Sucathites. Those are the Kenites who came from Hammath, the father of the house of Rechab.

Genealogy of David (3.1-3.24)

3 ¹Now these were the sons of David who were born to him in Hebron: the first-born was Amnon, by Ahinoam the Jezreelitess; the second was Daniel, by Abigail the Carmelitess; ²the third was Absalom the son of Maacah, the daughter of Talmai king of Geshur; the fourth was Adonijah the son of Haggith; ³the fifth was Shephatiah, by Abital; the sixth was Ithream, by his wife Eglah. ⁴Six were born to him in Hebron, and there he reigned seven years and six months. And in Jerusalem he reigned thirty-three years. ⁵And these were born to him in Jerusalem: Shimea, Shobab, Nathan, and Solomon, four, by Bath-shua the daughter of Ammiel; ⁶and Ithar, Elishama, Eliphelet, ⁷Nogah, Nepheg, and Japhia, ⁸Elishama, Eliada, and Eliphelet, nine. ⁹All these were the sons of David, besides the sons of the concubines; and Tamar was their sister.

¹⁰Now Solomon's son was Rehoboam, Abijah was his son, Asa his son, Jehoshaphat his son,

1 Sứ-ký 2.37-3.10

³⁷và Xa-bát thành cha của Ép-la, và Ép-la thành cha của Ô-bét, ³⁸và Ô-bét thành cha của Giê-hu, và Giê-hu thành cha của A-xa-ria, ³⁹và A-xa-ria thành cha của Hê-lét, và Hê-lét thành cha của Ê-la-xa, ⁴⁰và Ê-la-xa thành cha của Sít-mai, và Sít-mai thành cha của Sa-lum, ⁴¹và Sa-lum thành cha của Giê-ca-mia, và Giê-ca-mia thành cha của Ê-li-sa-ma.

⁴²Bây giờ các con trai của Ca-lép, em của Giê-rác-mê-ên, là Mê-sa con đầu lòng của người, là cha của Xíp; và con trai của người là Ma-rê-sa, cha của Hép-rôn. ⁴³Các con trai của Hép-rôn là Cô-ra, Tháp-bu-ách, Rê-kem, và Sê-ma. ⁴⁴Và Sê-ma thành cha của Ra-cham, cha của Giô-kê-am; Rê-kem thành cha của Sa-mai. ⁴⁵Và con trai của Sa-mai là Ma-ôn, và Ma-ôn là cha của Bết-sua. ⁴⁶Và Ê-pha, vợ bé của Ca-lép, sanh ra Ha-ran, Một-sa, và Ga-xe; và Ha-ran thành cha của Ga-xe. ⁴⁷Và các con trai của Gia-đai là Rê-ghem, Giô-tham, Ghê-san, Phê-lét, Ê-pha, và Sa-áp. ⁴⁸Ma-a-ca, vợ bé của Ca-lép, sanh ra Sê-be và Ti-ra-na. ⁴⁹Bà cũng sanh ra Sa-áp cha của Mát-ma-na, Sê-va cha của Mác-bê-na và cha của Ghi-bê-a; và con gái của Ca-lép là Ac-sa. ⁵⁰Đây là các con trai của Ca-lép. Các con trai của Hu-rơ, con đầu lòng của Ép-ra-ta, là Sô-banh cha của Ki-ri-át-Giê-a-rim, ⁵¹Sanh-ma cha của Bết-lê-hem và Hê-rép cha của Bết-ga-đe. ⁵²Và Sô-banh cha của Ki-ri-át-Giê-a-rim có các con trai là Ha-rô-ê, một nửa dân Ma-na-hát, ⁵³và các gia-đình dân Ki-ri-át-Giê-a-rim: dân Giê-the, dân Phu-tít, dân Su-ma-tít, và dân Mích-ra-ít; từ các dân này đến dân Xô-ra-tít và dân Êt-tha-ôn. ⁵⁴Những con trai của Sanh-ma là Bết-lê-hem và dân Nê-tô-pha, A-t-rôt-Bết-Giô-áp và phân nửa dân Ma-na-hát, dân Xô-rít. ⁵⁵Những gia-đình của các thầy thông-giáo sống tại Gia-bết là dân Ti-ra-tít, dân Si-mê-át, và dân Su-ca-tít. Đó là dân Kê-nít đến từ Ha-mát, tô-phụ của nhà Rê-cáp.

Gia-phổ của Đa-vít (3.1-3.24)

3 ¹Bây giờ, đây là những con trai của Đa-vít được sanh cho ông tại Hép-rôn: con đầu-lòng là Am-nôn do A-hi-nô-am, người nữ Gít-rê-ên; con thứ nhì là Đa-ni-ên do A-bi-ga-in, người nữ Cạt-mên; ²thứ ba Áp-sa-lôm con trai của Ma-a-ca, con gái của Thanh-mai vua của Ghê-su-rơ; thứ tư A-đô-ni-gia con trai của Ha-ghít; ³thứ năm Sê-pha-tia, do A-bi-tanh; và thứ sáu Giết-rê-am, do vợ ông là Êc-la. ⁴Sáu đứa được sanh ra cho ông tại Hép-rôn; và ở đó ông trị-vì 7 năm 6 tháng. Và tại Giê-ru-sa-lem ông trị-vì 33 năm. ⁵Và đây là những đứa được sinh ra cho ông tại Giê-ru-sa-lem: Si-mê-a, Sô-báp, Na-than, và Sa-lô-môn, 4 người, do Bát-sua con gái của A-mi-ên; ⁶Gi-ba, Ê-li-sa-ma, Ê-li-phê-lét, ⁷Nô-ga, Nê-phết, Gia-phia, ⁸Ê-li-sa-ma, Ê-li-gia-đa, Ê-li-phê-lét, 9 người. ⁹Tất cả là các con trai của Đa-vít, chẳng kể các con trai của những cung-phi; và Ta-ma là chị-em của chúng.

¹⁰Bây giờ, con trai của Sa-lô-môn là: Rô-bô-am, A-bi-gia là con trai của người, A-sa con trai của người, Giô-sa-phát con trai của người,

1 Sứ-ký 3.11-4.12

¹¹Giô-ram con trai của người, A-cha-xia con trai của người, Giô-ách con trai của người, ¹²A-ma-xia con trai của người, A-xa-ria con trai của người, Giô-tham con trai của người, ¹³A-cha con trai của người, Ê-xê-chia con trai của người, Ma-na-se con trai của người, ¹⁴A-môn con trai của người, Giô-si-a con trai của người. ¹⁵Và các con trai của Giô-si-a là: Giô-ha-nan con đầu-lòng, và con thứ nhì là Giê-hô-gia-kim, thứ ba Sê-đê-kia, thứ tư Sa-lum. ¹⁶Và các con trai Giê-hô-gia-kim là: Giê-chô-nia con trai của người, Sê-đê-kia con trai của người. ¹⁷Và những con trai của Giê-chô-nia, tù-nhân ấy, là: Sa-la-thi-ên con trai của người, ¹⁸Manh-ki-ram, Phê-đa-gia, Sê-na-xa, Giê-ca-mia, Hô-sa-ma, và Nê-đa-bia. ¹⁹Và các con trai của Phê-đa-gia là: Xô-rô-ba-bên và Si-mê-i. Và các con trai của Xô-rô-ba-bên là: Mê-su-lam và Ha-na-nia, và Sê-lô-mít là chị em chúng; ²⁰và Ha-su-ba, Ô-hên, Bê-rê-kia, Ha-sa-đia, và Giu-sáp-Hê-sét, 5 người. ²¹Và các con trai của Ha-na-nia là: Phê-la-tia và Ê-sai, các con trai của Rê-pha-gia, các con trai của Ạc-nan, các con trai của Ô-ba-đia, các con trai của Sê-ca-nia. ²²Và con trai của Sê-ca-nia là: Sê-ma-gia, và các con trai của Sê-ma-gia là: Hát-túc, Di-ganh, Ba-ria, Nê-a-ria, và Sa-phát, 6 người. ²³Và các con trai của Nê-a-ria là: Ê-li-ô-ê-nai, Ê-xê-chia, và A-ri-kham, 3 người. ²⁴Và các con trai của Ê-li-ô-ê-nai là: Hô-đa-via, Ê-li-a-síp, Phê-la-gia, A-cúp, Giô-ha-nan, Đê-la-gia, và A-na-ni, 7 người.

2. Các chi-tộc của Y-sơ-ra-ên (4.1-9.3)

Con cháu của Hu-rơ, con trai của Giu-đa (4.1-4.23)

4 ¹Các con trai của Giu-đa là Phê-rét, Hết-rôn, Cạt-mi, Hu-rơ, và Sô-banh. ²Và Rê-a-gia con trai của Sô-banh thành cha của Gia-hát, và Gia-hát thành cha của A-hu-mai và La-hát. Đây là các gia-đình các người Xô-ra-tít. ³Và đây là các con trai của Ê-tam: Gít-rê-ên, Giết-ma, và Gi-ba; và tên của chị em của chúng là Ha-sê-lê-bô-ni. ⁴Và Phê-nu-ên là cha của Ghê-đo, và Ê-xe là cha của Hu-sa. Đây là những con trai của Hu-rơ, con đầu-lòng của Ép-ra-ta, cha của Bết-lê-hem. ⁵Và A-su-rơ, cha của Thê-cô-a, có hai người vợ, là Hê-lê-a và Na-a-ra. ⁶Và Na-a-ra sanh ra cho người: A-hu-xam, Hê-phe, Thê-mê-ni, và A-hách-tha-ni. Đây là các con trai của Na-a-ra. ⁷Và những con trai của Hê-lê-a là: Xê-rét, Giết-sê-ha, và Êt-nan. ⁸Và Côt thành cha của A-núp và Xô-bê-ba, và các gia-đình của A-ha-hên con trai của Ha-rum. ⁹Và Gia-bết đáng trọng hơn các anh em của người, và mẹ người đặt tên người là Gia-bết, nói: "Bởi vì ta sinh ra nó với sự đau-đớn." ¹⁰Bấy giờ Gia-bết kêu-cầu Đức Chúa TRỜI của Y-sơ-ra-ên, rằng: "Ôi, ước gì Chúa thật sự ban phước cho con, và mở rộng bờ-cõi của con, và ước gì bàn tay Chúa được ở cùng con, và ước gì Chúa giữ con khỏi điều tai-hại, ước gì nó không được làm con đau-đớn!" Và Đức Chúa TRỜI ban cho người điều người đã yêu-cầu.

¹¹Và Kê-lúp anh em của Su-ha thành cha của Mê-hia, là cha của Êt-thôn. ¹²Và Êt-thôn thành cha của Bết-Ra-pha và Pha-sê-a, và Tê-hi-na cha của Y-rơ-Na-hách. Đây là các người đàn-ông Rê-ca.

1 Chronicles 3.11-4.12

¹¹Joram his son, Ahaziah his son, Joash his son, ¹²Amaziah his son, Azariah his son, Jotham his son, ¹³Ahaz his son, Hezekiah his son, Manasseh his son, ¹⁴Amon his son, Josiah his son. ¹⁵And the sons of Josiah were Johanan the first-born, and the second was Jehoiakim, the third Zedekiah, the fourth Shallum. ¹⁶And the sons of Jehoiakim were Jeconiah his son, Zedekiah his son, ¹⁷And the sons of Jeconiah, the prisoner, were Shealtiel his son, ¹⁸and Malchiram, Pedaiiah, Shenazzar, Jekamiah, Hoshama, and Nedabiah. ¹⁹And the sons of Pedaiiah were Zerubbabel and Shimei. And the sons of Zerubbabel were Meshullam and Hananiah, and Shelomith was their sister; ²⁰and Hashubah, Ohel, Berechiah, Hasadiah, and Jushab-hesed, five. ²¹And the sons of Hananiah were Pelatiah and Jeshaiiah, the sons of Rephaiah, the sons of Arnan, the sons of Obadiah, the sons of Shecaniah. ²²And the son of Shecaniah was Shemaiah and the sons of Shemaiah were Hattush, Igal, Bariah, Neariah, and Shaphat, six. ²³And the sons of Neariah were Elioenai, Hezekiah, and Azrikam, three. ²⁴And the sons of Elioenai were Hodaviah, Eliashib, Pelaiah, Akkub, Johanan, Delaiah, and Anani, seven.

2. The tribes of Israel (4.1-9.3)

Descendants of Hur son of Judah (4.1-4.23)

4 ¹The sons of Judah were Perez, Hezron, Carmi, Hur, and Shobal. ²And Reaiah the son of Shobal became the father of Jahath, and Jahath became the father of Ahumai and Lahad. These were the families of the Zorathites. ³And these were the sons of Etam: Jezreel, Ishma, and Idbash; and the name of their sister was Hazzelponi. ⁴And Penuel was the father of Gedor, and Ezer the father of Hushah. These were the sons of Hur, the first-born of Ephrath, the father of Bethlehem. ⁵And Ashur, the father of Tekoa, had two wives, Helah and Naarah. ⁶And Naarah bore him Ahuzam, Hopher, Temeni, and Haahashtari. These were the sons of Naarah. ⁷And the sons of Helah were Zereth, Izhar and Ethnan. ⁸And Koz became the father of Anub and Zobebah, and the families of Aharhel the son of Harum. ⁹And Jabez was more honorable than his brothers, and his mother named him Jabez saying, "Because I bore him with pain." ¹⁰Now Jabez called on the God of Israel, saying, "Oh that Thou wouldst bless me indeed, and enlarge my border, and that Thy hand might be with me, and that Thou wouldst keep me from harm, that it may not pain me!" And God granted him what he requested.

¹¹And Chelub the brother of Shuah became the father of Mehir, who was the father of Eshton. ¹²And Eshton became the father of Beth-rapha and Paseah, and Tehinnah the father of Ir-nahash. These are the men of Recah.

1 Chronicles 4.13-4.39

13Now the sons of Kenaz were Othniel and Seraiah. And the son of Othniel was Hathath. **14**And Meonothai became the father of Ophrah, and Seraiah became the father of Joab the father of Ge-harashim, for they were craftsmen. **15**And the sons of Caleb the son of Jephunneh were Iru, Elah and Naam; and the son of Elah was Kenaz. **16**And the sons of Jehallelel were Ziph and Ziphah, Tiria and Asarel. **17**And the sons of Ezra were Jether, Mered, Ephraim, and Jalon. And these are the sons of Bithia the daughter of Pharaoh, whom Mered took and she conceived and bore Miriam, Shammai, and Ishbah the father of Eshtemoa. **18**And his Jewish wife bore Jared the father of Gedor, and Heber the father of Socoh, and Jekuthiel the father of Zanoah. **19**The sons of the wife of Hodiah, the sister of Naham, were the fathers of Keilah the Garmite and Eshtemoa the Maacathite. **20**And the sons of Shimon were Amnon and Rinnah, Ben-hanan and Tilon. And the sons of Ishi were Zoheth and Ben-zoheth. **21**The son of Shelah the son of Judah was Er the father of Lecah and Laadah the father of Mareshah, and the families of the house of the linen workers at Beth-ashbea; **22**and Jokim, the men of Cozeba, Joash, Saraph, who ruled in Moab, and Jashubilehem. And the records are ancient. **23**These were the potters and the inhabitants of Netaim and Gederah; they lived there with the king for his work.

Descendants of Simeon and Judah (4.24-4.43)

24The sons of Simeon were Nemuel and Jamin, Jarib, Zerach, Shaul; **25**Shallum his son, Mibsam his son, Mishma his son. **26**And the sons of Mishma were Hammuel his son, Zaccur his son, Shimei his son. **27**Now Shimei had sixteen sons and six daughters; but his brothers did not have many sons, nor did all their family multiply like the sons of Judah. **28**And they lived at Beer-sheba, Moladah, and Hazar-shual, **29**at Bilhah, Ezem, Tolad, **30**Bethuel, Hormah, Ziklag, **31**Beth-marcaboth, Hazar-susim, Beth-biri, and Shaaraim. These were their cities until the reign of David. **32**And their villages were Etam, Ain, Rimmon, Tochen, and Ashan, five cities; **33**and all their villages that were around the same cities as far as Baal. These were their settlements, and they have their genealogy. **34**And Meshobab and Jamlech and Joshah the son of Amaziah, **35**and Joel and Jehu the son of Joshibiah, the son of Seraiah, the son of Asiel, **36**and Elioenai, Jaakobah, Jeshohaiah, Asaiah, Adiel, Jesimiel, Benaiah, **37**Ziza the son of Shiphai, the son of Allon, the son of Jedaiah, the son of Shimri, the son of Shemaiah; **38**these mentioned by name were leaders in their families; and their father's houses increased greatly. **39**And they went to the entrance of Gedor, even to the east side of the valley, to seek pasture for their flocks.

1 Sứ-ký 4.13-4.39

13Bây giờ các con trai của Kê-na là: Ót-ni-ên và Sê-ra-gia. Và con trai của Ót-ni-ên là Ha-thát. **14**Và Mê-ô-nô-thai thành cha của Óp-ra, và Sê-ra-gia thành cha của Giô-áp, cha của các người ở thung-lũng của các thợ thủ-công⁽¹⁾, vì họ là thợ thủ-công. **15**Và những con trai của Ca-lép, con trai của Giê-phu-nê, là Y-ru, Ê-la, và Na-am; và con trai của Ê-la là Kê-na. **16**Và những con trai của Giê-ha-lê-le là Xíp và Xi-pha, Thi-ria và A-sa-rên. **17**Và các con trai của E-xơ-ra là Giê-the, Mê-rét, Ê-phe, và Gia-lôn. **2**Và đây là những con trai của Bi-thia, là con gái của Pha-ra-ôn mà Mê-rét đã lấy và bà đã thọ thai và sanh ra: Mí-ri-am, Sa-mai, và Giết-bác cha của Éch-tê-mô-a. **18**Và vợ người Giu-đa của người sanh ra Giê-rết cha của Ghê-đo, và Hê-be cha của Sô-cô, và Giê-cu-ti-ên cha của Xa-nô-a. **19**Các con trai của vợ của Hô-đi-gia, chị em của Na-ham, là các người cha của Kê-hi-la người Gạc-mít và Éch-tê-mô-a người Ma-ca-cát. **20**Và các con trai của Si-môn là: Am-nôn và Ri-na, Bê-n-Ha-nan và Ti-lôn. Và các con trai của Gít-si là Xô-hết và Bê-n-Xô-hết. **21**Và con trai của Sê-la con trai của Giu-đa là Ê-rô cha của Lê-ca và La-ê-đa cha của Ma-rê-sa, và các gia-đình của nhà các người thợ dệt vải lanh tại Bết-Ách-bê-a; **22**và Giô-kim, các người đàn-ông của Cô-xê-ba, Giô-ách, Sa-ráp, cai-trị tại Mô-áp, và Gia-su-bi-Lê-chem. Và các lý-lịch này đều là cổ-đại. **23**Các người này là các thợ gồm và cư-dân ở tại Nê-ta-im và Ghê-đê-ra; họ sống ở đó với nhà vua vì công-việc của nhà vua.

Con cháu của Si-mê-ôn và Giu-đa (4.24-4.43)

24Những con trai của Si-mê-ôn là Nê-mu-ên và Gia-min, Gia-ríp, Xê-ra, Sau-lơ; **25**Sa-lum con trai của người, Mib-sam con trai của người, Mích-ma con trai của người. **26**Và những con trai của Mích-ma là Ham-mu-ên con trai của người, Xa-cu con trai của người, Si-mê-i con trai của người. **27**Bây giờ Si-mê-i có 16 con trai và 6 con gái; nhưng các anh em của người không có nhiều con trai, tất cả gia-đình của họ cũng không gia-tăng như những con trai của Giu-đa. **28**Và họ sống tại Bê-e-Sê-ba, Mô-la-đa, Ha-xa-Sua, **29**tại Bi-ha, Ê-xem, Tô-lát; **30**Bê-tu-ên, Hô-t-ma, Xiéc-lác, **31**Bết-Ma-ca-bốt, Hát-sa-Su-sim, Bết-Bi-rê, và Sa-a-ra-im. Đây là các thành của họ cho đến khi Đa-vít trị-vì. **32**Và các làng của họ là Ê-tam, A-in, Rim-môn, Tô-ken, và A-san, 5 thành; **33**và tất cả các làng của họ ở xung-quanh các thành ấy xa đến tận Ba-anh. Đây là những nơi họ định cư, và họ có gia-phả của họ. **34**Và Mê-sô-báp, Giam-léc, Giô-sa người con trai của A-ma-xia; **35**và Giô-ên, Giê-hu người con trai của Giô-xơ-bia, con trai của Sê-ra-gia, con trai của A-si-ên, **36**Ê-li-ô-ê-nai, Gia-cô-ba, Giê-sô-hai-gia, A-sa-gia, A-đi-ên, Giê-si-mi-ên, Bê-na-gia, **37**Xi-xa con trai của Si-phi, con trai của A-lôn, con trai của Giê-đa-gia, con trai của Sim-ri, con trai của Sê-ma-gia; **38**các người này đã được nêu đích danh là các người lãnh-đạo trong các gia-đình của họ; và các nhà của tổ-phụ của họ được tăng lên rất nhiều. **39**Và họ đi đến ngõ vào của Ghê-đo, tức là đến phía đông của thung-lũng ấy, để tìm đồng cỏ cho các bầy của họ.

¹Ge-harashim: các người ở thung-lũng của các thợ thủ-công

²Trong Thánh-Kinh nguyên-ngữ câu này ở phần cuối của câu 18

1 Sử-ký 4.40-5.17

⁴⁰Và họ tìm được đồng cỏ tươi tốt và sum-sê, và đất thì rộng-rãi, êm-ả, và bình-lặng, vì các người đã sống ở đó trước kia là những người Cham. ⁴¹Và các người này, đã được nêu đích danh, đã đến trong các ngày của Ê-xê-chia vua Giu-đa, và đã đánh hạ các lều của chúng, và các người Ma-ô-nít được tìm thấy ở đó, và hoàn-toàn hủy-diệt chúng cho đến ngày hôm nay, và sống ở chỗ của chúng; bởi vì có đồng cỏ cho các bầy của họ. ⁴²Và từ họ, từ những con trai của Si-mê-ôn, 500 người đàn-ông đi đến Núi Sê-i-rơ, với Phê-la-tia, Nê-a-ria, Rê-pha-gia, và U-xi-ên, những con trai của Gít-si, làm những người lãnh-đạo của họ. ⁴³Và họ đánh hạ phần còn sót lại của dân A-ma-léc đã trốn thoát, và đã sống ở đó cho đến ngày này.

Gia-phổ từ Ru-bên (5.1-5.10)

5 ¹Bây giờ các con trai của Ru-bên, là con đầu-lòng của Y-sơ-ra-ên (vì người là con đầu-lòng, nhưng vì người đã làm ô-uế giường của cha mình, nên quyền trưởng-nam được ban cho các con trai của Giô-sép con trai của Y-sơ-ra-ên; đến nỗi người chẳng được ghi tên trong gia-phổ theo quyền trưởng-nam. ²Đầu Giu-đa trời hơn các anh em của người, và từ người đến vị lãnh-tụ ấy, nhưng quyền trưởng-nam cũng thuộc về Giô-sép), ³các con trai Ru-bên con đầu-lòng của Y-sơ-ra-ên là Hê-nóc và Pha-lu, Hết-rôn và Cạt-mi. ⁴Các con trai của Giô-ên là Sê-ma-gia con trai của người, Gót con trai của người, Si-mê-i con trai của người, ⁵Mi-ca con trai của người, Rê-a-gia con trai của người, Ba-anh con trai của người, ⁶Bê-ê-là con trai của người, mà Tiếc-la-Phi-lê-se vua của A-su-rơ đem đi lưu-đày; người là lãnh-tụ của dân Ru-bên. ⁷Và những anh em của người theo các gia-đình của họ, trong gia-phổ của các thế-hệ của họ, là tộc-trưởng Giê-i-ên, kể đó Xa-cha-ri, ⁸và Bê-la con trai của A-xa, con trai của Sê-ma, con trai của Giô-ên, là người sống tại A-rô-e, đến cả Nê-bô và Ba-anh-Mê-ôn. ⁹Và về phía đông người định cư xa đến tận lối vào vùng hoang-vu từ sông O-phơ-rát, vì bầy bò của họ đã tăng thêm trong xứ Ga-la-át. ¹⁰Và trong những ngày của Sau-lơ, họ gây chiến với dân Ha-ga-rít, những kẻ đã ngạ-gục bởi tay họ, đến nỗi họ ở trong các lều của chúng khắp tất cả đất phía đông của Ga-la-át.

Gia-phổ từ Gát (5.11-5.22)

11 ¹Bây giờ các con trai của Gát sống đối diện với họ trong đất Ba-san, xa đến tận Sanh-ca. ²Giô-ên là tộc-trưởng, và Sa-pham là phó, kể đó Gia-nai và Sa-phát ở Ba-san. ³Và anh em của họ thuộc các gia-hộ của tổ-phụ của họ là Mi-ca-ên, Mê-su-lam, Sê-ba, Giô-rai, Gia-can, Xia, và Hê-be, 7 người. ⁴Đây là các con trai của A-bi-hai, con trai của Hu-ri, con trai của Gia-rô-a, con trai của Ga-la-át, con trai của Mi-ca-ên, con trai của Giê-si-sai, con trai của Giác-đô, con trai của Bu-xơ; ⁵A-hi con trai của Áp-đi-ên, con trai của Gu-ni, là trưởng-tộc các gia-hộ của tổ-phụ của họ. ⁶Và họ sống trong Ga-la-át, trong Ba-san, và trong các thị-xã của xứ ấy, và trong tất cả các đất đồng cỏ Sa-rôn, xa đến tận những chỗ đi ra⁽¹⁾ của họ. ⁷Tất cả các người này đã được ghi tên vào các gia-phổ trong các ngày của Giô-tham vua Giu-đa và trong những ngày của Giê-rô-bô-am vua của Y-sơ-ra-ên.

¹hay: các biên-giới của họ

1 Chronicles 4.40-5.17

⁴⁰And they found rich and good pasture, and the land was broad and quiet and peaceful, for those who lived there formerly *were* Hamites. ⁴¹And these, recorded by name, came in the days of Hezekiah king of Judah, and smote their tents, and the Meunites who were found there, and destroyed them utterly to this day, and lived in their place; because there was pasture for their flocks. ⁴²And from them, from the sons of Simeon, five hundred men went to Mount Seir, with Pelatiah, Neariah, Rephaiah, and Uzziel, the sons of Ishi, as their leaders. ⁴³And they smote the remnant of the Amalekites who escaped, and have lived there to this day.

Genealogy from Reuben (5.1-5.10)

5 ¹Now the sons of Reuben the first-born of Israel (for he was the first-born, but because he defiled his father's bed, his birthright was given to the sons of Joseph the son of Israel; so that he is not enrolled in the genealogy according to the birthright. ²Though Judah prevailed over his brothers, and from him came the leader, yet the birthright belonged to Joseph), ³the sons of Reuben the first-born of Israel *were* Enoch and Pallu, Hezron and Carmi. ⁴The sons of Joel *were* Shemaiah his son, Gog his son, Shimei his son, ⁵Micah his son, Reaiah his son, Baal his son, ⁶Beerah his son, whom Tiglath-pileser king of Ashur carried away into exile; he was leader of the Reubenites. ⁷And his brothers by their families, in the genealogy of their generations, *were* Jeiel the chief, then Zechariah, ⁸and Bela the son of Azaz, the son of Shema, the son of Joel, who lived in Aroer, even to Nebo and Baal-meon. ⁹And to the east he settled as far as the entrance of the wilderness from the river Euphrates, because their cattle had increased in the land of Gilead. ¹⁰And in the days of Shaul they made war with the Hagarites, who fell by their hand, so that they dwelt in their tents throughout all the land east of Gilead.

Genealogy from Gad (5.11-5.22)

11 ¹Now the sons of Gad lived opposite them in the land of Bashan as far as Salecah. ²Joel *was* the chief, and Shapham the second, then Janai and Shaphat in Bashan. ³And their brother of their fathers' households were Michael, Meshullam, Sheba, Jorai, Jacan, Zia, and Heber, seven. ⁴These *were* the sons of Abihail, the son of Huri, the son of Jaroah, the son of Gilead, the son of Michael, the son of Jeshishai, the son of Jahdo, the son of Buz; ⁵Ahi the son of Abdiel, the son of Guni, *was* head of their fathers' households. ⁶And they lived in Gilead, in Bashan and in its towns, and in all the pasture lands of Sharon, as far as their goings out. ⁷All of these were enrolled in the genealogies in the days of Jotham king of Judah and in the days of Jeroboam king of Israel.

1 Chronicles 5.18-5.40

18The sons of Reuben and the Gadites and the half-tribe of Manasseh, *consisting of valiant men, men who bore shield and sword and shot with bow, and were skillful in battle, were 44,760, who went to war.* **19**And they made war against the Hagrites, Jetur, Naphish, and Nodab. **20**And they were helped against them, and the Hagrites and all who *were* with them were given into their hand; for they cried out to God in the battle, and He was entreated for them, because they trusted in Him. **21**And they took away their cattle; their 50,000 camels, 250,000 sheep, 2,000 donkeys, and 100,000 souls of men. **22**For many fell slain, because the war *was* of God. And they settled in their place until the exile.

Genealogy from Manasseh (5.23-5.26)

23Now the sons of the half-tribe of Manasseh lived in the land; from Bashan to Baal-hermon and Senir and Mount Hermon they were numerous. **24**And these were the heads of their fathers' households, even Ephher, Ishi, Eliel, Azriel, Jeremiah, Hodaviah, and Jahdiel, mighty men of valor, famous men, heads of their fathers' households.

25But they acted treacherously against the God of their fathers, and played the harlot after the gods of the peoples of the land, whom God had destroyed before them. **26**So the God of Israel stirred up the spirit of Pul, king of Ashur, even the spirit of Tiglath-pileser king of Ashur, and he carried them away into exile, namely the Reubenites, the Gadites, and the half-tribe of Manasseh, and brought them to Halah, Habor, Hara, and to the river of Gozan, to this day.

3. The priestly line (5.27-6.66)

Genealogy from Levi (5.27-5.41)

27The sons of Levi *were* Gershon, Kohath, and Merari. **28**And the sons of Kohath *were* Amram, Izhar, Hebron and Uzziel. **29**And the children of Amram *were* Aaron, Moses, and Miriam. And the sons of Aaron *were* Nadab, Abihu Abihu, Eleazar, and Ithamar. **30**Eleazar became the father of Phinehas, *and* Phinehas became the father of Abishua, **31**and Abishua became the father of Bukki, and Bukki became the father of Uzzi, **32**and Uzzi became the father of Zerariah and Zerariah became the father of Meraioth, **33**Meraioth became the father of Amariah, and Amariah became the father of Ahitub, **34**and Ahitub became the father of Zadok, and Zadok became the father of Ahimaaz, **35**and Ahimaaz became the father of Azariah, and Azariah became the father of Johanan, **36**and Johanan became the father of Azariah (it was he who served as the priest in the house which Solomon built in Jerusalem), **37**and Azariah became the father of Amariah, and Amariah became the father of Ahitub, **38**and Ahitub became the father of Zadok, and Zadok became the father of Shallum, **39**and Shallum became the father of Hilkiah, and Hilkiah became the father of Azariah, **40**and Azariah became the father of Seraiah, and Seraiah became the father of Jehozadak;

1 Sứ-ký 5.18-5.40

18Những con trai của Ru-bên và dân Gát, và phân nửa chi-tộc Ma-na-se, gồm có các người đàn-ông dũng-cảm, các người cầm khiên, gươm, bắn cung, và tài-tinh trong chiến-trận, là 44 ngàn 760, là những kẻ đã đi ra trận-chiến. **19**Và họ gây chiến với dân Ha-ga-rít, Giê-thu, Na-phích, và Nô-đáp. **20**Và họ được trợ-giúp chống lại chúng, và dân Ha-ga-rít và mọi kẻ cùng với chúng đều bị phó vào trong tay họ; vì họ kêu-cầu cùng Đức Chúa TRỜI trong chiến-trận, và Ngài đã được van-xin cho họ, vì họ trông-cậy nơi Ngài. **21**Và họ bắt những bầy súc-vật của chúng đi; 50 ngàn lạc-đà, 250 ngàn chiên, 2 ngàn lừa, và 100 ngàn hồn người. **22**Có nhiều người bị giết vì trận-chiến là của Đức Chúa TRỜI. Và họ định cư trong chỗ của chúng cho đến sự lưu-đày ấy.

Gia-phổ từ Ma-na-se (5.23-5.26)

23Bây giờ các con trai của phân nửa chi-tộc Ma-na-se sống trong xứ ấy; từ Ba-san đến Ba-anh-Hết-môn, Sê-nia, và Núi Hết-môn; họ rất đông. **24**Và đây là các tộc-trưởng các gia-hộ của tổ-phụ họ, tức là Ê-phe, Gít-si, Ê-li-ên, Ách-ri-ên, Giê-rê-mi, Hô-đa-via, và Giắc-di-ên, các người đàn-ông phi-thường dũng-cảm, các người đàn-ông nổi tiếng, các tộc-trưởng của các gia-hộ của tổ-phụ của họ.

25Nhưng họ hành-động phản-trắc chống lại Đức Chúa TRỜI của tổ-phụ họ, và chơi trò đi-diểm đi theo các thần những dân-tộc của xứ mà Đức Chúa TRỜI đã hủy-diệt trước mặt họ. **26**Vì vậy Đức Chúa TRỜI của Y-so-ra-ên khích-động linh của Phun vua của A-su-ơ, cả linh của Tiếc-la-Phi-lê-se, cũng là vua của A-su-ơ, và hãm họ đi lưu-đày, đó là dân Ru-bên, dân Gát, và phân nửa chi-tộc Ma-na-se, và đem họ đến Ha-la, Ha-bo, Ha-ra, và đến sông Gô-xan, tới ngày này.

3. Dòng-dõi thầy tế-lễ (5.27-6.66)

Gia-phổ của Lê-vi (5.27-5.41)

(1)**27**Những con trai của Lê-vi là Ghết-sôn, Kê-hát, và Mê-ra-ri. **28**Và các con trai của Kê-hát là Am-ram, Giết-sê-ha, Hếp-rôn, và U-xi-ên. **29**Và con-cái của Am-ram là A-rôn, Môi-se, và Mi-ri-am. Và các con trai của A-rôn là Na-đáp, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa, và Y-tha-ma. **30**Ê-lê-a-sa thành cha của Phi-nê-a, và Phi-nê-a thành cha của A-bi-sua, **31**và A-bi-sua thành cha của Bu-ki, và Bu-ki thành cha của U-xi, **32**và U-xi thành cha của Xê-ra-hi-gia, và Xê-ra-hi-gia thành cha của Mê-ra-giôt, **33**Mê-ra-giôt thành cha của A-ma-ria, và A-ma-ria thành cha của A-hi-túp, **34**và A-hi-túp thành cha của Xa-đốc, Xa-đốc thành cha của A-hi-ma-ách, **35**và A-hi-ma-ách thành cha của A-xa-ria, và A-xa-ria thành cha của Giô-ha-nan, **36**và Giô-ha-nan thành cha của A-xa-ria (chính người đã phục-vụ làm thầy tế-lễ trong đền mà Sa-lô-môn đã xây tại Giê-ru-sa-lem), **37**và A-xa-ria thành cha của A-ma-ria, và A-ma-ria thành cha của A-hi-túp, **38**và A-hi-túp thành cha của Xa-đốc, và Xa-đốc thành cha của Sa-lum, **39**và Sa-lum thành cha của Hinh-kia, và Hinh-kia thành cha của A-xa-ria, **40**và A-xa-ria thành cha của Sê-ra-gia, và Sê-ra-gia thành cha của Giê-hô-xa-đác;

¹Nguyên ngữ 1 Sứ ký 5.27, các bản dịch khác 1 Sứ ký 6.1

1 Sứ-ký 5.41-6.28

⁴¹và Giê-hô-xa-đác đi theo khi Đức GIA-VÊ đem Giu-đa và Giê-ru-sa-lem đi lưu-đày bởi bàn tay của Nê-bu-cát-nết-sa.

Gia-phổ từ Lê-vi tiếp theo (6.1-6.38)

6⁽¹⁾Các con trai của Lê-vi là Ghết-sôn, Kê-hát, và Mê-ra-ri. ²Và đây là tên những con trai của Ghết-sôn: Líp-ni và Si-mê-i. ³Và những con trai của Kê-hát là Am-ram, Giết-sê-ha, Hếp-rôn, và U-xi-ên. ⁴Các con trai của Mê-ra-ri là Mách-li và Mu-si. Và đây là các gia-đình của những người Lê-vi theo các gia-hộ của tổ-phụ họ. ⁵Thuộc về Ghết-sôn: Líp-ni con trai của người, Gia-hát con trai của người, Xim-ma con trai của người, ⁶Giô-a con trai của người, Y-đô con trai của người, Xê-ra con trai của người, Giê-a-trai con trai của người. ⁷Các con trai của Kê-hát là: A-mi-na-đáp con trai của người, Cô-ra con trai của người, Át-si con trai của người, ⁸Ên-ca-na con trai của người, Ê-bi-a-sáp con trai của người, Át-si con trai của người, ⁹Ta-hát con trai của người, U-xi-ên con trai của người, U-xi-gia con trai của người, Sau-lơ con trai của người. ¹⁰Và các con trai của Ên-ca-na là: A-ma-sai và A-hi-mốt. ¹¹Về phần Ên-ca-na, các con trai của Ên-ca-na là: Xô-phai con trai của người, Na-hát con trai của người, ¹²Ê-li-áp con trai của người, Giê-rô-ham con trai của người, Ên-ca-na con trai của người. ¹³Và các con trai của Sa-mu-ên là: Giô-ên con đầu-lòng và A-bi-gia con thứ hai. ¹⁴Các con trai của Mê-ra-ri là: Mách-li, Líp-ni con trai của người, Si-mê-i con trai của người, U-xa con trai của người, ¹⁵Si-mê-i con trai của người, Ha-ghi-gia con trai của người, A-sa-gia con trai của người.

¹⁶Bây giờ đây là những người mà Đa-vít đã bổ-nhiệm vào việc phục-vụ ca hát trong đền của Đức GIA-VÊ, sau khi rương giao-ước đã để yên ở đó. ¹⁷Và họ hầu-việc ca hát phía trước đền-tạm của lều hội-kiến, cho đến khi Sa-lô-môn đã xây xong đền Đức GIA-VÊ tại Giê-ru-sa-lem; và họ phục-vụ trong chức-vụ của họ theo ban-thứ của họ. ¹⁸Và đây là các người phục-vụ với những con trai của họ. Từ những con trai của những người Kê-hát là ca-sĩ Hê-man, con trai của Giô-ên, con trai của Sa-mu-ên, ¹⁹con trai của Ên-ca-na, con trai của Giê-rô-ham, con trai của Ê-li-ên, con trai của Thô-a, ²⁰con trai của Xu-phơ, con trai của Ên-ca-na, con trai của Ma-hát, con trai của A-ma-sai, ²¹con trai của Ên-ca-na, con trai của Giô-ên, con trai của A-xa-ria, con trai của Sô-phô-ni, ²²con trai của Ta-hát, con trai của Át-si, con trai của Ê-bi-a-sáp, con trai của Cô-ra, ²³con trai của Giết-sê-ha, con trai của Kê-hát, con trai của Lê-vi, con trai của Y-sơ-ra-ên. ²⁴Và người anh em của Hê-man là A-sáp đứng bên tay hữu của người, tức là A-sáp con trai của Bê-rê-kia, con trai của Si-mê-a, ²⁵con trai của Mi-ca-ên, con trai của Ba-sê-gia, con trai của Manh-ki-gia, ²⁶con trai của Ét-ni, con trai của Xê-ra, con trai của A-đa-gia, ²⁷con trai của Ê-than, con trai của Xim-ma, con trai của Si-mê-i, ²⁸con trai của Gia-hát, con trai của Ghết-sôn, con trai của Lê-vi.

¹Nguyên ngữ 1 Sứ ký 6.1; các bản dịch khác 1 Sứ ký 6.16

1 Chronicles 5.41-6.28

⁴¹and Jehozadak went along when YHWH carried Judah and Jerusalem away into exile by the hand of Nebuchadnezzar.

Genealogy from Levi continued (6.1-6.38)

6¹The sons of Levi were Gershom, Kohath, and Merari. ²And these are the names of the sons of Gershom: Libni and Shimei. ³And the sons of Kohath were Amram, Izhar, Hebron, and Uzziel. ⁴The sons of Merari were Mahli and Mushi. And these are the families of the Levites according to their fathers' households. ⁵Of Gershom: Libni his son, Jahath his son, Zimmah his son, ⁶Joah his son, Iddo his son, Zerah his son, Jeatherai his son. ⁷The sons of Kohath were Amminadab his son, Korah his son, Assir his son, ⁸Elkanah his son, Ebiasaph his son, and Assir his son, ⁹Tahath his son, Uzziel his son, Uzziel his son, and Shaul his son. ¹⁰And the sons of Elkanah were Amasai and Ahimoth. ¹¹As for Elkanah, the sons of Elkanah were Zophai his son and Nahath his son, ¹²Eliab his son, Jeroham his son, Elkanah his son. ¹³And the sons of Samuel were Joel, the first-born and Abijah, the second. ¹⁴The sons of Merari were Mahli, Libni his son, Shimei his son, Uzzah his son, ¹⁵Shimei his son, Haggiah his son, Asaiah his son.

¹⁶Now these are those whom David appointed over the service of song in the house of YHWH, after the ark rested there. ¹⁷And they ministered with song before the tabernacle of the tent of meeting, until Solomon had built the house of YHWH in Jerusalem; and they served in their office according to their order. ¹⁸And these are those who served with their sons. From the sons of the Kohathites were Heman the singer, the son of Joel, the son of Samuel, ¹⁹the son of Elkanah, the son of Jeroham, the son of Eliel, the son of Toah, ²⁰the son of Zuph, the son of Elkanah, the son of Mahath, the son of Amasai, ²¹the son of Elkanah, the son of Joel, the son of Azariah, the son of Zephaniah, ²²the son of Tahath, the son of Assir, the son of Ebiasaph, the son of Korah, ²³the son of Izhar, the son of Kohath, the son of Levi, the son of Israel. ²⁴And Heman's brother Asaph stood at his right hand, even Asaph the son of Berechiah, the son of Shimea, ²⁵the son of Michael, the son of Baaseiah, the son of Malchijah, ²⁶the son of Ethni, the son of Zerah, the son of Adaiyah, ²⁷the son of Ethan, the son of Zimmah, the son of Shimei, ²⁸the son of Jahath, the son of Gershom, the son of Levi.

²⁹And on the left hand *were* their brothers the sons of Merari: Ethan the son of Kishi, the son of Abdi, the son of Malluch, ³⁰the son of Hashabiah, the son of Amaziah, the son of Hilkiah, ³¹the son of Amzi, the son of Bani, the son of Shemer, ³²the son of Mahli, the son of Mushi, the son of Merari, the son of Levi. ³³And their brothers the Levites were appointed for all the service of the tabernacle of the house of God.

³⁴But Aaron and his sons offered on the altar of burnt offering and on the altar of incense, for all the work of the most holy place, and to make atonement for Israel, according to all that Moses the servant of God had commanded. ³⁵And these are the sons of Aaron: Eleazar his son, Phinehas his son, Abishua his son, ³⁶Bukki his son, Uzzi his son, Zerahiah his son, ³⁷Meraioth his son, Amariah his son, Ahitub his son, ³⁸Zadok his son, Ahimaaz his son.

Genealogy from Aaron (6.39-6.66)

³⁹Now these are their settlements according to their camps within their borders. To the sons of Aaron of the families of the Kohathites (for theirs was the *first* lot), ⁴⁰to them they gave Hebron in the land of Judah, and its pasture lands around it; ⁴¹but the fields of the city and its villages, they gave to Caleb the son of Jephunneh. ⁴²And to the sons of Aaron they gave the *following* cities of refuge: Hebron, Libnah also with its pasture lands, Jattir, Eshtemoa with its pasture lands, ⁴³Hilen with its pasture lands, Debir with its pasture lands, ⁴⁴Ashan with its pasture lands, and Beth-shemesh with its pasture lands; ⁴⁵and from the tribe of Benjamin: Geba with its pasture lands, Allemeth with its pasture lands, and Anathoth with its pasture lands. All their cities throughout their families were 13 cities.

⁴⁶Then to the rest of the sons of Kohath were given by lot, from the family of the tribe, from the half-tribe, the half of Manasseh, ten cities. ⁴⁷And to the sons of Gershon according to their families, *were given* from the tribe of Issachar and from the tribe of Asher, the tribe of Naphtali, and the tribe of Manasseh, 13 cities in Bashan. ⁴⁸To the sons of Merari *were given* by lot, according to their families, from the tribe of Reuben, the tribe of Gad, and the tribe of Zebulun, 12 cities. ⁴⁹So the sons of Israel gave to the Levites the cities with their pasture lands. ⁵⁰And they gave by lot from the tribe of the sons of Judah, the tribe of the sons of Simeon, and the tribe of the sons of Benjamin, these cities which are mentioned by name.

⁵¹Now some of the families of the sons of Kohath had cities of their territory from the tribe of Ephraim. ⁵²And they gave to them the following cities of refuge: Shechem in the hill country of Ephraim with its pasture lands, Gezer also with its pasture lands.

²⁹Và bên tay trái là anh em của họ, những con trai của Mê-ra-ri: Ê-than con trai của Ki-si, con trai của Áp-đi, con trai của Ma-lúc, ³⁰con trai của Ha-sa-bia, con trai của A-ma-xia, con trai của Hinh-kia, ³¹con trai của Am-si, con trai của Ba-ni, con trai của Sê-me, ³²con trai của Mách-li, con trai của Mu-si, con trai của Mê-ra-ri, con trai của Lê-vi. ³³Và anh em của họ, những người Lê-vi, được bổ-nhiệm làm mọi việc phục dịch trong lều tạm đền của Đức Chúa TRỜI.

³⁴Nhưng A-rôn và những con trai của người hiến-dâng trên bàn-thờ của-lễ thiêu và trên bàn-thờ hương-trâm, cho mọi công việc trong nơi chí-thánh, và làm lễ chuộc-tội cho Y-sơ-ra-ên, y theo mọi sự Môi-se, đấng-tớ Đức Chúa TRỜI, đã truyền. ³⁵Và đây là các con trai A-rôn: Ê-lê-a-sa con trai của người, Phi-nê-a con trai của người, A-bi-sua con trai của người, ³⁶Bu-ki con trai của người, U-xi con trai của người, Xê-ra-hi-gia con trai của người, ³⁷Mê-ra-giôt con trai của người, A-ma-ria con trai của người, A-hi-túp con trai của người, ³⁸Xa-đốc con trai của người, A-hi-ma-ách con trai của người.

Gia-phố từ A-rôn (6.39-6.66)

³⁹Bấy giờ đây là những nơi định cư của họ tùy theo các trại của họ ở bên trong các biên-giới của họ. Cho những con trai A-rôn thuộc các gia-tộc những người Kê-hát (vì họ được thăm đầu tiên), ⁴⁰cho họ người ta ban Hép-rôn trong đất Giu-đa, và những cánh đồng cỏ xung-quanh nó; ⁴¹nhưng các cánh đồng của thành đó và các thị-xã nó, người ta ban cho Ca-lép, con trai của Giê-phu-nê. ⁴²Và cho những con trai của A-rôn, người ta ban các thành ần-náu: Hép-rôn, Líp-na với các đất đồng cỏ của nó, Gia-tia, Êch-tê-mô-a với các đất đồng cỏ của nó, ⁴³Hi-lên với các đất đồng cỏ của nó, Đê-bia với các đất đồng cỏ của nó, ⁴⁴A-san với các đất đồng cỏ của nó, Bết-Sê-mét với các đất đồng cỏ của nó; ⁴⁵và từ chi-tộc Bên-gia-min: Ghê-ba với các đất đồng cỏ của nó, A-lê-mét với các đất đồng cỏ của nó, A-na-tốt với các đất đồng cỏ của nó. Mọi thành xa gần mà các gia-đình của họ ở là 13.

⁴⁶Kể đó 10 thành được ban bởi thăm cho phần còn lại các con trai của Kê-hát, từ gia-đình ấy của chi-tộc ấy, từ nửa chi-tộc ấy, nửa chi-tộc Ma-na-se. ⁴⁷Và 13 thành trong xứ Ba-san, từ chi-tộc Y-sa-ca, chi-tộc A-se, chi-tộc Nép-ta-li, và chi-tộc Ma-na-se *được ban cho* những con trai của Ghết-sôn theo các gia-đình của họ. ⁴⁸12 thành từ chi-tộc Ru-bên, chi-tộc Gát, và chi-tộc Sa-bu-lôn *được ban cho* các con trai của Mê-ra-ri bởi thăm, theo các gia-đình của họ. ⁴⁹Thế là các con trai của Y-sơ-ra-ên ban cho những người Lê-vi các thành với các đất đồng cỏ của họ. ⁵⁰Và họ cho bằng bắt thăm những thành này từ chi-tộc các con trai của Giu-đa, chi-tộc các con trai của Si-mê-ôn, và chi-tộc các con trai của Bên-gia-min, là những thành được nêu tên.

⁵¹Bấy giờ vài gia-đình của những con trai Kê-hát có các thành trong lãnh-thổ của họ từ chi-tộc Ép-ra-im. ⁵²Và người ta cho họ các thành ần-náu: Si-chem tại xứ đồi-núi Ép-ra-im với các đất đồng cỏ của nó, Ghê-xe cũng với các đất đồng cỏ của nó,

1 Sử-ký 6.53-7.7

⁵³Giốc-mê-am với các đất đồng cỏ của nó, Bết-hô-rôn với các đất đồng cỏ của nó, ⁵⁴A-gia-lôn với các đất đồng cỏ của nó, và Gát-Rim-môn với các đất đồng cỏ của nó; ⁵⁵và từ nửa chi-tộc Ma-na-se: A-ne với các đất đồng cỏ của nó và Bi-lê-am với các đất đồng cỏ của nó, cho phần còn lại của gia-đình những con trai của Kê-hát.

⁵⁶Các con trai của Ghệt-sôn được *ban cho*, từ gia-đình nửa chi-tộc Ma-na-se: Gô-lan tại Ba-san với các đất đồng cỏ của nó và Ách-ta-rôt với các đất đồng cỏ của nó; ⁵⁷và từ chi-tộc Y-sa-ca: Kê-đe với các đất đồng cỏ của nó, Đấp-rát với các đất đồng cỏ của nó, ⁵⁸và Ra-môt với các đất đồng cỏ của nó, A-nem với các đất đồng cỏ của nó; ⁵⁹và từ chi-tộc A-se: Ma-sanh với các đất đồng cỏ của nó, Áp-đôn với các đất đồng cỏ của nó, ⁶⁰Hu-cô với các đất đồng cỏ của nó, và Rê-hốp với các đất đồng cỏ của nó; ⁶¹và từ chi-tộc Nép-ta-li: Kê-đe trong Ga-li-lê với các đất đồng cỏ của nó, Ham-môn với các đất đồng cỏ của nó, và Ki-ri-a-ta-im với các đất đồng cỏ của nó.

⁶²Cho phần còn lại của những người *Lê-vi*, các con trai của Mê-ra-ri, được *ban* từ chi-tộc Sa-bu-lôn: Rim-môn với các đất đồng cỏ của nó, Tha-bô với các đất đồng cỏ của nó; ⁶³và vượt xa hơn sông Giô-đanh tại Giê-ri-cô về phía đông của sông Giô-đanh, được *ban* cho họ, từ chi-tộc Ru-bên: Bết-xe trong vùng hoang-vu với các đất đồng cỏ của nó, Gia-xa với các đất đồng cỏ của nó, ⁶⁴Kê-đe-môt với các đất đồng cỏ của nó, và Mê-phát với các đất đồng cỏ của nó; ⁶⁵và từ chi-tộc Gát: Ra-môt trong Ga-la-át với các đất đồng cỏ của nó, Ma-ha-na-im với các đất đồng cỏ của nó, ⁶⁶Hết-bôn với các đất đồng cỏ của nó, và Gia-ê-xe với các đất đồng cỏ của nó.

Gia-phổ từ Y-sa-ca (7.1-7.5)

7 ¹Bây giờ những con trai của Y-sa-ca có 4 người: Thô-la, Phu-a¹, Gia-súp², và Sim-rôn. ²Và các con trai Thô-la là: U-xi, Rê-pha-gia, Giê-ri-ên, Giác-mai, Díp-sam, và Sa-mu-ên, các trưởng-tộc các gia-hộ của tổ-phụ họ. Những *con trai* Thô-la là các người nam phi-thường dũng-cảm trong các thế-hệ họ; con số của họ trong những ngày Đa-vít là 22 ngàn 600. ³Và con trai của U-xi là Gít-ra-hia. Những con trai của Gít-ra-hia là: Mi-ca-ên, Ô-ba-đi-a, Giô-ên, và Giết-si-gia; tất cả 5 người đều là các thủ-lãnh. ⁴Và với họ bởi các thế-hệ của họ theo các gia-hộ của tổ-phụ của họ, là 36 ngàn lính trong quân đội cho chiến-trận, vì họ có nhiều vợ và con trai. ⁵Và các anh em của họ ở giữa tất cả các gia-đình của Y-sa-ca đều là những người nam phi-thường dũng-cảm, được ghi tên theo gia-phổ, tổng-cộng 87 ngàn.

Con cháu của Bên-gia-min (7.6-7.12)

⁶Bên-gia-min có 3 người: Bê-la, Bê-ke, và Giê-đi-a-ên. ⁷Và các con trai Bê-la có 5 người: Êt-bôn, U-xi, U-xi-ên, Giê-ri-môt, và Y-ri. Họ là các đầu-trưởng những gia-hộ của tổ-phụ, các người nam phi-thường dũng-cảm, và được 22 ngàn 34 người ghi tên theo gia-phổ.

¹ở đây là Phu-a, trong Sáng thế 46.13: Phu-va

²ở đây là Gia-súp, trong Sáng thế 46.13 là Gióp

1 Chronicles 6.53-7.7

⁵³Jokmeam with its pasture lands, Beth-horon with its pasture lands, ⁵⁴Aijalon with its pasture lands, and Gath-rimmon with its pasture lands; ⁵⁵and from the half-tribe of Manasseh: Aner with its pasture lands and Balaam with its pasture lands, for the rest of the family of the sons of Kohath.

⁵⁶To the sons of Gershom *were given*, from the family of the half-tribe of Manasseh: Golan in Bashan with its pasture lands and Ashtaroth with its pasture lands; ⁵⁷and from the tribe of Issachar: Kedesh with its pasture lands, Daberath with its pasture lands, ⁵⁸and Ramoth with its pasture lands, Anem with its pasture lands; ⁵⁹and from the tribe of Asher: Marshal with its pasture lands, Abdon with its pasture lands, ⁶⁰Hukkuk with its pasture lands, and Rehob with its pasture lands; ⁶¹and from the tribe of Naphtali: Kedesh in Galilee with its pasture lands, Hammon with its pasture lands, and Kiriathaim with its pasture lands.

⁶²To the rest of *the Levites*, the sons of Merari, *were given*, from the tribe of Zebulun: Rimmon with its pasture lands, Tabor with its pasture lands, ⁶³and beyond the Jordan at Jericho, on the east side of the Jordan, *were given* them, from the tribe of Reuben: Bezer in the wilderness with its pasture lands, Jahzah with its pasture lands, ⁶⁴Kedemoth with its pasture lands, and Mephaath with its pasture lands; ⁶⁵and from the tribe of Gad: Ramoth in Gilead with its pasture lands, Mahanaim with its pasture lands, ⁶⁶Heshbon with its pasture lands, and Jazer with its pasture lands.

Genealogy from Issachar (7.1-7.5)

7 ¹Now the sons of Issachar *were* four: Tola, Puah, Jashub, and Shimron. ²And the sons of Tola *were* Uzzi, Rephaiah, Jeriel, Jahmai, Jibsam, and Samuel heads of their fathers' households. *The sons* of Tola were mighty men of valor in their generations; their number in the days of David was 22,600. ³And the son of Uzzi *was* Izrahiah. And the sons of Izrahiah *were* Michael, Obadiah, Joel, Ishiah; all five of them *were* chief men. ⁴And with them by their generations according to their fathers' households were 36,000 troops of the army for war, for they had many wives and sons. ⁵And their brothers among all the families of Issachar *were* mighty men of valor, enrolled by genealogy, in all 87,000.

Descendants of Benjamin (7.6-7.12)

⁶*The sons* of Benjamin *were* three: Bela and Becher and Jediahel. ⁷And the sons of Bela were five: Ezbon, Uzzi, Uzziel, Jerimoth, and Iri. They *were* heads of fathers' households, mighty men of valor, and were 22,034 enrolled by genealogy.

1 Chronicles 7.8-7.28

⁸And the sons of Becher were Zemirah, Joash, Eliezer, Elioenai, Omri, Jeremoth, Abijah, Anathoth, and Allemeth. All these were the sons of Becher. ⁹And they were enrolled by genealogy, according to their generations, heads of their fathers' households, 20,200 mighty men of valor. ¹⁰And the son of Jediel was Bilhan. And the sons of Bilhan were Jeush, Benjamin, Ehud, Chenaanah, Zethan, Tarshish, and Ahishaha. ¹¹All these were sons of Jediel, according to the heads of their fathers' households, 17,200 mighty men of valor, who were ready to go out with the army to war. ¹²And Shuppim and Huppim were the sons of Ir; Hushim was the son of Aher.

Sons of Naphtali (7.13)

¹³The sons of Naphtali were Jahziel, Guni, Jezer, and Shallum, the sons of Bilhah.

Descendants of Manasseh (7.14-7.19)

¹⁴The sons of Manasseh were Asriel, whom his Aramean concubine bore; she bore Machir the father of Gilead. ¹⁵And Machir took a wife the sister of Huppim and Shuppim, whose sister's name was Maacah. And the name of the second was Zelophehad, and Zelophehad had daughters. ¹⁶And Maacah the wife of Machir bore a son, and she named him Peresh; and the name of his brother was Sheresh, and his sons were Ulam and Rekem. ¹⁷And the son of Ulam was Bedan. These were the sons of Gilead the son of Machir, the son of Manasseh. ¹⁸And his sister Hammoleketh bore Ishod and Abiezer and Mahlah. ¹⁹And the sons of Shemida were Ahian and Shechem and Likhi and Aniam.

Descendants of Ephraim (7.20-7.29)

²⁰And the sons of Ephraim were Shuthelah and Bered his son, Tahath his son, Eladah his son, Tahath his son, ²¹Zabad his son, Shuthelah his son, and Ezer and Elead whom the men of Gath who were born in the land killed, because they came down to take their livestock. ²²And their father Ephraim mourned many days, and his relatives came to comfort him. ²³Then he went in to his wife, and she conceived and bore a son, and he named him Beriah, because misfortune had come upon his house. ²⁴And his daughter was Sheerah, who built lower and upper Beth-horon, also Uzen-Sherah. ²⁵And Rephah was his son along with Resheph, Telah his son, Tahan his son, ²⁶Ladan his son, Ammihud his son, Elishama his son, ²⁷Nun his son, and Joshua his son.

²⁸And their possessions and settlements were Bethel with its towns, and to the east Naaran, and to the west Gezer with its towns and Shechem with its towns as far as Gaza with its towns,

1 Sử-ký 7.8-7.28

⁸Và những con trai của Bê-ke là: Xê-mi-ra, Giô-ách, Ê-li-ê-se, Ê-li-ô-ê-nai, Ôm-ri, Giê-rê-môt, A-bi-gia, A-na-tôt, và A-lê-mét. Tất cả những người này đều là những con trai của Bê-ke. ⁹Và họ được ghi tên theo gia-phổ, theo các thế-hệ của họ, những đầu-trưởng các gia-hộ của tổ-phụ họ, 20 ngàn 200 người nam phi-thường dũng-cảm. ¹⁰Và con trai của Giê-đi-a-ên là Binh-han. Và những con trai của Binh-han là Giê-úc, Bên-gia-min, Ê-hút, Kê-na-na, Xê-than, Ta-rê-si, và A-hi-sa-ha. ¹¹Tất cả các người này là những con trai của Giê-đi-a-ên, theo các đầu-trưởng các gia-hộ của tổ-phụ họ, được 17 ngàn 200 người nam phi-thường dũng-cảm, sẵn-sàng đi ra với quân-đội vào chiến-trận. ¹²Và Súp-bim cùng Hóp-bim là các con trai của Y-ro; Hu-sim là con trai của A-he.

Các con trai của Nép-ta-li (7.13)

¹³Những con trai của Nép-ta-li là Gia-si-ên, Gu-ni, Giê-xe, và Sa-lum, những con trai của bà Bi-ha.

Con cháu của Ma-na-se (7.14-7.19)

¹⁴Những con trai của Ma-na-se là Ách-ri-ên, mà nàng hầu người A-ram của người đã sinh ra; bà cũng sinh ra Ma-kia cha của Ga-la-át. ¹⁵Và Ma-kia cưới vợ, là em gái của Hóp-bim và Súp-bim, có tên là Ma-a-ca. Và tên của người con thứ hai là Xê-lô-phát, và Xê-lô-phát chỉ có các con gái. ¹⁶Và Ma-a-ca vợ của Ma-kia sinh ra con trai, và bà đặt tên cho nó là Phê-rết; và tên của em nó là Sê-rết, và những con trai của người là U-lam và Rê-kem. ¹⁷Và con trai của U-lam là Bê-đan. Đây là các con trai của Ga-la-át con trai của Ma-kia, con trai của Ma-na-se. ¹⁸Và em gái Ha-mô-lê-kết của người sinh ra Y-sốt, A-bi-ê-xe, và Mác-la. ¹⁹Và các con trai của Sê-mi-đa là A-hi-an, Sê-kem, Li-khi, và A-ni-am.

Con cháu của Ép-ra-im (7.20-7.29)

²⁰Và các con trai của Ép-ra-im là Su-tê-la, Bê-re con trai của người, Ta-hát con trai của người, Ê-lê-a-đa con trai của người, Ta-hát con trai của người, ²¹Xa-bát con trai của người, Su-tê-la con trai của người, và Ê-xe và Ê-lê-át mà các người dân-ông Gát được sinh ra tại xứ đó đã giết chết, vì họ đi xuống để bắt súc-vật của chúng. ²²Và tổ-phụ của họ là Ép-ra-im đã than khóc nhiều ngày, và bà-con của người đến để an-ủi người. ²³Đoạn, người đi vào trong vợ của người, và bà thọ thai và sinh ra một con trai, và người đặt tên nó là Bê-ri-a, vì điều bất hạnh đã đến trên nhà người. ²⁴Và con gái của người là Sê-ê-ra, là kẻ đã xây lên hạ và thượng Bết-hô-rôn, cũng xây U-xên-Sê-ê-ra. ²⁵Và Rê-pha là con trai của người cùng với Rê-sép, Tê-la con trai của người, Ta-han con trai của người, ²⁶La-ê-dan con trai của người, Am-mi-hút con trai của người, Ê-li-sa-ma con trai của người, ²⁷Nun con trai của người, và Giô-suê con trai của người.

²⁸Tài-sân và các nơi định cư của họ là Bê-tên với các thị-xã của nó, và về phía đông là Na-a-ran, còn về phía tây là Ghê-xe với các thị-xã của nó và Si-chem với các thị-xã nó xa đến tận Ga-xa với các thị-xã của nó,

1 Sứ-ký 7.29-8.23

²⁹và dọc theo các biên-giới các con trai Ma-na-se: Bết-Sê-an với các thị-xã của nó, Ta-nác với các thị-xã của nó, Mê-ghi-đô với các thị-xã của nó, Đô-rơ với các thị-xã của nó. Trong các nơi này những con trai của Giô-sép, con trai của Y-so-ra-ên, sống.

Con cháu của A-se (7.30-7.40)

30Các con trai của A-se là Giêm-na, Giết-và, Giết-vi và Bê-ri-a, và Sê-ra chị em của họ. ³¹Và các con trai của Bê-ri-a là Hê-be và Manh-ki-ên, cha của Biéc-xa-vít. ³²Và Hê-be thành cha của Giát-phơ-lết, Sô-mê, và Hô-tham, cùng Su-a chị em của họ. ³³Và các con trai của Giát-phơ-lết là Pha-sác, Bim-hanh, và A-vát. Đây là các con trai của Giát-phơ-lết. ³⁴Và các con trai của Sê-me⁽¹⁾ là: A-hi và Rô-hê-ga, Giê-hu-ba và A-ram. ³⁵Và các con trai của anh em Hê-le-m của người là Xô-pha, Giêm-na, Sê-lết, và A-manh. ³⁶Và các con trai của Xô-pha là Su-a, Hạp-nê-phê, Su-anh, Bê-ri, Giêm-ra, ³⁷Bết-xe, Hôt, Sam-ma, Sinh-sa, Giết-ran, và Bê-ê-ra. ³⁸Và các con trai của Giê-the là Giê-phu-nê, Phít-ba, và A-ra. ³⁹Và các con trai của U-la là A-ra, Ha-ni-ên, và Ri-xi-a. ⁴⁰Tất cả các người này đều là các con trai của A-se, các đầu-trưởng của những gia-hộ của tổ-phụ, các người đàn-ông phi-thường và chọn-lọc có sự dũng-cảm, các đầu-trưởng của các ông hoàng. Và con số của họ đăng ký theo gia-phổ cho việc phục-vụ trong chiến-tranh là 26 ngàn người.

Gia-phổ của Bên-gia-min (8.1-8.32)

8 ¹Và Bên-gia-min thành cha của Bê-la là con đầu-lòng của người, Ách-bên con thứ hai, Ac-ra thứ ba, ²Nô-ha thứ tư, và Ra-pha thứ năm. ³Và Bê-la có các con trai: Át-da, Ghê-ra, A-bi-hút, ⁴A-bi-sua, Na-a-man, A-hoa, ⁵Ghê-ra, Sê-phu-phan, và Hu-ram. ⁶Và đây là các con trai của Ê-hút: các người này là các đầu-trưởng những gia-hộ của tổ-phụ của cư-dân Ghê-ba, và chúng đã dẫn họ đi lưu-đày đến đất Ma-na-hát, ⁷ấy là: Na-a-man, A-hi-gia, và Ghê-ra—người đã dẫn họ đi lưu-đày; và người thành cha của U-xa và A-hi-hút. ⁸Và Sa-ha-ra-im thành cha của những đứa con trong cánh đồng Mô-áp, sau khi người đã đuổi Hu-sim và Ba-ra, các bà vợ của người, đi. ⁹Và bởi Hô-đe, vợ của người, người thành cha của Giô-báp, Xi-bia, Mê-sa, Minh-cam, ¹⁰Giê-út, Sô-kia, và Mýt-ma. Đây là các con trai của người, các đầu-trưởng của những gia-hộ của tổ-phụ. ¹¹Và bởi Hu-sim, người thành cha của A-bi-túp và Ên-ba-anh. ¹²Và các con trai của Ên-ba-anh là Hê-be, Mi-sê-am, và Sê-me, người xây Ô-nô và Lót với các thị-xã nó; ¹³và Bê-ri-a và Sê-ma, các đầu-trưởng của những gia-hộ của tổ-phụ của cư-dân A-gia-lôn, là các người đã đuổi các cư-dân Gát đi; ¹⁴và các anh em của người: A-hi-ô, Sa-sác, Giê-rê-mốt. ¹⁵Và Xê-ba-đia, A-rát, Ê-đe, ¹⁶Mi-ca-ên, Giết-pha, và Giô-a là các con trai của Bê-ri-a. ¹⁷Và Xê-ba-đia, Mê-su-lam, Hi-ki, Hê-be, ¹⁸Gít-mê-rai, Gít-lia, và Giô-báp là các con trai của Ên-ba-anh. ¹⁹Và Gia-kim, Xiéc-ri, Xáp-đi, ²⁰Ê-li-ê-nai, Xi-lê-tai, Ê-li-ên, ²¹A-đa-gia, Bê-ra-gia, và Sim-rát là các con trai của Si-mê-i. ²²Và Gít-ban, Ê-be, Ê-li-ên, ²³Áp-đôn, Xiéc-ri, Ha-nan,

¹trong câu 7.32: Sô-mê

1 Chronicles 7.29-8.23

²⁹and along the borders of the sons of Manasseh, Bethshean with its towns, Taanach with its towns, Meggiddo with its towns, Dor with its towns. In these lived the sons of Joseph the son of Israel.

Descendants of Asher (7.30-7.40)

30The sons of Asher were Imnah, Ishvah, Ishvi and Beriah, and Serah their sister. ³¹And the sons of Beriah were Heber and Malchiel, who was the father of Birzaith. ³²And Heber became the father of Japhlet, Shomer and Hotham, and Shua their sister. ³³And the sons of Japhlet were Pasach, Bimhal, and Ashvath. These were the sons of Japhlet. ³⁴And the sons of Shemer were Ahi and Rohgah, Jehubbah and Aram. ³⁵And the sons of his brother Helem were Zophah, Imna, Shelesh, and Amal. ³⁶The sons of Zophah were Suah, Harnepher, Shual, Berites, and Imrah, ³⁷Bezer, Hod, Shammah, Shilshah, Ithran, and Beera. ³⁸And the sons of Jether were Jephunneh, Pispa, and Ara. ³⁹And the sons of Ulla were Arah, Hanniel, and Rizia. ⁴⁰All these were the sons of Asher, heads of the fathers' houses, choice and mighty men of valor, heads of the princes. And the number of them enrolled by genealogy for service in war was 26,000 men.

Genealogy of Benjamin (8.1-8.32)

8 ¹And Benjamin became the father of Bela his first-born, Ashbel the second, Aharah the third, ²Nohah the fourth, and Rephaim the fifth. ³And Bela had sons: Addar, Gera, Abihud, ⁴Abishua, Naaman, Ahoah, ⁵Gera, Shephuphan, and Huram. ⁶And these are the sons of Ehud: these are the heads of fathers' households of the inhabitants of Geba, and they carried them into exile to Manahath, ⁷namely, Naaman, Ahijah, and Gera—he carried them into exile; and he became the father of Uzzah and Ahihud. ⁸And Shaharaim became the father of children in the field of Moab, after he had sent away Hushim and Baara his wives. ⁹And by Hodesh his wife he became the father of Jobab, Zibia, Mesha, Milcom, ¹⁰Jeuz, Sachia, Mirmah. These were his sons, heads of fathers' households. ¹¹And by Hushim he became the father of Abitub and Elpaal. ¹²And the sons of Elpaal were Heber, Misham, and Shemer, who built Ono and Lod, with its towns; ¹³and Beriah and Shema, who were heads of fathers' households of the inhabitants of Aijalon, who put to flight the inhabitants of Gath; ¹⁴and his brothers: Ahio, Shashak, and Jeremoth. ¹⁵And Zebadiah, Arad, Ader, ¹⁶Michael, Ishpah, and Joah were the sons of Beriah. ¹⁷And Zebadiah, Meshullam, Hizki, Heber, ¹⁸Ishmerai, Izliah, and Jobab were the sons of Elpaal. ¹⁹And Jakim, Zichri, Zabdi, ²⁰Elieni, Zillethai, Eliel, ²¹Adaiah, Beraiah, and Shimrath were the sons of Shimei. ²²And Ishpan, Heber, Eliel, ²³Abdon, Zichri, Hanan.

1 Chronicles 8.24-9.7

²⁴Hananiah, Elam, Anthothijah, ²⁵Iphdeiah, and Penuel were the sons of Shashak. ²⁶And Shamsherai, Shehariah, Athaliah, ²⁷Jareshiah, Elijah, and Zichri were the sons of Jeroham. ²⁸These were heads of the fathers' households according to their generations, chief men, who lived in Jerusalem.

²⁹Now in Gibeon, *Jeiel*, the father of Gibeon lived, and his wife's name was Maacah; ³⁰and his first-born son was Abdon, then Zur, Kish, Baal, Nadab, ³¹Gedor, Ahio, and Zecher. ³²And Mikloth became the father of Shimea. And they also lived with their brothers in Jerusalem opposite their other brothers.

Genealogy from king Saul (8.33-9.2)

³³And Ner became the father of Kish, and Kish became the father of Saul, and Saul became the father of Jonathan, Malchi-shua, Abinadab, and Eshbaal. ³⁴And the son of Jonathan was Merib-baal, and Merib-baal became the father of Micah. ³⁵And the sons of Micah were Piton, Melech, Tarea, and Ahaz. ³⁶And Ahaz became the father of Jehoadah, and Jehoadah became the father of Allemeth, Azmaveth, and Zimri; and Zimri became the father of Moza. ³⁷And Moza became the father of Binea; Rephaim was his son, Eleasah his son, Azel his son ³⁸And Azel had six sons, and these were their names: Azrikam, Bocheru, Ishmael, Sheariah, Obadiah and Hanan. All these were the sons of Azel. ³⁹And the sons of Eshek his brother were Ulam his first-born, Jeush the second, and Eliphelet the third. ⁴⁰And the sons of Ulam were mighty men of valor, archers, and had many sons and grandsons, 150 of them. All these were of the sons of Benjamin.

9 ¹So all Israel was enrolled by genealogies; and behold, they are written in the Book of the Kings of Israel. And Judah was carried away into exile to Babylon for their unfaithfulness. ²Now the first who lived in their possessions in their cities were Israel, the priests, the Levites and the temple servants.

People living in Jerusalem (9.3-9.34)

³And some of the sons of Judah, of the sons of Benjamin, and of the sons of Ephraim and Manasseh lived in Jerusalem: ⁴Uthai the son of Ammihud, the son of Omri, the son of Imri, the son of Bani, from the sons of Perez the son of Judah. ⁵And from the Shilonites were Asaiah the first-born and his sons. ⁶And from the sons of Zerah were Jeuel and their brothers, 690 of them. ⁷And from the sons of Benjamin were Sallu the son of Meshullam, the son of Hodaviah, the son of Hassenuah,

1 Sứ-ký 8.24-9.7

²⁴Ha-na-nia, Ê-lam, An-tô-ti-gia, ²⁵Gíp-đê-gia, và Phê-nu-ên là những con trai của Sa-sác. ²⁶Và Sam-sê-rai, Sê-ha-ria, A-ta-lia, ²⁷Gia-rê-sia, Ê-li-gia, và Xiéc-ri là các con trai của Giê-rô-ham. ²⁸Đấy là các đầu-trưởng của những gia-hộ của tổ-phụ theo các thế-hệ của họ, các thủ-lãnh, sống tại Giê-ru-sa-lem.

²⁹Bấy giờ tại Ga-ba-ôn, *Giê-i-ên*, cha của Ga-ba-ôn sinh-sống, và vợ của người có tên Ma-a-ca; ³⁰và con trai đầu-lòng của người là Áp-đôn, kế đó Xu-rơ, Kích, Ba-anh, Na-đáp, ³¹Ghê-đo, A-hi-ô, và Xê-ke⁽¹⁾. ³²Và Mích-lô thành cha của Si-mê-a⁽²⁾. Và họ cũng sống với các anh em của họ tại Giê-ru-sa-lem đối diện với những anh em khác.

Gia-phổ từ vua Sau-lơ (8.33-9.2)

³³Và Nê-rơ thành cha của Kích, và Kích thành cha của Sau-lơ, và Sau-lơ thành cha của Giô-na-than, Manh-ki-sua, A-bi-na-đáp, và Êch-ba-anh. ³⁴Và con trai của Giô-na-than là Mê-ri-ba-anh⁽³⁾, và Mê-ri-ba-anh thành cha của Mi-ca. ³⁵Và các con trai của Mi-ca là: Phi-thôn, Mê-léc, Ta-rê-a, và A-cha. ³⁶Và A-cha thành cha của Giê-hô-a-đa, và Giê-hô-a-đa thành cha của A-lê-mết, Át-ma-vết, và Xim-ri; và Xim-ri thành cha của Môt-sa. ³⁷Và Môt-sa thành cha của Bi-nê-a; Ra-pha là con trai của người, Ê-la-xa là con trai của người, A-xên là con trai của người. ³⁸Và A-xên có 6 người con trai và đây là các tên của họ: A-ri-kham, Bốc-ru, Ích-ma-ên, Sê-a-ria, Ô-ba-đia, và Ha-nan. Tất cả các người này là những con trai của A-xên. ³⁹Và những con trai của Ê-sết, em trai của người⁽⁴⁾ là: U-lam con đầu-lòng của người, Giê-úc con thứ hai, và Ê-li-phê-lét con thứ ba. ⁴⁰Và các con trai của U-lam là những người phi-thường có sự dũng-cảm, các cung thủ, và có nhiều con trai và cháu nội trai, *tổng-cộng* là 150. Tất cả các người này thuộc về các con trai Bên-gia-min.

9 ¹Thế là tất cả Y-sơ-ra-ên đều được ghi tên theo các gia-phổ; và kia, họ được ghi vào Sách các Vua Y-sơ-ra-ên. Và Giu-đa bị đem đi đày tại Ba-by-lôn vì sự bất-tín của họ. ²Bấy giờ những người đầu-tiên sống trong tài-sản của họ trong các thành của họ là Y-sơ-ra-ên, các thầy tế-lễ, những người Lê-vi và những đầy-tớ đền-thờ.

Dân sống trong Giê-ru-sa-lem (9.3-9.34)

³Và một số người trong những con trai Giu-đa, trong những con trai Bên-gia-min và trong những con trai Ép-ra-im và Ma-na-se sống tại Giê-ru-sa-lem là: ⁴U-thai con trai của Am-mi-hút, con trai của Ôm-ri, con trai của Im-ri, con trai của Ba-ni, từ những con trai của Phê-rết, con trai của Giu-đa. ⁵Và từ những người Si-lô là A-sa-gia con đầu-lòng và các con trai của người. ⁶Và từ các con trai của Xê-ra là Giê-u-ên và các anh em của họ, *tổng-cộng* 690. ⁷Và từ các con trai của Bên-gia-min là: Sa-lu con trai của Mê-su-lam, con trai của Hô-đa-via, con trai của A-sê-nu-a,

¹9.37: Zechariah: Xa-cha-ri

²9.38: Shimeam: Si-mê-am

³2 Sa-mu-ên 4.4: Mephibosheth: Mê-phi-bô-sết

⁴em trai của A-xên

⁸và Gíp-nê-gia con trai của Giê-rô-ham, và Ê-la con trai của U-xi, con trai của Mí-cơ-ri, và Mê-su-lam con trai của Sê-pha-tia, con trai của Rê-u-ên, con trai của Gíp-ni-gia; ⁹và các anh em của họ theo các thế-hệ của họ, *tổng-cộng* 956. Tất cả những người này đều là các đầu-trưởng những *gia-hộ* của tổ-phụ theo các nhà của tổ-phụ của họ.

¹⁰Và từ các thầy tế-lễ là Giê-đa-gia, Giê-hô-gia-ríp, Gia-kin, ¹¹và A-xa-ria con trai của Hinh-kia, con trai của Mê-su-lam, con trai của Xa-đốc, con trai của Mê-ra-giôt, con trai của A-hi-túp, quan-viên trưởng của đền *Đức* Chúa TRỜI; ¹²và A-đa-gia con trai của Giê-rô-ham, con trai của Pha-sua, con trai của Manh-ki-gia, và Ma-ê-sai con trai của A-đi-ên, con trai của Gia-xê-ra, con trai của Mê-su-lam, con trai của Mê-si-lê-mít, con trai của Y-mê; ¹³và các anh em của họ, các đầu-trưởng những *gia-hộ* của tổ-phụ của họ, 1 ngàn 760 người nam rất có khả-năng cho công-việc phục-dịch trong đền của *Đức* Chúa TRỜI.

¹⁴Và thuộc về các người Lê-vi: Sê-ma-gia con trai của Ha-súp, con trai của A-ri-kham, con trai của Ha-sa-bia, trong các con trai của Mê-ra-ri; ¹⁵và Bác-ba-cát, Hê-re, Ga-la, Ma-tha-nia con trai của Mi-ca, con trai của Xiéc-ri, con trai của A-sáp, ¹⁶và Ô-ba-đia con trai của Sê-ma-gia, con trai của Ga-la, con trai của Giê-đu-thun, và Bê-rê-kia con trai của A-sa, con trai của Ên-ca-na, sống trong các làng của dân Nê-tô-pha.

¹⁷Bấy giờ những kẻ giữ công lờ: Sa-lum, A-cúp, Tanh-môn, A-hi-man và các anh em của họ (thủ-lãnh Sa-lum ¹⁸*trấn giữ* tại công của nhà vua về phía đông cho đến bây giờ). Đây là những người giữ công cho trại những con trai Lê-vi. ¹⁹Và Sa-lum con trai của Cô-rê, con trai của Ê-bi-a-sáp, con trai của Cô-ra và các anh em của người, thuộc về nhà của tổ-phụ của người, các người Cô-ra, coi-sóc công-việc phục-dịch, các người giữ các ngưỡng-cửa của lều; và tổ-phụ của họ đã từng coi-sóc trại của *Đức* GIA-VÊ, các người giữ các cửa vào. ²⁰Và Phi-nê-a con trai Ê-lê-a-sa là người cai-trị họ trước đây, và *Đức* GIA-VÊ đã ở với người. ²¹Xa-cha-ri con trai của Mê-si-lê-mia là người giữ công của lối vào của lều hội-kiến. ²²*Tổng-số* những người đã được chọn để làm các người giữ công tại các ngưỡng cửa là 212. Những người này được ghi tên theo gia-phó trong các làng của họ, các người mà Đa-vít và tiên-kiến Sa-mu-ên đã bổ-nhiệm vào chức-vụ tín-nhiệm của họ. ²³Như thế họ và những con trai của họ là các vệ-binh, là những kẻ đã có trách-nhiệm về các công đền *Đức* GIA-VÊ, tức là đền lều-tạm. ²⁴Những người giữ công này ở bốn phía, về phía đông, tây, bắc, và nam. ²⁵Và anh em của họ trong các làng của họ phải thỉnh-thoảng đến cứ 7 ngày một lần để ở với họ; ²⁶vì bốn người giữ công trường, là các người Lê-vi, đều ở trong chức-vụ tín-nhiệm, và lo coi sóc các phòng và coi sóc các kho-tàng trong đền của *Đức* Chúa TRỜI. ²⁷Và họ ở qua đêm xung-quanh đền của *Đức* Chúa TRỜI, vì họ được giao-phó việc canh giữ; và họ có nhiệm-vụ mở đền buổi sáng này qua buổi sáng nọ.

²⁸Bấy giờ mấy người trong họ có trách-nhiệm về những khí-cụ phục-dịch, vì họ đếm chúng khi họ đem chúng vào và khi họ lấy chúng ra.

⁸and Ibneiah the son of Jeroham, and Elah the son of Uzzi, the son of Michri, and Meshullam the son of Shephathiah, the son of Reuel, the son of Ibnijah; ⁹and their brothers according to their generations, 956. All these *were* heads of fathers' *households* according to their fathers' houses.

¹⁰And from the priests *were* Jedaiah, Jehoiarib, Jachin, ¹¹and Azariah the son of Hilkiah, the son of Meshullam, the son of Zadok, the son of Meraioth, the son of Ahitub, the chief officer of the house of God; ¹²and Aadaiah the son of Jeroham, the son of Pashur, the son of Malchijah, and Maasai the son of Adiel, the son of Jahzerah, the son of Meshullam, the son of Meshillemith, the son of Immer; ¹³and their brothers, heads of their fathers' households, 1,760 very able men for the work of the service of the house of God.

¹⁴And of the Levites *were* Shemaiah the son of Hasshub, the son of Azrikam, the son of Hashabiah, of the sons of Merari; ¹⁵and Bakbakkar, Horesh and Galal and Mattaniah the son of Micah, the son of Zichri, the son of Asaph, ¹⁶and Obadiah the son of Shemaiah, the son of Galal, the son of Jeduthun, and Berechiah the son of Asa, the son of Elkanah, who lived in the villages of Netophathites.

¹⁷Now the gatekeepers *were* Shallum and Akkub and Talmon and Ahiman and their brothers (Shallum the chief ¹⁸*being stationed* until now at the king's gate to the east). These *were* the gatekeepers for the camp of the sons of Levi. ¹⁹And Shallum the son of Kore, the son of Ebiasaph, the son of Korah, and his brothers, of his father's house, the Korahites, *were* over the work of the service, keepers of the thresholds of the tent; and their fathers had been over the camp of YHWH, keepers of the entrance. ²⁰And Phinehas the son of Eleazar was ruler over them previously, *and* YHWH was with him. ²¹Zechariah the son of Mehelemiah was gatekeeper of the entrance of the tent of meeting. ²²All these who were chosen to be gatekeepers in the thresholds were 212. These were enrolled by genealogy in their villages, whom David and Samuel the seer appointed in their office of trust. ²³So they and their sons had charge of the gates of the house of YHWH, *even* the house of the tent, as guards. ²⁴The gatekeepers were on the four sides, to the east, west, north, and south. ²⁵And their brothers in their villages *were* to come in every seven days from time to time *to be* with them; ²⁶for the four chief gatekeepers who *were* Levites, were in an office of trust, and were over the chambers and over the treasuries in the house of God. ²⁷And they spent the night around the house of God, because the watch was committed to them; and they *were* in charge of opening it morning by morning.

²⁸Now some of them had charge of the utensils of service, for they counted them when they brought them in and when they took them out.

1 Chronicles 9.29-10.5

²⁹Some of them also were appointed over the furniture and over all the utensils of the sanctuary and over the fine flour and the wine and the oil and the frankincense and the spices. ³⁰And some of the sons of the priests prepared the mixing of the spices. ³¹And Mattithiah, one of the Levites, who was the first-born of Shallum Korahite, had the responsibility over the things which were baked in pans. ³²And some of their brothers of the sons of the Kohathites were over the showbread to prepare it every sabbath.

³³Now these are the singers, heads of fathers' households of the Levites, who lived in the chambers of the temple free from other service; for they were engaged in their work day and night. ³⁴These were heads of fathers' households of the Levites according to their generations, chief men, these lived in Jerusalem.

Ancestry and descendants of Saul (9.35-9.44)

³⁵And in Gibeon Jeiel the father of Gibeon lived, and his wife's name was Maacah, ³⁶and his first-born son was Abdon, then Zur, Kish, Baal, Ner, Nadab, ³⁷Gedor, Ahio, Zechariah, and Mikloth. ³⁸And Mikloth became the father of Shimeam. And they also lived with their brothers in Jerusalem opposite their other brothers. ³⁹And Ner became the father of Kish, and Kish became the father of Saul, and Saul became the father of Jonathan, Malchi-shua, Abinadab, and Eshbaal. ⁴⁰And the son of Jonathan was Merib-baal; and Merib-baal became the father of Micah. ⁴¹And the sons of Micah were Piton, Melech, Tarea, and Ahaz. ⁴²And Ahaz became the father of Jarah, and Jarah became the father of Allemeth, Azmaveth, and Zimri; and Zimri became the father of Moza, ⁴³and Moza became the father of Binea and Rephaiah his son, Eleasah his son, Azel his son. ⁴⁴And Azel had six sons whose names are these: Azrikam, Bocheru and Ishmael and Sheariah and Obadiah and Hanan. These were the sons of Azel.

B. THE REIGN OF DAVID (10.1-29.30)

1. David becomes king over all of Israel (10.1-12.40)

The death of Saul (10.1-10.10)

10 ¹Now the Philistines fought against Israel; and the men of Israel fled before the Philistines, and fell slain on Mount Gilboa. ²And the Philistines closely pursued Saul and his sons, and the Philistines struck down Jonathan, Abinadab and Malchi-shua, the sons of Saul. ³And the battle became heavy against Saul, and the archers found him; and he was wounded by the archers. ⁴Then Saul said to his armor bearer, "Draw your sword and thrust me through with it, lest these uncircumcised come and abuse me." But his armor bearer would not, for he was greatly afraid. Therefore Saul took his sword and fell on it. ⁵And when his armor bearer saw that Saul was dead, he likewise fell on his sword and died.

1 Sử-ký 9.29-10.5

²⁹Mấy người khác trong họ cũng được chỉ-định coi sóc đồ-đạc và coi sóc tất cả các khí-cụ của nơi thánh và lo giữ bột mịn, rượu, dầu, nhũ-hương, và các hương-liệu. ³⁰Và có mấy người trong những con trai của các thầy tế-lễ chuẩn-bị việc pha-trộn các hương-liệu. ³¹Ma-ti-thia, một trong các người Lê-vi, con đầu-lòng của Sa-lum người Cô-ra, có trách-nhiệm coi-sóc các thứ được nướng trong các chảo. ³²Còn mấy người trong anh em các con trai những người Kê-hát lo coi sóc bánh-mì trung-hiến để chuẩn-bị nó mỗi ngày Ngưng-nghi.

³³Bây giờ đây là những ca-sĩ, các đầu-trưởng những gia-hộ của tổ-phụ của những người Lê-vi, sống ở trong các phòng của đền, được miễn việc khác; vì họ bận công-việc của họ đêm lẫn ngày. ³⁴Đây là các đầu-trưởng những gia-hộ của tổ-phụ các người Lê-vi theo các thế-hệ của họ, các thủ-linh, những người này sống trong Giê-ru-sa-lem.

Tổ-tiên và con cháu của Sau-lơ (9.35-9.44)

³⁵Trong Ga-ba-ôn, Giê-i-ên cha của Ga-ba-ôn sống, và tên vợ của người là Ma-a-ca, ³⁶và con trai đầu-lòng của người là Áp-đôn, kẻ đó là Xu-rơ, Kích, Ba-anh, Nê-rơ, Na-đáp, ³⁷Ghê-đo, A-hi-ô, Xa-cha-ri, và Mích-lô. ³⁸Và Mích-lô thành cha của Si-mê-am. Và họ cũng sống với anh em của họ trong Giê-ru-sa-lem đối-diện với anh em khác của họ. ³⁹Và Nê-rơ thành cha của Kích, và Kích thành cha của Sau-lơ, và Sau-lơ thành cha của Giô-na-than, Manh-ki-sua, A-bi-na-đáp, và Êch-ba-anh. ⁴⁰Và con trai của Giô-na-than là Mê-ri-Ba-anh; và Mê-ri-Ba-anh thành cha của Mi-ca. ⁴¹Và những con trai của Mi-ca là: Phi-thôn, Mê-léc, Ta-rê-a, và A-cha. ⁴²Và A-cha thành cha của Gia-ra, và Gia-ra thành cha của A-lê-mét, Át-ma-vét, và Xim-ri; và Xim-ri thành cha của Một-sa, ⁴³và Một-sa thành cha của Bi-nê-a và Rê-pha-gia con trai của người, Ê-la-xa con trai của người, A-xên con trai của người. ⁴⁴Và A-xên có 6 người con trai mà tên của chúng là đây: A-ri-kham, Bôc-ru, Ích-ma-ên, Sê-a-ria, Ô-ba-đia, và Ha-nan. Đây là những con trai của A-xên.

B. TRIỀU ĐẠI CỦA ĐA-VÍT (10.1-29.30)

1. Đa-vít thành vua của cả Y-sơ-ra-ên (10.1-12.40)

Cái chết của Sau-lơ (10.1-10.10)

10 ¹Bây giờ dân Phi-li-tin đánh lại Y-sơ-ra-ên; và binh lính Y-sơ-ra-ên chạy trốn trước dân Phi-li-tin, và bị ngã gục trên núi Ghinh-bô-a. ²Và dân Phi-li-tin đuổi sát Sau-lơ và các con trai của người; và dân Phi-li-tin đánh hạ Giô-na-than, A-bi-na-đáp, và Manh-ki-sua, các con trai của Sau-lơ. ³Và chiến-trận thành nặng-nề⁽¹⁾ nghịch lại Sau-lơ, và các cung thù tìm thấy người; và người bị thương bởi các cung thù. ⁴Lúc đó Sau-lơ nói với người vác binh-khí của mình: "Hãy tuốt gươm của người và đâm nó xuyên qua ta, kéo những kẻ chẳng được cắt bì này đến phi-báng ta." Nhưng kẻ vác binh-khí của người không chịu làm, vì nó quá sợ. Bởi thế, Sau-lơ lấy gươm của mình và ngã trên nó. ⁵Và khi kẻ vác binh-khí của người thấy Sau-lơ chết rồi, nó cũng tương tự ngã trên gươm của nó và chết.

¹hay: kịch-liệt

1 Sử-ký 10.6-11.9

⁶Như vậy Sau-lơ chết với 3 người con trai của mình, và tất cả những kẻ thuộc nhà người chết chung với nhau. ⁷Khi tất cả binh lính Y-sơ-ra-ên ở trong thung-lũng thấy rằng họ đã bỏ chạy, và rằng Sau-lơ và các con trai người chết rồi, họ bỏ các thành của họ và chạy trốn; và dân Phi-li-tin đến sống ở trong chúng. ⁸Và xảy ra vào ngày hôm sau, khi dân Phi-li-tin đến để lột đồ những kẻ bị giết, chúng tìm thấy Sau-lơ và các con trai của người đã bị ngã *chết* trên núi Ghinh-bô-a. ⁹Thế là chúng lột đồ của người và cắt đầu của người và lấy binh-khí của người, sai người đi khắp xứ Phi-li-tin báo tin mừng cho các hình-tượng của chúng và cho dân của chúng. ¹⁰Và chúng để binh-khí của người trong đền của chư thần của chúng, và buộc đầu người trong đền Đa-gôn.

Hành-động tôn-kính Sau-lơ của Gia-be ở Ga-la-át (10.11-10.14)

¹¹Khi tất cả dân Gia-be ở Ga-la-át nghe mọi điều mà dân Phi-li-tin đã gây ra cho Sau-lơ, ¹²thì tất cả những người nam can-đảm chỗi dậy và cướp lấy xác Sau-lơ và xác của các con trai người, đem về Gia-be và chôn hài-cốt họ dưới cây sồi tại Gia-be, và kiêng ăn 7 ngày.

¹³Thế là Sau-lơ đã chết vì sự vi-phạm của người mà người đã làm nghịch lại Đức GIA-VÊ, bởi cơ lời của Đức GIA-VÊ mà người chẳng giữ; và cũng vì người cầu-vấn đồng-cốt, hỏi cầu nó ¹⁴và chẳng cầu-vấn Đức GIA-VÊ. Bởi thế Ngài đã giết người chết, và chuyển vương-quốc cho Đa-vít, con trai của Y-sai.

Đa-vít được lập làm vua của tất cả Y-sơ-ra-ên (11.1-11.3)

11 ¹Đoạn tất cả Y-sơ-ra-ên tập hợp lại cùng Đa-vít tại Hép-rôn và nói: "Này, chúng tôi là xương của ông và là thịt của ông. ²Trong thời-gian qua, ngay cả khi Sau-lơ là vua, ông đã là người dẫn Y-sơ-ra-ên đi ra và đi vào; và GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI của ông đã phán cùng ông: 'Người sẽ chăn-nuôi dân Y-sơ-ra-ên của Ta, và người sẽ là vua của dân Y-sơ-ra-ên của Ta.'" ³Thế là tất cả các trưởng-lão Y-sơ-ra-ên đã đến cùng nhà vua tại Hép-rôn; và Đa-vít đã lập một giao-ước với họ tại Hép-rôn trước mặt Đức GIA-VÊ, và họ đã xúc dầu cho Đa-vít làm vua trên Y-sơ-ra-ên, theo lời của Đức GIA-VÊ qua Sa-mu-ên.

Thành-đô Giê-ru-sa-lem (11.4-11.9)

⁴Đoạn Đa-vít và tất cả Y-sơ-ra-ên đi tới Giê-ru-sa-lem (đó là Giê-bu); và những người Giê-bu, cư-dân của đất đó, đang ở đó. ⁵Và cư-dân của Giê-bu nói với Đa-vít: "Người sẽ không được vào đây." Dầu vậy Đa-vít cũng chiếm được đồn Si-ôn (đó là thành Đa-vít). ⁶Bấy giờ Đa-vít đã nói: "Hễ ai đánh hạ một người Giê-bu đầu tiên sẽ là trưởng và chỉ-huy-trưởng." Và Giô-áp con trai của Xê-ru-gia đi lên trước tiên; vì vậy người thành thủ-lãnh. ⁷Đoạn Đa-vít ở trong đồn; thế là đồn đó được gọi là thành Đa-vít. ⁸Và người xây-dựng mọi nơi trong thành, từ Mi-lô⁽¹⁾ đến cả vùng phụ cận; và Giô-áp sửa-sang phần còn lại của thành. ⁹Và Đa-vít càng ngày càng trở nên lớn mạnh hơn, vì Đức GIA-VÊ vạn-quân ở với người.

¹Mi-lô, nghĩa là thành-lũy hay pháo-đài trên nền cao để quan-sát nhìn từ trên xuống và bảo-vệ một thành-phố

1 Chronicles 10.6-11.9

⁶Thus Saul died with his three sons, and *those* of his house died together. ⁷When all the men of Israel who were in the valley saw that they had fled, and that Saul and his sons were dead, they forsook their cities and fled; and the Philistines came and lived in them. ⁸And it came about the next day, when the Philistines came to strip the slain, that they found Saul and his sons fallen on Mount Gilboa. ⁹So they stripped him and took his head and his armor and sent *messengers* around the land of the Philistines, to carry the good news to their idols and to the people. ¹⁰And they put his armor in the house of their gods and fastened his head in the house of Dagon.

Jabesh-gilead's tribute to Saul (10.11-10.14)

¹¹When all Jabesh-gilead heard all that the Philistines had done to Saul, ¹²all the valiant men arose and took away the body of Saul and the bodies of his sons, and brought them to Jabesh and buried their bones under the oak in Jabesh, and fasted seven days.

¹³So Saul died for his trespass which he committed against YHWH, because of the word of YHWH which he did not keep; and also because he asked counsel of a medium, making inquiry *of it*, ¹⁴and did not inquire of YHWH. Therefore He killed him, and turned the kingdom to David the son of Jesse.

David made king over all Israel (11.1-11.3)

11 ¹Then all Israel gathered to David at Hebron and said, "Behold, we are your bone and your flesh. ²In times past, even when Saul was king, you *were* the one who led out and brought in Israel; and YHWH your God said to you, 'You shall shepherd My people Israel, and you shall be prince over My people Israel.'" ³So all the elders of Israel came to the king at Hebron, and David made a covenant with them in Hebron before YHWH; and they anointed David king over Israel, according to the word of YHWH through Samuel.

Jerusalem, Capital City (11.4-11.9)

⁴Then David and all Israel went to Jerusalem (that is, Yeb-ooos'); and the Jebusites, the inhabitants of the land, *were* there. ⁵And the inhabitants of Yeb-ooos' said to David, "You shall not enter here." Nevertheless David captured the stronghold of Zion (that is, the city of David). ⁶Now David had said, "Whoever strikes down a Jebusites first shall be chief and commander." And Joab the son of Zeruah went up first, so he became chief. ⁷Then David dwelt in the stronghold; therefore it was called the city of David. ⁸And he built the city all around, from the Millo even to the surrounding area; and Joab repaired the rest of the city. ⁹And David became greater and greater, for YHWH of hosts *was* with him.

1 Chronicles 11.10-11.25

David's mighty men (11.10-10.47)

10Now these are the heads of the mighty men whom David had, who gave him strong support in his kingdom, together with all Israel, to make him king, according to the word of YHWH concerning Israel. **11**And these *constitute* the list of the mighty men whom David had: Jashobeam, the son of a Hachmonite, the chief of the thirty; he lifted up his spear against three hundred whom he killed at one time. **12**And after him was Eleazar the son of Dodo, the Ahohite, who *was* one of the three mighty men. **13**He was with David at Pas-dammim when the Philistines were gathered together there to battle, and there was a plot of ground full of barley; and the people fled before the Philistines. **14**And they took their stand in the midst of the plot, and defended it, and struck down the Philistines; and YHWH saved them by a great victory.

15Now three of the thirty chief men went down to the rock to David, into the cave of Adullam while the army of the Philistines was camping in the valley of Rephaim. **16**And David was then in the stronghold, while the garrison of the Philistines *was* then in Bethlehem. **17**And David had a craving and said, "Oh that someone would give me water to drink from the well of Bethlehem, which is by the gate!" **18**So the three broke through the camp of the Philistines, and drew water from the well of Bethlehem which was by the gate, and took *it* and brought it to David; nevertheless David would not drink it, but poured it out to YHWH; **19**and he said, "Be it far from me before my God that I should do this. Shall I drink the blood of these men *who went* at the risk of their lives? For at the risk of their lives they brought it." Therefore he would not drink it. These things the three mighty men did.

20As for Abishai the brother of Joab, he was chief of the thirty, and he swung his spear against three hundred and killed them; and he had a name as well as the thirty. **21**Of the three in the second *rank* he was, the most honored, and became their commander; however, he did not attain to *the first* three.

22Benaiah the son of Jehoiada, the son of a valiant man of Kabzeel, mighty in deeds, struck down the two *sons of* Ariel of Moab. He also went down and killed a lion inside a pit on a snowy day. **23**And he killed an Egyptian, a man of great stature five cubits tall. Now in the Egyptian's hand was a spear like a weaver's beam, but he went down to him with a club and snatched the spear from the Egyptian's hand, and killed him with his own spear. **24**These *things* Benaiah the son of Jehoiada did, and had a name as well as the three mighty men. **25**Behold, he was honored among the thirty, but he did not attain to the three; and David appointed him over his guard.

1 Sứ-ký 11.10-11.25

Các người nam phi-thường của Đa-vít (11.10-10.47)

10Bây giờ, đây là các đầu-trưởng của những người nam phi-thường mà Đa-vít đã có, những kẻ ủng-hộ người mạnh-mẽ trong vương-quốc của người, cùng với tất cả Y-sơ-ra-ên, để lập người làm vua, theo lời của Đức GIA-VÊ về Y-sơ-ra-ên. **11**Và các người này *lập* danh-sách các người nam phi-thường mà Đa-vít đã có: Gia-sô-bê-am, con trai một người Hác-mô-ni, thủ-lãnh *nhóm* 30; người nâng cây giáo mình lên chống 300 mà người giết chúng cùng cùng một lúc. **12**Và sau người là Ê-lê-a-sa con trai của Đô-đô, người A-hô-a, là 1 trong 3 người đàn ông phi-thường. **13**Người ở với Đa-vít tại Pha-đa-mim¹ khi dân Phi-li-tin nhóm lại với nhau ở đó để giao-chiến, và có một miếng đất đầy lúa mạch; và dân chạy trốn trước mặt dân Phi-li-tin. **14**Còn họ thì sẵn-sàng chiến-đấu ở giữa miếng đất đó, bảo-vệ nó, và đánh hạ dân Phi-li-tin; và Đức GIA-VÊ bèn cứu họ bằng một chiến-thắng lớn lao.

15Bây giờ 3 trong số 30 thủ-lãnh đi xuống với Đa-vít tới tảng đá ấy, vào trong động A-đu-lam trong khi quân Phi-li-tin đang đóng trại trong thung-lũng Ra-pha. **16**Và lúc đó Đa-vít ở trong căn cứ địa, trong khi đơn-vị đồn-trú của dân Phi-li-tin lúc đó ở tại Bết-lê-hem. **17**Và Đa-vít nổi cơn khát và nói: "Ôi, ước gì có ai cho ta nước từ cái giếng của Bết-lê-hem, bên cạnh cái công để uống!" **18**Thế là 3 người đó xông ngang qua trại dân Phi-li-tin, và múc nước từ cái giếng của Bết-lê-hem, bên cạnh cái công, rồi lấy nó đem về cho Đa-vít; tuy nhiên Đa-vít không muốn uống nó, song đổ nó ra cho Đức GIA-VÊ; **19**và người nói: "Ta quyết không làm vậy trước mặt Đức Chúa TRỜI của ta. Có phải ta sẽ uống máu các người này là những kẻ liều mạng của họ ư? Liều mạng của họ, họ đã đem nó về." Vì thế người không uống. Các việc này 3 người phi-thường đó đã làm.

20Về phần A-bi-sai anh của Giô-áp, người là thủ-lãnh nhóm 30, và người vung cây giáo của mình chống 300 và giết chúng chết; và người nổi danh cũng như nhóm 30. **21**Thuộc về nhóm 3, người đứng *hạng* nhì, người được danh-dự nhất và thành chỉ-huy-trưởng của họ; tuy nhiên, người không bằng được nhóm 3 người.

22Bê-na-gia con trai của Giê-hô-gia-đa, con trai của một người dưng-cảm ở Cáp-xê-ên, phi-thường trong các việc-làm, đánh hạ 2 con trai của A-ri-ên ở Mô-áp. Người cũng đi xuống và giết chết con sư-tử ở trong một cái hố vào một ngày có tuyết. **23**Và người giết chết một người Ê-díp-tô, một người đàn-ông có tầm-vóc cao 5 cu-bit. Bây giờ, trong tay người Ê-díp-tô là một cây giáo giống như một cây trúc máy dẹt, nhưng người đi xuống đón người ấy với một cây dùi cui và giật lấy cây giáo khỏi tay người Ê-díp-tô và giết hắn bằng chính cây giáo của hắn. **24**Các việc này Bê-na-gia con trai của Giê-hô-gia-đa đã làm, và có tên cũng như nhóm 3 người phi-thường. **25**Kia, người được vinh danh ở giữa nhóm 30, nhưng người không bằng được nhóm 3 người; và Đa-vít đã bổ-nhiệm người coi-sóc vệ-binh của mình.

¹ Sa-mu-ên 17.1: Ê-phê-Đa-mim

26Bây giờ các người nam phi-thường của các binh đoàn là: A-sa-ên em trai của Giô-áp, Ên-cha-na con trai của Đô-đô ở Bết-lê-hem, ²⁷Sam-môt⁽¹⁾ người Ha-rôt, Hê-lét người Pha-lôn⁽²⁾, ²⁸Y-ra con trai của Y-kết người Thê-cô-a, A-bi-ê-xe người A-na-tôt, ²⁹Si-bê-cai⁽³⁾ người Hu-sa, Y-lai⁽⁴⁾ người A-hô-a, ³⁰Ma-ha-rai người Nê-tô-pha, Hê-lét⁽⁵⁾ con trai của Ba-a-na người Nê-tô-pha, ³¹Y-tai con trai của Ribai ở Ghi-bê-a trong những con trai Bên-gia-min, Bê-na-gia người Phi-ra-thôn, ³²Hu-rai⁽⁶⁾ ở vùng các khe suối Ga-ách, A-bi-ên⁽⁷⁾ người A-ra-ba, ³³Át-ma-vết người Ba-hurum, Ê-li-ác-ba người Sa-anh-bôn, ³⁴những con trai của Ha-sem⁽⁸⁾ người Ghi-xôn, Giô-na-than con trai của Sa-gê người Ha-ra, ³⁵A-hi-giam con trai của Sa-ca⁽⁹⁾ người Hara, Ê-li-phan⁽¹⁰⁾ con trai của U-rơ, ³⁶Hê-phe người Mê-kê-ra, A-hi-gia người Pha-lôn, ³⁷Hết-rô người nam Cật-mên, Na-a-rai⁽¹¹⁾ con trai của E-bai, ³⁸Giô-ên em trai của Nathan, Mi-bê-ha con trai của Ha-ga-rít, ³⁹Xê-léc người Amôn, Na-ha-rai người Bê-rôt, người vác áo-giáp của Giô-áp con trai của Xê-ru-gia, ⁴⁰Y-ra người Giê-the, Ga-rép người Giê-the, ⁴¹U-ri người Hê-tít, Xa-bát con trai của A-c-lai, ⁴²A-di-na con trai của Si-xa người Ru-bên, một thủ-lãnh dân Ru-bên, và có 30 người, ⁴³Ha-nan con trai của Ma-a-ca và Giô-sa-phát người Mê-then, ⁴⁴U-xi-gia người Ách-ta-rôt, Sa-ma và Giê-i-ên những con trai của Hô-tham người A-rô-e, ⁴⁵Giê-đi-a-ên con trai của Sim-ri và Giô-a em trai của người, người Thi-sít, ⁴⁶Ê-li-ên người Ma-ha-vim cùng Giê-ri-bai và Giô-sa-via các con trai của Ên-na-ma, và Gít-ma người Mô-áp, ⁴⁷Ê-li-ên cùng Ô-bết và Gia-a-si-ên người Mết-sô-ba.

Những người ủng-hộ Đa-vít tại Xiéc-lác (12.1-12.23)

12 ¹Bây giờ đây là các người đến cùng Đa-vít tại Xiéc-lác, trong khi người vẫn còn bị hạn-chế vì Sau-lơ con trai của Kích; và họ ở trong số các người nam phi-thường là những kẻ giúp người trong chiến-tranh. ²Họ được trang-bị với cung, dùi, và tay mặt lẫn tay trái để *bắn* đá và để *bắn* tên bằng cung; họ là bà-con của Sau-lơ từ *chi tộc* Bên-gia-min. ³Người thủ-lãnh là A-hi-ê-xe, kể đó là Giô-ách, các con trai của Sê-ma người Ghi-bê-a; Giê-xi-ên và Phê-lét các con trai của Át-ma-vết, Bê-ra-ca và Giê-hu người A-na-tôt, ⁴và Gít-mai-gia người Ga-ba-ôn, một người đàn-ông phi-thường trong nhóm 30, và lãnh đạo nhóm 30. ⁵⁽¹²⁾Kể là Giê-rê-mi, Gia-ha-xi-ên, Giô-ha-nan, Giô-xa-bát người Ghê-đê-ra, ⁶Ê-lu-xai, Giê-ri-môt, Bê-a-lia, Sê-ma-ria, Sê-pha-tia người Hà-rốp, ⁷Ên-ca-na, Giết-si-gia, A-xa-rên, Giô-ê-xe, Gia-sô-bê-am, các người Cô-ra,

¹ Sa-mu-ên 23.25: Sam-ma, Shammah, người Ha-rôt

² Sa-mu-ên 23.26: người Phê-lét, Paltite

³ Sa-mu-ên 23.27: Mê-bô-nai, Mebunnai

⁴ Sa-mu-ên 23.28: Sanh-môn, Zalmon

⁵ Sa-mu-ên 23.29: Hê-lép, Heleb

⁶ Sa-mu-ên 23.30: Hi-đai, Hiddai

⁷ Sa-mu-ên 23.31: A-bi-Anh-bôn, Abi-albon

⁸ Sa-mu-ên 23.32: Gia-sen, Jashen

⁹ Sa-mu-ên 23.33: Sa-ra, Sharar

¹⁰ Sa-mu-ên 23.34: Ê-li-phê-lét

¹¹ Sa-mu-ên 23.35: Pha-rai,

¹² nguyên ngữ câu 5, Thánh-Kinh Anh-ngữ câu 4 cùng đoạn 12

26Now the mighty men of the armies were Asahel the brother of Joab, Elhanan the son of Dodo of Bethlehem, ²⁷Shammoth the Hararite, Helez the Pelonite, ²⁸Ira the son of Ikkesh the Tekoites, Abiezer the Anathothite, ²⁹Sibbecai the Hushathite, Ilai the Ahohite, ³⁰Maharai the Netophathite, Heled the son of Baanah the Netophathite, ³¹Ithai the son of Ribai of Gibeah of the sons of Benjamin, Benaiah the Pirsthonite, ³²Hurai of the brooks of Gaash, Abiel the Arbathite, ³³Azmaveth the Baharumite, Eliahba the Shaalbonite, ³⁴the sons of Hashem the Gizonite, Jonathan the son of Shagee the Hararite, ³⁵Ahiam the son of Sacar the Hararite, Eliphah the son of Ur, ³⁶Hepher the Mecherathite, Ahijah the Pelonite, ³⁷Hezro the Carmelite, Naarai the son of Ezbai, ³⁸Joel the brother of Nathan, Mibhar the son of Hagrite, ³⁹Zeleg the Ammonite, Naharai the Berothite, the armor bearer of Joab the son of Zeruah, ⁴⁰Ira the Ithrite, Gareb the Ithrite, ⁴¹Uriah the Hittite, Zabab the son of Ahlai, ⁴²Adina the son of Shiza the Reubenites, a chief of the Reubenites, and thirty with him, ⁴³Hanan the son of Maacah and Joshaphat the Mithnite, ⁴⁴Uzziah the Asherathite, Shama and Jeiel the sons of Hotham the Aroerite, ⁴⁵Jediael the son of Shimri and Joah his brother, the Tizite, ⁴⁶Eliel the Mahavite and Jeribai and Joshaviah, the sons of Elnaam, and Ithmah the Moabite, ⁴⁷Eliel and Obed and Jaasiel the Mezobaite.

David's supporters in Ziklag (12.1-12.23)

12 ¹Now these are the ones who came to David at Ziklag, while he was still restricted because of Saul the son of Kish; and they were among the mighty men who helped *him* in war. ²They were equipped with bows, using both the right hand and the left *to sling* stones and *to shoot* arrows from the bow; *they were* Saul's kinsmen from Benjamin. ³The chief was Ahiezer, then Joash, the sons of Shemaah the Gibeathite; and Jeziel and Pelet, the sons of Azmaveth, and Beracah and Jehu the Anathothite, ⁴and Ishmaiah the Ghib-o-nee', a mighty man among the thirty, and over the thirty. ⁵Then Jeremiah, Jahaziel, Johanan, Jozabad the Gederathite, ⁶Eluzai, Jerimoth, Bealiah, Shemariah, Shephatiah the Haruphite, ⁷Elkanah, Ishiah, Azarel, Joezer, Jashobeam, the Korahites,

1 Chronicles 12.8-12.26

⁸and Joelah and Zebadiah, the sons of Jeroham of Gedor.

⁹And from the Gadites there came over to David in the stronghold in the wilderness, mighty men of valor, men trained for war, who could handle shield and spear, and whose faces were like the faces of lions, and *they were* as swift as the gazelles on the mountains. ¹⁰Ezer was the first, Obadiah the second, Eliab the third, ¹¹Mishmannah the fourth, Jeremiah the fifth, ¹²Attai the sixth, Eliel the seventh, ¹³Johanah the eighth, Elzabad the ninth, ¹⁴Jeremiah the tenth, Machbannai the eleventh. ¹⁵These of the sons of Gad were chiefs of the army; he who was least was equal to a hundred and the greatest to a thousand. ¹⁶These are the ones who crossed the Jordan in the first month when it was overflowing all its banks and they put to flight all those in the valleys, both to the east and to the west.

¹⁷Then some of the sons of Benjamin and Judah came to the stronghold to David. ¹⁸And David went out to meet them, and answered and said to them, "If you come peacefully to me to help me, my heart shall be united with you; but if to betray me to my adversaries, since there is no violence in my hands, may the God of our fathers look on *it* and decide." ¹⁹Then the Spirit clothed Amasai who was the chief of the thirty, *and he said,*

"We are yours, O David,
And with you, O son of Jesse!
Peace, peace to you,
And peace to him who helps you;
Indeed, your God helps you!"

Then David received them and made them chiefs of the band.

²⁰From Manasseh also some defected to David, when he was about to go to battle with the Philistines against Saul. But they did not help them, for the lords of the Philistines after consultation sent him away, saying, "At *the cost* of our heads he may defect to his master Saul." ²¹As he went to Ziklag, there defected to him from Manasseh: Adnah, Jozabad, Jedaiel, Michael, Jozabad, Elihu, and Zillethai, chiefs of thousands who belonged to Manasseh. ²²And they helped David against the band of raiders, for they were all mighty men of valor, and were captains in the army. ²³For day by day *men* came to David to help him, until there was a great army like the army of God.

Supporters gathered at Hebron (12.23-12.41)

²⁴Now these are the numbers of the divisions equipped for war, who came to David at Hebron, to turn the kingdom of Saul to him, according to the mouth of YHWH. ²⁵The sons of Judah who bore shield and spear *were* 6,800, equipped for war. ²⁶Of the sons of Simeon, mighty men of valor for war, 7,100.

1 Sứ-ký 12.8-12.26

⁸và Giô-ê-la và Xê-ba-đi-a, các con trai của Giê-rô-ham người Ghê-đo.

⁹Và từ những người Gát có đến cùng Đa-vít trong căn cứ địa trong vùng hoang-vu, các người nam phi-thường dũng-cảm, các người được huấn-luyện cho chiến-tranh, các người có thể cầm khiên và giáo, và mặt của họ như mặt sư-tử, và họ lanh-lẹ như con hoàng-dương trên núi. ¹⁰Ê-xe là người thứ nhất, Ô-ba-đi-a người thứ nhì, Ê-li-áp người thứ ba, ¹¹Mích-ma-na người thứ tư, Giê-rê-mi người thứ năm, ¹²At-tai người thứ sáu, Ê-li-ên người thứ chín, ¹³Giô-ha-nan người thứ tám, Ên-xa-bát người thứ bảy, ¹⁴Giê-rê-mi người thứ mười, Mác-ba-nai người thứ mười-một. ¹⁵Các người này trong các con trai của Gát là các thủ-lĩnh trong quân-đội; người yếu nhất bằng 100 người và người mạnh nhất bằng 1 ngàn. ¹⁶Đấy là các người qua sông Giô-đanh vào tháng Giêng lúc nước ngập tất cả các bờ sông và họ đánh đuổi tất cả những kẻ ở trong các thung-lũng, về phía đông lẫn phía tây.

¹⁷Sau đó có mấy người trong những con trai Bên-gia-min và Giu-đa đến căn cứ địa cùng Đa-vít. ¹⁸Và Đa-vít đi ra đón họ, và trả lời và nói với họ: "Nếu các người đến cùng ta trong hòa-bình để giúp ta, thì tâm ta sẽ hợp-nhất với các người; nhưng nếu để phản ta cho các đối-thù của ta, vì chẳng có một sự bạo-động nào trong các bàn tay ta, thì nguyện *Đức* Chúa TRỜI của tổ-phụ chúng ta xem-xét và quyết-định." ¹⁹Lúc đó Linh bao-phủ A-ma-sai, là thủ-lãnh của nhóm 30, *người nói:*

"Chúng tôi là của ông, Đa-vít ôi,
Và ở cùng ông, con trai Y-sai ôi!
Bình-an, bình-an cho ông,
Và bình-an cho người giúp ông;
Quả thật, *Đức* Chúa TRỜI của ông giúp-đỡ ông!"

Đoạn Đa-vít tiếp-nhận họ và lập họ làm các thủ-lĩnh của toán ấy.

²⁰Từ Ma-na-se cũng có mấy người đào-ngũ theo Đa-vít, khi người sắp đi theo dân Phi-li-tin ra trận chống Sau-lơ. Nhưng họ không giúp chúng, vì các chúa-tể dân Phi-li-tin sau khi bàn-bạc đuổi người đi khỏi, nói: "Với cái giá là thủ cấp của chúng ta, nó có thể đào-ngũ theo Sau-lơ chủ của nó." ²¹Khi người đi tới Xiéc-lác, *có những kẻ* đã đào-ngũ theo người từ Ma-na-se ở đó: Át-na, Giô-xa-bát, Giê-đi-a-ên, Mi-ca-ên, Giô-xa-bát, Ê-li-hu và Xi-lê-tai, là các thủ-lãnh của hàng ngàn người thuộc chi tộc Ma-na-se. ²²Và họ giúp Đa-vít chống lại đám cướp, vì họ hết thảy là các người nam phi-thường dũng-cảm, và là các chỉ-huy-trưởng trong quân-đội. ²³Mỗi ngày đều có người đến cùng Đa-vít để giúp người, cho đến khi có một quân-đội lớn giống như quân-đội của *Đức* Chúa TRỜI.

Những người ủng-hộ tập hợp tại Hếp-rôn (12.24-12.41)

²⁴Bây giờ đây là quân số của các binh-đoàn được trang-bị cho chiến-tranh, các người đến với Đa-vít tại Hếp-rôn, để chuyển vương-quốc của Sau-lơ thành của người, theo mệnh của *Đức* GIA-VÊ. ²⁵Các con trai Giu-đa mang khiên và giáo là 6 ngàn 800, được trang-bị cho chiến-tranh. ²⁶Thuộc về các con trai Si-mê-ôn, các người phi-thường dũng-cảm cho chiến-tranh, 7 ngàn 100.

27Thuộc về các con trai Lê-vi 4 ngàn 600. 28Bấy giờ Giê-hô-gia-đa là lãnh-tụ nhà A-rôn, với người là 3 ngàn 700, 29cũng có Xa-đốc, một thanh-nam phi-thường dũng-cảm, và thuộc về nhà của cha người 22 chỉ-huy-trưởng. 30Và thuộc về các con trai Bên-gia-min, họ-hàng của Sau-lơ, 3 ngàn; vì cho đến bây giờ đại đa số chúng vẫn còn giữ lòng trung-thành với nhà Sau-lơ. 31Và thuộc về các con trai É-p-ra-im 20 ngàn 800, các người phi-thường dũng-cảm, các người nổi tiếng trong các gia-hộ của tổ-phụ của họ. 32Và thuộc về nửa chi-tộc Ma-na-se 18 ngàn, các người được chọn đích danh để đến lập Đa-vít làm vua. 33Và thuộc về các con trai Y-sa-ca, những người thức thời, với sự hiểu-biết về điều gì Y-sơ-ra-ên nên làm, các thủ-lĩnh của họ là 200; và tất cả họ-hàng thân-thuộc của họ đều dưới sự chỉ-huy của họ. 34Thuộc về Sa-bu-lôn, có 50 ngàn người đi ra vào trong quân-đội, các người hay bày trận với tất cả các thứ vũ-khí chiến-tranh và giúp Đa-vít với một tâm không bị chia. 35Và thuộc về Nép-ta-li có 1 ngàn chỉ-huy-trưởng, và với họ 37 ngàn người cầm khiên và giáo. 36Và thuộc về các người Đan hay bày trận, có 28 ngàn 600. 37Và thuộc về A-se có 40 ngàn người tòng quân để kéo thành thể trận. 38Và từ phía bên kia sông Giô-đan, thuộc về các người Ru-bên và các người Gát và phân nửa chi-tộc Ma-na-se có 120 ngàn người với tất cả các thứ vũ-khí chiến-tranh cho chiến-trận.

39Tất cả các người này, là những người thuộc chiến-tranh, những người có thể kéo thành thể trận, đều đến Hép-rôn với một tâm-lòng hoàn-hảo, để lập Đa-vít làm vua trên Y-sơ-ra-ên; và toàn thể phần còn lại thuộc về Y-sơ-ra-ên cũng nhất trí lập Đa-vít làm vua. 40Và họ ở đó với Đa-vít 3 ngày, ăn và uống; vì bà-con của họ đã chuẩn-bị cho họ. 41Hơn nữa, những người tới với họ, xa đến tận Y-sa-ca, Sa-bu-lôn, và Nép-ta-li, đem thức-ăn đến trên lưng lừa, lạc-đà, la, và bò, số lượng lớn bánh ngọt bằng bột mì, bánh ngọt bằng trái vả, các chùm nho khô, rượu nho, dầu, bò, và chiên. Có sự vui-mừng thật sự trong Y-sơ-ra-ên.

2. Đa-vít đem rương giao-ước đến Giê-ru-sa-lem (13.1-17.27)

U-xa đụng cái rương giao-ước và chết (13.1-13.14)

13 1Sau đó Đa-vít bàn-bạc với các chỉ-huy-trưởng hàng ngàn và hàng trăm, cả với mọi lãnh-tụ. 2Và Đa-vít nói với tất cả hội-chúng Y-sơ-ra-ên: "Nếu các người thấy tốt, và nếu đó là từ GIA-VÊ ĐỨC Chúa TRỜI của chúng ta, thì chúng ta hãy sai đi khắp nơi đến họ-hàng của chúng ta, các người còn ở lại trong cả xứ Y-sơ-ra-ên, cũng đến cùng các thầy tế-lễ và các người Lê-vi ở với họ trong các thành của họ với các đất đồng cỏ, để họ có thể nhóm lại với chúng ta; 3và chúng ta hãy đem cái rương của ĐỨC Chúa TRỜI chúng ta về cùng chúng ta, vì chúng ta đã chẳng tìm-kiếm nó trong những ngày của Sau-lơ."

4Lúc đó hết thầy hội-chúng đều nói rằng họ muốn làm như vậy, vì việc ấy là đúng trong mắt tất cả dân-chúng. 5Thế là Đa-vít nhóm hết Y-sơ-ra-ên lại, từ Si-ho của Ê-díp-tô¹⁾ đến tận cửa vào Ha-mát, để đem rương của ĐỨC Chúa TRỜI từ Ki-ri-át-Giê-a-rim về.

¹⁾Ai Cập

27Of the sons of Levi 4,600. 28Now Jehoiada was the leader of *the house of Aaron*, and with him were 3,700, 29also Zadok, a young man mighty of valor, and of his father's house twenty-two captains. 30And of the sons of Benjamin, Saul's kinsmen, 3,000; for until now the greatest part of them had kept their allegiance to the house Saul. 31And of the sons of Ephraim 20,800, mighty men of valor, famous men in their fathers' households. 32And of the half-tribe of Manasseh 18,000, who were designated by name to come and make David king. 33And of the sons of Issachar, men who understood the times, with knowledge of what Israel should do, their chiefs were two hundred; and all their kinsmen were at their command. 34Of Zebulun, there were 50,000 who went out in the army, who could draw up in battle formation with all kinds of weapons of war and helped David with an undivided heart. 35And of Naphtali *there were* 1,000 captains, and with them 37,000 with shield and spear. 36And of the Danites who could draw up in battle formation, *there were* 28,600. 37And of Asher *there were* 40,000 who went out in the army to draw up in battle formation. 38And from the other side of the Jordan, of the Reubenites and the Gadites and of the half-tribe of Manasseh, *there were* 120,000 with all *kinds of* weapons of war for the battle.

39All these, being men of war, who could draw up in battle formation, came to Hebron with a perfect heart, to make David king over all Israel; and all the rest also of Israel were of one mind to make David king. 40And they were there with David three days eating and drinking; for their kinsmen had prepared for them. 41Moreover those who were to them, *even as far as* Issachar and Zebulun and Naphtali, brought food on donkeys, camels, mules, and on oxen, great quantities of flour cakes, fig cakes and bunches of raisins, wine, oil, oxen and sheep. There was joy indeed in Israel.

2. David brings the ark to Jerusalem (13.1-17.27)

Uzzah touches the ark and dies (13.1-13.14)

13 1Then David consulted with the captains of the thousands and the hundreds, even with every leader. 2And David said to all the assembly of Israel, "If it seems good to you, and if it is from YHWH our God, let us send everywhere to our kinsmen who remain in all the land of Israel, also to the priests and Levi who are with them in their cities with pasture lands, that they may meet with us; 3and let us bring back the ark of our God to us, for we did not seek it in the days of Saul."

4Then all the assembly said that they would do so, for the thing was right in the eyes of all the people. 5So David assembled all Israel together, from the Shihor of Mizraim even to the entrance of Hamath, to bring the ark of God from Kirjath-jearim.

1 Chronicles 13.6-14.11

⁶And David and all Israel went up to Baalah, that is, to Kirjath-jearim, which belongs to Judah, to bring up from there the ark of God, YHWH who is enthroned *above* the cherubim, where His name is called. ⁷And they carried the ark of God on a new cart from the house of Abinadab, and Uzzah and Ahio drove the cart. ⁸And David and all Israel were celebrating before God with all *their* might, even with songs and with lyres, harps, tambourines, cymbals, and with trumpets.

⁹When they came to the threshing floor of Chidon, Uzzah put out his hand to hold the ark, because the oxen nearly upset it. ¹⁰And the anger of YHWH burned against Uzzah, so He struck him down because he put out his hand to the ark; and he died there before God. ¹¹Then David became angry because of YHWH's outburst against Uzzah; and he called that place Perez-uzzah to this day. ¹²And David was afraid of God that day, saying, "How can I bring the ark of God *home* to me?" ¹³So David did not take the ark with him to the city of David, but took it aside to the house of Obed-edom the Gittite. ¹⁴Thus the ark of God remained with the family of Obed-edom in his house three months; and YHWH blessed the family of Obed-edom with all that he had.

David's family enlarged (14.1-14.7)

14 ¹Now Hiram king of Tyre sent messengers to David with cedar trees, masons, and carpenters, to build a house for him. ²And David realized that YHWH had established him as king over Israel, *and* that his kingdom was highly exalted, for the sake of His people Israel.

³Then David took more wives at Jerusalem, and David became the father of more sons and daughters. ⁴And these are the names of the children born *to him* in Jerusalem: Shammua, Shobab, Nathan, Solomon, ⁵Ibhar, Elishua, Elpelet, ⁶Nogah, Nepheg, Japhia, ⁷Elishama, Beeliada and Eliphelet.

The Philistines defeated (14.8-14.17)

⁸When the Philistines heard that David had been anointed king over all Israel, all the Philistines went up in search of David; and David heard of it and went out against them. ⁹Now the Philistines had come and made a raid in the valley of Rephaim. ¹⁰And David inquired of God saying, "Shall I go up against the Philistines? And wilt Thou give them into my hand?" Then YHWH said to him, "Go up, for I will give them into your hand." ¹¹So they came up to Baal-perazim, and David defeated them there; and David said, "God has broken through my enemies by my hand, like the breakthrough of waters." Therefore they named that place Baal-perazim.

1 Sứ-ký 13.6-14.11

⁶Đa-vít và tất cả Y-sơ-ra-ên đồng đi lên đến Ba-a-la, đó là đến Ki-ri-át-Giê-a-rim, thuộc về Giu-đa, để từ đó đem lên rương của Đức Chúa TRỜI, Đức GIA-VÊ, Đấng ngự bên trên các chê-rúp, nơi danh Ngài được gọi. ⁷Và họ chở cái rương của Đức Chúa TRỜI trên một cái xe mới từ nhà A-bi-na-đáp, và U-xa cùng A-hi-ô lái cái xe đó. ⁸Và Đa-vít và tất cả Y-sơ-ra-ên đang hành lễ trước mặt Đức Chúa TRỜI với hết sức-lực của họ, cả với các bài hát và với các đàn thất-huyền-cầm, các hạc-cầm, các trống cơm, các chập-chòa, và với các kèn trom-bét.

⁹Khi họ đến sân đập lúa của Ki-dôn, U-xa giơ tay mình ra để nắm giữ cái rương, vì những con bò làm nó suýt lật. ¹⁰Và cơn thanh-nộ của Đức GIA-VÊ bùng bùng chống U-xa, thế là Ngài đánh hạ người vì người đã giơ tay người ra đặt trên cái rương; và người chết ở đó trước mặt Đức Chúa TRỜI. ¹¹Lúc ấy Đa-vít nổi giận vì sự bộc-phát của Đức GIA-VÊ chống U-xa; và người gọi chỗ đó là Bê-rét-U-xa⁽¹⁾ cho đến ngày nay. ¹²Và Đa-vít sợ Đức Chúa TRỜI ngày đó, nói: "Làm sao ta có thể đem rương của Đức Chúa TRỜI đến với ta?" ¹³Thế là Đa-vít không đem cái rương với mình đến thành Đa-vít, nhưng đem nó qua một bên đến nhà của Ô-bết-Ê-đôm người Gát. ¹⁴Như vậy rương của Đức Chúa TRỜI ở lại với gia-đình Ô-bết-Ê-đôm trong nhà người 3 tháng; và Đức GIA-VÊ ban phước cho gia-đình Ô-bết-Ê-đôm với mọi thứ mà người có.

Gia-đình Đa-vít đông lên (14.1-14.7)

14 ¹Bấy giờ Hi-ram vua Ty-rơ sai các sứ-giả tới Đa-vít với các cây tuyết-tùng, các thợ hồ, những thợ mộc, để cất một cái nhà cho người. ²Và Đa-vít nhận ra rằng Đức GIA-VÊ đã xác minh mình làm vua trên Y-sơ-ra-ên, và rằng vương-quốc mình được tôn cao, vì cơ dân Y-sơ-ra-ên của Ngài.

³Sau đó Đa-vít lấy thêm vợ tại Giê-ru-sa-lem, và Đa-vít thành cha của thêm nhiều con trai và con gái. ⁴Và đây là tên các đứa con sinh ra trong Giê-ru-sa-lem: Sa-mua, Sô-báp, Na-than, Sa-lô-môn, ⁵Gi-ba, Ê-li-sua, Ên-bê-lét, ⁶Nô-ga, Nê-phét, Gia-phia, ⁷Ê-li-sa-ma, Bê-ên-gia-đa, và Ê-li-phê-lét.

Dân Phi-li-tin bị đánh bại (14.8-14.17)

⁸Khi dân Phi-li-tin nghe Đa-vít đã được tấn phong làm vua trên tất cả Y-sơ-ra-ên, thì tất cả dân Phi-li-tin tiến lên truy tìm Đa-vít; và Đa-vít nghe tin và đi ra chống lại chúng. ⁹Bấy giờ dân Phi-li-tin đã đến và làm một cuộc đột-kích trong thung-lũng người Ra-pha. ¹⁰Và Đa-vít cầu-vấn Đức Chúa TRỜI, nói: "Con sẽ đi lên chống dân Phi-li-tin chăng? Và Chúa sẽ phó chúng vào trong tay con chăng?" Thế thì Đức GIA-VÊ phán cùng người: "Đi lên, vì Ta sẽ phó chúng vào trong tay người." ¹¹Thế là họ đi lên đến Ba-anh-Phê-rát-sim, và Đa-vít đánh bại chúng ở đó; và Đa-vít nói: "Đức Chúa TRỜI đã phá vỡ các kẻ thù của ta bởi tay ta, như phá vỡ nước." Vì thế họ đặt tên chỗ đó là Ba-anh-Phê-rát-sim⁽²⁾.

¹Bê-rét-U-xa nghĩa là: con nõ bùng chống lại U-xa

²Ba-anh-Phê-rát-sim nghĩa là: chủ-tê đánh vỡ

1 Sử-ký 14.12-15.16

¹²Và chúng bỏ lại các thần của chúng ở đó; thế là Đa-vít cho lệnh và chúng bị đốt cháy trong lửa.

¹³Và dân Phi-li-tin lại làm một cuộc đột-kích khác trong thung-lũng. ¹⁴Và Đa-vít lại cầu-vấn Đức Chúa TRỜI, và Đức Chúa TRỜI phán cùng người: "Người chớ đi lên theo sau chúng; hãy đi vòng phía sau chúng, và xông vào chúng ở phía trước những cây bóng nước. ¹⁵Và khi người nghe tiếng quân hành trên ngọn của những cây bóng nước, thì người sẽ kéo ra đánh, vì Chúa TRỜI sẽ đi ra trước người để đánh hạ quân Phi-li-tin." ¹⁶Và Đa-vít làm y như Đức Chúa TRỜI đã truyền cho người, và họ đánh hạ quân Phi-li-tin từ Ga-ba-ôn xa đến tận Ghê-xe.

¹⁷Rồi danh của Đa-vít đồn ra trong khắp các xứ; và Đức GIA-VÊ giáng con kinh-sợ người trên tất cả các quốc-gia.

Đa-vít rước cái rương về Giê-ru-sa-lem (15.1-15.29)

15 ¹Bây giờ Đa-vít xây các cung-điện cho mình trong thành Đa-vít, và người chuẩn-bị một chỗ cho rương của Đức Chúa TRỜI, và dựng lều cho nó. ²Rồi Đa-vít nói rằng: "Chẳng có một ai được khiêng rương của Đức Chúa TRỜI ngoại trừ các người Lê-vi; vì Đức GIA-VÊ đã chọn họ để khiêng rương của Đức Chúa TRỜI, và để hầu-việc Ngài mãi mãi." ³Và Đa-vít nhóm hết Y-sơ-ra-ên lại tại Giê-ru-sa-lem, để đem rương của Đức GIA-VÊ lên đến chỗ của nó, nơi mà người đã chuẩn-bị cho nó. ⁴Và Đa-vít nhóm các con trai A-rôn, và những người Lê-vi lại với nhau: ⁵trong các con trai của Kê-hát, có thủ-lãnh U-ri-ên, 120 người trong các anh em của người; ⁶trong các con trai của Mê-ra-ri, có thủ-lãnh A-sa-gia và 220 người trong các anh em của người; ⁷trong các con trai của Ghê-t-sôn, có thủ-lãnh Giô-ên và 130 người trong các anh em của người; ⁸trong các con trai của Ên-sa-phan, có thủ-lãnh Sê-ma-gia và 200 người trong các anh em của người; ⁹trong các con trai của Hêp-rôn, có thủ-lãnh Ê-li-ên và 80 người trong các anh em của người; ¹⁰trong các con trai của U-xi-ên, có thủ-lãnh A-mi-na-đáp và 112 người trong các anh em của người. ¹¹Lúc đó Đa-vít gọi Xa-đốc và A-bia-tha các thầy tế-lễ đến, và gọi các người Lê-vi đến, gọi U-ri-ên, A-sa-gia, Giô-ên, Sê-ma-gia, Ê-li-ên, và A-mi-na-đáp đến, ¹²và nói với họ: "Các người là những đầu-trưởng của các gia-hộ của tổ-phụ của các người Lê-vi; hãy biệt mình ra thánh cả các người lẫn anh em của các người, để các người có thể đem rương của GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI của Y-sơ-ra-ên lên đến chỗ mà ta đã chuẩn-bị cho nó. ¹³Bởi vì các người đã chẳng khiêng nó lần đầu tiên, GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI chúng ta đã giáng một con bọc-phát trên chúng ta, vì chúng ta đã không tìm kiếm Ngài theo giới-luật." ¹⁴Thế là các thầy tế-lễ và các người Lê-vi biệt họ ra thánh để đem rương của GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI của Y-sơ-ra-ên lên. ¹⁵Và các con trai những người Lê-vi khiêng rương của Đức Chúa TRỜI trên vai của họ với các cây đòn như Môi-se đã truyền theo lời của Đức GIA-VÊ.

¹⁶Đoạn Đa-vít nói với các thủ-lãnh những người Lê-vi chỉ định các anh em của họ các ca-sĩ, với các nhạc-cụ, các hạc-cầm, các thất-huyền-cầm, những chấp-chóa vang tiếng lớn, để trở lên tiếng vui-mừng.

1 Chronicles 14.12-15.16

¹²And they abandoned their gods there; so David gave the order and they were burned with fire.

¹³And the Philistines made yet another raid in the valley.

¹⁴And David inquired again of God, and God said to him, "You shall not go up after them; circle around behind them and come at them in front of the balsam trees. ¹⁵And it shall be when you hear the sound of marching in the tops of the balsam trees, then you shall go out to battle, for God will have gone out before you to strike the army of the Philistines." ¹⁶And David did just as God had commanded him, and they struck down the army of the Philistines from Gibeon even as far as Gezer.

¹⁷Then the fame of David went out into all lands; and YHWH brought the fear of him on all the nations.

David brings the ark to Jerusalem (15.1-15.29)

15 ¹Now David built houses for himself in the city of David, and he prepared a place for the ark of God, and pitched a tent for it. ²Then David said, "No one is to carry the ark of God but the Levites; for YHWH chose them to carry the ark of God, and to minister to Him forever." ³And David assembled all Israel at Jerusalem, to bring up the ark of YHWH to its place, which he had prepared for it. ⁴And David gathered together the sons Aaron, and the Levites: ⁵of the sons of Kohath, Uriel the chief, 120 of his brothers; ⁶of the sons of Merari, Asaiah the chief, and 220 of his brothers; ⁷of the sons of Gershon, Joel the chief, and 130 of his brothers; ⁸of the sons of Elizaphan, Shemaiah the chief, and 200 of his brothers; ⁹of the sons of Hebron, Eliel the chief, and 80 of his brothers; ¹⁰of the sons of Uzziel, Amminadab the chief, and 112 of his brothers. ¹¹Then David called for Zadok and Abiathar the priests, and for the Levites, for Uriel, Asaiah, Joel, Shemaiah, Eliel, and Amminadab, ¹²and said to them, "You are the heads of the fathers' households of the Levites; consecrate yourselves both you and your brothers, that you may bring up the ark of YHWH God of Israel, to the place that I have prepared for it. ¹³Because you did not carry it at the first, YHWH our God made an outburst on us, for we did not seek Him according to the ordinance." ¹⁴So the priests and the Levites consecrated themselves to bring up the ark of YHWH God of Israel. ¹⁵And the sons of the Levites carried the ark of God on their shoulders, with the poles thereon as Moses had commanded according the word of YHWH.

¹⁶Then David spoke to the chiefs of the Levites to appoint their brothers the singers, with instruments of musics, harps, lyres, loud-sounding cymbals, to raise sounds of joy.

1 Chronicles 15.17-16.3

¹⁷So the Levites appointed Heman the son of Joel, and from his brothers, Asaph the son of Berechiah; and from the sons of Merari their brothers, Ethan the son of Kushaiah, ¹⁸and with them their brothers of the second rank, Zechariah, Bane, Jaaziel, Shemiramoth, Jehiel, Unni, Eliab, Benaiah, Maaseiah, Mattithiah, Elipheleh, Mikneiah, Obed-edom, and Jeiel, the gatekeepers. ¹⁹So the singers, Heman, Asaph, and Ethan were appointed to sound aloud cymbals of bronze; ²⁰and Zechariah, Aziel, Shemiramoth, Jehiel, Unni, Eliab, Maaseiah, and Benaiah, with harps tuned to Alamoth style; ²¹and Mattithiah, Elipheleh, Mikneiah, Obed-edom, Jeiel, and Azariah, to lead with lyres tuned to the Sheminith. ²²And Chenaniah, chief of the Levites, was in charge of the singing; he gave instruction in singing because he was skillful. ²³And Berechiah and Elkanah were gatekeepers for the ark. ²⁴And Shebaniah, Jehoshaphat, Nethaneel, Amasai, Zechariah, Benaiah, and Eliezer, the priests, blew the trumpets before the ark of God. Obed-edom and Jehiah also were gatekeepers for the ark.

²⁵So it was David, with the elders of Israel and the captains over thousands, who went to bring up the ark of the covenant of YHWH from the house of Obed-edom with joy. ²⁶And it came about because God was helping the Levites, who were carrying the ark of the covenant of YHWH, that they sacrificed seven bulls and seven rams. ²⁷Now David was clothed with a robe of fine linen with all the Levites who were carrying the ark, and the singers and Chenaniah the leader of the singing with the singers. David also wore an ephod of linen. ²⁸Thus all Israel brought up the ark of the covenant of YHWH with shouting, and with sound of the leader of the singing with the singers. David also wore an ephod of linen. ²⁸Thus all Israel brought up the ark of the covenant of YHWH with shouting, and with sound of the horn, with trumpets, with loud-sounding cymbals, with harps and lyres.

²⁹And it happened when the ark of the covenant of YHWH came to the city of David, that Michal the daughter of Saul looked out of the window, and saw King David leaping and making merry; and she despised him in her heart.

A tent for the ark (16.1-16.7)

16 ¹And they brought in the ark of God and placed it inside the tent which David had pitched for it, and they offered burnt offerings and peace offerings before God. ²When David had finished offering the burnt offering and the peace offerings, he blessed the people in the name of YHWH. ³And he distributed to everyone of Israel, both man and woman, to everyone a loaf of bread and a portion of meat and a raisin cake.

1 Sứ-ký 15.17-16.3

¹⁷Thế là các người Lê-vi chỉ-định Hê-man con trai của Giô-ên, và từ các anh em của người: A-sáp con trai của Bê-rê-ki-a; và từ những con trai của Mê-ra-ri các anh em của họ, Ê-than con trai của Cu-sa-gia; ¹⁸và với họ các anh em của họ thuộc cấp-bậc hạng nhì: Xa-cha-ri, Bê-n, Gia-xi-ên, Si-mê-ra-môt, Giê-hi-ên, U-ni, Ê-li-áp, Bê-na-gia, Ma-a-xê-gia, Ma-ti-thia, Ê-li-phê-lê, Mích-nê-gia, Ô-bết-Ê-đôm, và Giê-i-ên, các người giữ công. ¹⁹Thế là các ca-sĩ, Hê-man, A-sáp, và Ê-than đã được chỉ-định để đánh các chập-chòa bằng đồng lớn tiếng; ²⁰còn Xa-cha-ri, A-xi-ên, Si-mê-ra-môt, Giê-hi-ên, U-ni, Ê-li-áp, Ma-a-xê-gia, và Bê-na-gia, với các thụ-cầm chỉnh theo giọng A-la-môt¹; ²¹và Ma-ti-thia, Ê-li-phê-lê, Mích-nê-gia, Ô-bết-Ê-đôm, Giê-i-ên, và A-xa-xia, hướng-dẫn với các thất-huyền-cầm chỉnh theo điệu đàn Sê-mi-nít². ²²Và Kê-na-nia, thủ-lãnh những người Lê-vi, chịu trách-nhiệm việc ca-hát; người ban lời chỉ-dạy trong việc ca hát vì người tài giỏi. ²³Và Bê-rê-ki-a và Ên-ca-na là các người canh giữ cái rương. ²⁴Và các thầy tế-lễ Sê-ba-nia, Giô-sa-phát, Na-tha-na-ên, A-ma-sai, Xa-cha-ri, Bê-na-gia, và Ê-li-ê-se, thổi các kèn trom-bét trước rương của Đức Chúa TRỜI. Ô-bết-Ê-đôm và Giê-hi-gia cũng là các người canh giữ cái rương.

²⁵Như thế, chính Đa-vít, với các trưởng-lão của Y-sơ-ra-ên và các chỉ-huy-trưởng hàng ngàn, đã đi để đem lên rương giao-ước của Đức GIA-VÊ từ nhà Ô-bết-Ê-đôm với sự vui-mừng. ²⁶Và xây ra, vì Đức Chúa TRỜI đang giúp đỡ các người Lê-vi, là những kẻ đang khiêng rương giao-ước của Đức GIA-VÊ, rằng họ hiến-tế 7 con bò đực và 7 con chiên đực. ²⁷Bây giờ Đa-vít mặc áo dài vải lanh mịn với tất cả những người Lê-vi đang khiêng cái rương, và các ca-sĩ cùng Kê-na-nia người lãnh-đạo việc ca-hát với các ca-sĩ. Đa-vít cũng mặc cái áo lễ bằng vải lanh. ²⁸Như vậy tất cả Y-sơ-ra-ên đều đem rương giao-ước của Đức GIA-VÊ lên với tiếng reo hò, với tiếng tù và, với các kèn trom-bét, với các chập-chòa vang tiếng lớn, với các hạc-cầm và các thất-huyền-cầm.

²⁹Và xây ra khi rương giao-ước của Đức GIA-VÊ đến thành Đa-vít, Mi-canh con gái của Sau-lơ nhìn ra cửa sổ, thấy vua Đa-vít nhảy-nhót vui chơi; bà khinh-bi người trong tâm của bà.

Lều cho cái rương (16.1-16.7)

16 ¹Rồi họ đem rương của Đức Chúa TRỜI vào và đặt nó ở bên trong cái lều mà Đa-vít đã dựng lên cho nó, và họ dâng của-lễ thiêu và các của-lễ bình-an trước mặt Đức Chúa TRỜI. ²Khi Đa-vít đã dâng của-lễ thiêu và các của-lễ bình-an xong, người chúc phước dân-chúng nhân danh Đức GIA-VÊ. ³Và người phân-phát cho mọi người Y-sơ-ra-ên, cả đàn-ông lẫn đàn-bà, cho mỗi người một ổ bánh, một phần thịt, và một cái bánh nho khô.

¹A-la-môt: giọng nữ cao (giọng soprano)

²Sê-mi-nít: đàn huyền-cầm tám giây

1 Sử-ký 16.4-16.26

⁴Và người bổ-nhiệm mấy người Lê-vi làm các người hầu-
việc trước rương của Đức GIA-VÊ, tức là để làm lễ tạ-
on và chúc-tụng GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI của Y-sơ-ra-ên:
⁵A-sáp làm trưởng, và làm thứ cho người là: Xa-cha-ri, *kể*
đó Giê-i-ên, Si-mê-ra-môt, Giê-hi-ên, Ma-ti-thia, Ê-li-áp,
Bê-na-gia, Ô-bết-Ê-đôm, và Giê-i-ên, với các nhạc-cụ, các
hạc-cầm, các thất-huyền-cầm; A-sáp cũng *đánh* các chập-
chôa vang tiếng lớn, ⁶và Bê-na-gia và Gia-ha-xi-ên các
thầy tế-lễ thổi các kèn trom-bét liên-tục trước rương giao-
ước của Đức Chúa TRỜI. ⁷Đoạn trong ngày đó Đa-vít lần
đầu tiên bổ-nhiệm A-sáp và các anh em của người để dâng
các lời cảm-tạ lên Đức GIA-VÊ.

Thánh-thi tạ-on (16.8-16.36)

- ⁸Ôi! Hãy dâng các lời cảm-tạ lên Đức GIA-VÊ, hãy
cầu-khẩn danh Ngài;
Hãy làm cho những công-việc Ngài được biết ở giữa
các dân-tộc.
- ⁹Hãy hát cho Ngài, hãy hát các lời ca-tụng lên Ngài;
Hãy nói về tất cả các điều kỳ-diệu của Ngài.
- ¹⁰Vinh-quang trong danh thánh của Ngài;
Để cho tâm của những người tìm Đức GIA-VÊ vui-
mừng.
- ¹¹Hãy tìm-kiếm Đức GIA-VÊ và sức mạnh của Ngài;
Hãy liên-tục tìm-kiếm mặt Ngài,
- ¹²Hãy nhớ công việc kỳ-diệu mà Ngài đã làm,
Các sự phi-thường của Ngài và các lời phán-xét từ
miệng Ngài,
- ¹³Ôi, đồng-dôi Y-sơ-ra-ên tội-tớ của Ngài,
Những con trai Gia-cốp, các người được chọn của
Ngài!
- ¹⁴Ngài là GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI của chúng ta;
Các phán-xét của Ngài ở khắp trái đất.
- ¹⁵Hãy nhớ giao-ước của Ngài mãi mãi,
Lời mà Ngài đã truyền cho một ngàn thế-hệ,
- ¹⁶Giao-ước mà Ngài đã lập với Áp-ra-ham,
Và lời thề của Ngài với Y-sác.
- ¹⁷Ngài cũng xác-nhận nó với Gia-cốp làm một luật-lệ,
Với Y-sơ-ra-ên làm một giao-ước đời đời,
- ¹⁸Phán: "Cho người Ta sẽ ban đất Ca-na-an,
Là phần của thừa-kế của người."
- ¹⁹Khi họ chỉ là số ít,
Rất ít, và là khách lạ trong đất đó.
- ²⁰Và họ đi lang thang từ nước này đến nước nọ,
Từ một vương-quốc này đến một dân-tộc nọ,
- ²¹Ngài không cho phép người nào áp-bức họ,
Ngài khiển-trách các vua vì cố họ, *rằng*:
- ²²"Chớ đụng đến những người được xức-dầu của Ta,
Và chớ làm hại các tiên-tri của Ta."
- ²³Hãy hát cho Đức GIA-VÊ nghe, hỡi tất cả trái đất;
Hãy công-bố tin lành về sự cứu-rỗi của Ngài từ ngày
qua ngày.
- ²⁴Hãy nói về vinh-quang của Ngài ở giữa các nước,
Công-việc kỳ-diệu của Ngài ở giữa tất cả các dân-tộc.
- ²⁵Vì Đức GIA-VÊ vĩ-đại, và được ca-tụng rất nhiều;
Ngài cũng được kinh-sợ hơn tất cả các thần.
- ²⁶Vì mọi thần của các dân-tộc đều là các hình-tượng,
Nhưng Đức GIA-VÊ đã dựng lên các tầng trời.

1 Chronicles 16.4-16.26

⁴And he appointed some of the Levites *as* ministers before
the ark of YHWH, even to celebrate and to thank and
praise YHWH God of Israel: ⁵Asaph the chief, and second
to him Zechariah, *then* Jeiel, Shemiramoth, Jehiel,
Mattithiah, Eliab, Benaiah, Obed-edom, and Jeiel, with
musical instruments, harps, lyres; also Asaph *played* loud-
sounding cymbals, ⁶and Benaiah and Jahaziel the priests
blew trumpets continually before the ark of the covenant
of God. ⁷Then on that day David first assigned Asaph and
his brothers to give thanks to YHWH.

Psalm of thanksgiving (16.8-16.36)

- ⁸Oh give thanks to YHWH, call upon His name;
Make known His deeds among the peoples.
- ⁹Sing to Him, sing praises to Him;
Speak of all His wonders.
- ¹⁰Glory in His holy name;
Let the heart of those who seek YHWH be glad.
- ¹¹Seek YHWH and His strength;
Seek His face continually,
- ¹²Remember His wonderful deeds which He has done,
His marvels and the judgments from His mouth,
- ¹³O seed of Israel His servant,
Sons of Jacob, His chosen ones!
- ¹⁴He is YHWH our God;
His judgments are in all the earth.
- ¹⁵Remember His covenant forever,
The word which He commanded to a thousand
generations,
- ¹⁶*The covenant* which He made with Abraham,
And His oath to Isaac.
- ¹⁷He also confirmed it to Jacob for a statute,
To Israel as an everlasting covenant,
- ¹⁸Saying, "To you I will give the land of Canaan,
As the portion of your inheritance."
- ¹⁹When they were only a few in number,
Very few, and strangers in it.
- ²⁰And they wandered about from nation to nation,
And from *one* kingdom to another people,
- ²¹He permitted no man to oppress them,
And He reproved kings for their sakes, *saying*,
- ²²"Do not touch My anointed ones,
And do My prophets no harm."
- ²³Sing to YHWH, all the earth;
Proclaim good tidings of His salvation from day to
day.
- ²⁴Tell of His glory among the nations,
His wonderful deeds among all the peoples.
- ²⁵For great is YHWH, and greatly to be praised;
He also is to be feared above all gods.
- ²⁶For all the gods of the peoples are idols,
But YHWH made the heavens.

1 Chronicles 16.27-16.43

27Splendor and majesty are before Him,
Strength and joy are in His place.
28Ascribe to YHWH, O families of the peoples,
Ascribe to YHWH glory and strength.
29Ascribe to YHWH the glory due His name;
Bring an offering, and come before Him;
Worship YHWH in holy array.
30Tremble before Him, all the earth;
Indeed, the world is firmly established, it will not be moved.
31Let the heavens be glad, and let the earth rejoice;
And let them say among the nations, "YHWH reigns."
32Let the sea roar, and all it contains;
Let the field exult, and all that is in it.
33Then the trees of the forest will sing for joy before YHWH;
For He is coming to judge the earth.
34O give thanks to YHWH, for *He is good*;
For His lovingkindness is everlasting.
35Then say, "Save us, O God of our salvation,
And gather us and deliver us from the nations,
To give thanks to Thy holy name,
And glory in Thy praise."
36Blessed be YHWH, the God of Israel
From everlasting even to everlasting.
Then all the people said, "Amen," and praised YHWH.

37So he left Asaph and his brothers there before the ark of the covenant of YHWH, to minister before the ark continually, as every day's work required; 38and Obed-edom with his 68 brothers; Obed-edom, also the son of Jeduthun, and Hosah as gatekeepers. 39And he left Zadok the priest and his brothers the priests before the tabernacle of YHWH in the high place which was at Gibeon, 40to offer burnt offerings to YHWH on the altar of burnt offering continually morning and evening, even according to all that is written in the law of YHWH which He commanded Israel. 41And with them were Heman and Jeduthun, and the rest who were chosen, who were designated by name, to give thanks to YHWH, because His lovingkindness is everlasting. 42And with them were Heman and Jeduthun with trumpets and cymbals for those who should sound aloud, and with instruments for the songs of God, and the sons of Jeduthun for the gate. 43Then all the people departed each to his house, and David returned to bless his household.

God's covenant with David (David) (17.1-17.15)

1 Sứ-ký 16.27-16.43

27Sự huy-hoàng và oai-nghi ở trước mặt Ngài,
Sức mạnh và sự vui-vẻ ở trong chỗ Ngài.
28Hãy quy cho Đức GIA-VÊ, ôi các gia-đình của các dân,
Hãy quy cho Đức GIA-VÊ vinh-quang và sức mạnh.
29Hãy quy cho Đức GIA-VÊ vinh-quang xứng-đáng danh Ngài;
Hãy đem đến một của-lễ, và hãy đến trước mặt Ngài;
Hãy thờ-phượng Đức GIA-VÊ trong trang-phục thánh.
30Hãy run-sợ trước mặt Ngài, hết thủy trái đất;
Quả thật, thế giới được vững lập, nó sẽ không bị dời.
31Các tầng trời hãy vui-mừng, và để trái đất mừng-rỡ;
Và để chúng nói ở giữa các quốc-gia: "Đức GIA-VÊ trị-vì."
32Biển hãy kêu gào, và mọi thứ mà nó chứa;
Cánh đồng hãy hân-hoan, và mọi thứ ở trong nó.
33Rồi những cây trong rừng sẽ ca hát vì vui trước Đức GIA-VÊ;
Vì Ngài đang đến để phán-xét trái đất.
34Ôi, hãy dâng các lời tạ ơn lên Đức GIA-VÊ, vì Ngài là thiện;
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời.
35Và hãy nói: "Xin cứu-rỗi chúng con, ôi Đức Chúa TRỜI của sự cứu-rỗi của chúng con,
Xin nhóm chúng con lại và xin giải-phóng chúng con khỏi các quốc-gia,
Để dâng các lời tạ ơn danh thánh của Chúa,
Và vinh-quang trong sự ca-tụng Chúa."
36Đáng chúc-tụng thay Đức GIA-VÊ, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên,
Từ đời đời cho đến tận đời đời.

Rồi tất cả dân nói: "A-men," và ca-tụng Đức GIA-VÊ.

37Thế là Đa-vít để A-sáp và anh em của người ở đó trước rương giao-ước của Đức GIA-VÊ, để liên-tục hầu-việc trước cái rương, vì công việc của mỗi ngày đòi hỏi; 38và Ô-bết-Ê-đôm với 68 anh em của người; Ô-bết-Ê-đôm, cũng là con trai của Giê-đu-thun, và Hô-sa làm các người giữ công. 39Và người cũng để thầy tế-lễ Xa-đốc và anh em của người, là các thầy tế-lễ, trước đền-tạm của Đức GIA-VÊ tại nơi cao ở tại Ga-ba-ôn, 40để dâng các của-lễ thiêu lên Đức GIA-VÊ trên bàn-thờ có của-lễ thiêu một cách liên-tục sáng và chiều, tức là theo mọi điều được ghi trong luật-pháp của Đức GIA-VÊ mà Ngài đã truyền cho Y-sơ-ra-ên. 41Với họ có Hê-man, Giê-đu-thun, và các người còn lại đã được chọn, các người được chỉ-định đích danh, để dâng các lời cảm-tạ lên Đức GIA-VÊ, vì sự ân-cần yêu-thương của Ngài là đời đời. 42Và với họ có Hê-man và Giê-đu-thun với các kèn trom-bét và những chập-chỏa cho những người muốn làm vang tiếng lớn, và với các khí-cụ cho những bài ca-hát của Đức Chúa TRỜI, và các con trai của Giê-đu-thun để giữ công. 43Sau đó tất cả dân-chúng ra đi, mỗi người trở về nhà mình, và Đa-vít trở về để chúc phước nhà mình.

Giao-ước của Đức Chúa TRỜI với Đa-vít (17.1-17.15)

17 ¹Và xảy ra, khi Đa-vít ở trong nhà mình, Đa-vít nói với tiên-tri Na-than: "Này, ta đang ở trong nhà bằng gỗ tuyết-tùng, nhưng rương giao-ước của Đức GIA-VÊ thì ở dưới các bức màn." ²Lúc đó Na-than tâu lên Đa-vít: "Xin làm mọi điều ở trong tâm bệ hạ, vì Đức Chúa TRỜI ở cùng bệ hạ." ³Và xảy ra trong đêm đó, lời Đức Chúa TRỜI đến cùng Na-than, phán: ⁴"Hãy đi nói cho Đa-vít tôi-tớ của Ta biết: 'GIA-VÊ nói như vậy: "Người không được cất nhà cho Ta ở; ⁵vì Ta đã chẳng ở trong một cái nhà nào cả từ ngày Ta đem Y-sơ-ra-ên lên cho đến ngày này, nhưng Ta đã ở từ lều này đến lều kia, từ chỗ ở này đến chỗ ở. ⁶Tại mọi nơi mà Ta đã bước đi với tất cả Y-sơ-ra-ên, há Ta đã từng nói với bất cứ một người nào trong các phán-quan của Y-sơ-ra-ên, những kẻ mà Ta đã ra lệnh chẵn-dắt dân Ta, rằng: 'Tại sao các người không cất cho Ta một cái nhà bằng cây tuyết-tùng?'" ⁷Bây giờ, vì thế, người sẽ nói với tôi-tớ Đa-vít của Ta: 'GIA-VÊ vạn quân phán như vậy: "Ta đã đem người từ đồng cỏ, từ việc chẵn chiến, để người làm người lãnh-đạo dân Y-sơ-ra-ên của Ta. ⁸Và Ta đã ở với người bất cứ nơi nào người đã đi, và đã diệt-trừ mọi kẻ thù người khỏi trước mặt người; và Ta sẽ làm cho người thành một danh như danh của những vĩ-nhân ở trên mặt đất. ⁹Và Ta sẽ chi-định một chỗ cho dân Y-sơ-ra-ên của Ta, và sẽ vun trồng chúng, để chúng được ở trong chỗ riêng của chúng và không còn bị dời đi nữa; những con trai của sự gian-ác cũng không được làm hao-mòn chúng như trước nữa, ¹⁰tức là từ ngày Ta truyền cho các phán-quan chẵn-dắt dân Y-sơ-ra-ên của Ta. Và Ta sẽ bắt phục tất cả những kẻ thù của người. Hơn nữa, Ta cho người biết rằng GIA-VÊ sẽ xây một cái nhà cho người. ¹¹Và nó sẽ xảy ra khi những ngày của người được trọn để người phải đi về với tô-phụ của người, thì Ta sẽ dựng lên một kẻ trong dòng-dõi của người sau người, là kẻ sẽ là một trong những con trai của người; và Ta sẽ thiết-lập vương-quốc của nó. ¹²Nó sẽ xây cho Ta một cái nhà, và Ta sẽ vững-lập ngôi của nó mãi mãi. ¹³Ta sẽ là cha của nó, và nó sẽ là con trai của Ta; và Ta sẽ chẳng lấy đi sự ân-cần yêu-thương của Ta khỏi nó, như Ta đã lấy nó khỏi người trước người. ¹⁴Nhưng Ta sẽ ổn định nó trong nhà của Ta và trong vương-quốc Ta mãi mãi, và ngôi của nó sẽ được xác minh mãi mãi.'" ¹⁵Theo mọi lời này và theo mọi khai thị này, Na-than nói với Đa-vít như thế.

Đa-vít đáp lại với lời cầu-nguyện (17.16-17.27)

16Thế thì vua Đa-vít đi vào trong và ngồi trước mặt Đức GIA-VÊ, và thưa: "Con là ai, GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI ôi, và nhà con là gì mà Chúa đã đem con xa chùng này? ¹⁷Và đây đã là một điều nhỏ trong đôi mắt của Chúa, Đức Chúa TRỜI ôi, nhưng Chúa đã báo về gia đình của tôi-tớ này của Chúa trong một thời gian rất dài hầu đến, và đã đoái-xem con theo mức của một người cao trọng, GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI ôi! ¹⁸Điều gì hơn nữa Đa-vít này còn có thể nói với Chúa về vinh-dự được ban cho tôi-tớ này của Chúa? Vì Chúa quá biết tôi-tớ của Chúa. ¹⁹Đức GIA-VÊ ôi, vì cơ tôi-tớ của Chúa, và theo tâm của chính Chúa, Chúa đã làm ra hết sự vĩ-đại này, để làm cho tất cả các việc vĩ-đại này được biết rõ.

17 ¹And it came about, when David dwelt in his house, that David said to Nathan the prophet, "Behold, I am dwelling in a house of cedar, but the ark of the covenant of YHWH is under curtains." ²Then Nathan said to David, "Do all that is in your heart, for God is with you." ³And it came about the same night, that the word of God came to Nathan, saying, ⁴"Go and tell David My servant, 'Thus says YHWH, "You shall not build a house for Me to dwell in; ⁵for I have not dwelt in a house since the day that I brought up Israel to this day, but I have been from tent to tent and from *one* dwelling place to *another*. ⁶In all places where I have walked with all Israel, have I spoken a word with any of the judges of Israel, whom I commanded to shepherd My people, saying, 'Why have you not built for Me a house of cedar?'" ⁷Now, therefore thus shall you say to My servant David, 'Thus says YHWH of hosts, "I took you from the pasture, from following the sheep, that you should be leader over My people Israel. ⁸And I have been with you wherever you have gone, and have cut off all your enemies from before you; and I will make you a name like the name of the great ones who are in the earth. ⁹And I will appoint a place for My people Israel, and will plant them, that they may dwell in their own place and be moved no more; neither shall the sons of the wickedness waste them anymore as formerly, ¹⁰even from the day that I commanded judges *to be* over My people Israel. And I will subdue all your enemies. Moreover, I tell you that YHWH will build a house for you. ¹¹And it shall come about when your days are fulfilled that you must go *to be* with your fathers, that I will set up *one of* your seed after you, who shall be of your sons; and I will establish his kingdom. ¹²He shall build for Me a house, and I will establish his throne forever. ¹³I will be his father, and he shall be My son; and I will not take My loving-kindness away from him, as I took it from him who was before you. ¹⁴But I will settle him in My house and in My kingdom forever, and his throne shall be established forever.'" ¹⁵According to all these words and according to all this vision, so Nathan spoke to David.

David's prayer in response (17.16-17.27)

16Then David the king went in and sat before YHWH and said, "Who am I, O YHWH God, and what is my house that Thou hast brought me this far? ¹⁷And this was a small thing in Thine eyes, O God, but Thou hast spoken of Thy servant's house for a great while to come, and hast regarded me according to the standard of a man of high degree, O YHWH God. ¹⁸What more can David still say to Thee concerning the honor *bestowed* on Thy servant? For Thou knowest Thy servant. ¹⁹O YHWH, for Thy servant's sake, and according to Thine own heart, Thou hast wrought all this greatness, to make known all these great things.

²⁰O YHWH, there is none like Thee, neither is there any God besides Thee, according to all that we have heard with our ears. ²¹And what one nation in the earth is like Thy people Israel, whom God went to redeem for Himself as a people, to make Thee a name by great and terrible things, in driving out nations from before Thy people, whom Thou didst redeem out of Egypt? ²²For Thy people Israel Thou didst make Thine own people forever, and Thou, O YHWH, didst become their God. ²³And now, O YHWH, let the word that Thou hast spoken concerning Thy servant and concerning his house, be established forever, and do as Thou hast spoken. ²⁴And let Thy name be established and magnified forever, saying, 'YHWH of hosts is the God of Israel, *even* a God to Israel; and the house of David Thy servant is established before Thee.' ²⁵For Thou, O my God, hast revealed to Thy servant that Thou wilt build for him a house; therefore Thy servant hath found *courage* to pray before Thee. ²⁶And now, O YHWH, Thou art God, and hast said this good thing to Thy servant. ²⁷And now it hath pleased Thee to bless the house of Thy servant, that it may be forever before Thee; for Thou, O YHWH, hast blessed, and it is blessed forever."

3. David's military exploits (18.1-22.1)

David prepares materials for the temple (18.1-18.19)

18 ¹Now after this it came about that David smote the Philistines and subdued them and took Gath and its towns from the hand of the Philistines. ²And he smote Moab, and the Moabites became servants to David, bringing tribute. ³David also smote Hadadezer king of Zobah *as far as* Hamath, as he went to establish his rule to the Euphrates River. ⁴And David took from him 1,000 chariots and 7,000 horsemen and 20,000 foot soldiers, and David hamstrung all the chariot horses, but reserved *enough* of them for 100 chariots.

⁵When the Arameans of Damascus came to help Hadadezer king of Zobah, David killed 22,000 men of the Arameans. ⁶Then David put *garrisons* among the Arameans of Damascus; and the Aramean became servants to David, bringing tribute. And YHWH helped David wherever he went. ⁷And David took the shields of gold which were carried by the servants of Hadadezer, and brought them to Jerusalem. ⁸Also from Tibhath and from Cun, cities of Hadadezer, David took a very large amount of bronze, with which Solomon made the bronze sea and the pillars and the bronze utensils.

⁹Now when Tou king of Hamath heard that David had smitten all the army of Hadadezer king of Zobah,

²⁰*Đức* GIA-VÊ ôi, chẳng có ai giống như Chúa, cũng không có một *Đức* Chúa TRỜI nào ngoài Chúa, theo mọi điều chúng con đã nghe với các lỗ tai của mình. ²¹Và có một dân-tộc nào trên mặt đất lại giống như dân Y-sơ-ra-ên của Chúa, dân mà *Đức* Chúa TRỜI đã đi để mua chuộc cho chính Ngài để làm một dân-tộc, để làm Chúa thành một danh bởi các việc vĩ-đại và kinh-khiếp, trong việc đuổi các dân-tộc đi khỏi trước mặt dân Chúa, dân mà Chúa đã chuộc ra khỏi Ê-díp-tô? ²²Vì dân Y-sơ-ra-ên của Chúa mà Chúa đã làm dân riêng của Chúa mãi mãi, và Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi, đã thành *Đức* Chúa TRỜI của họ. ²³Bây giờ, *Đức* GIA-VÊ ôi, xin để lời mà Chúa đã phán về tội-tố này của Chúa và về nhà của nó, được xác minh mãi mãi, và xin làm như Chúa đã phán. ²⁴Và xin danh Chúa được xác minh và tôn-đại mãi mãi, rằng: "*Đức* GIA-VÊ vạn quân là *Đức* Chúa TRỜI của Y-sơ-ra-ên, tức là một *Đức* Chúa TRỜI cho Y-sơ-ra-ên⁽¹⁾; và nhà của Đa-vít, tội-tố của Chúa, được xác minh trước mặt Chúa!" ²⁵Vì Chúa, *Đức* Chúa TRỜI của con ôi, đã tỏ ra cho tội-tố này của Chúa biết rằng Chúa sẽ xây một cái nhà cho nó; bởi vậy tội-tố này của Chúa đã tìm được *can-đảm* để cầu-nguyện ở trước mặt Chúa. ²⁶Và bây giờ, *Đức* GIA-VÊ ôi, Chúa là *Đức* Chúa TRỜI, và đã phán điều tốt-lành này cho tội-tố này của Chúa. ²⁷Và bây giờ Chúa đã được vui lòng để ban phước cho nhà của tội-tố này của Chúa, để nó có thể ở mãi mãi trước mặt Chúa; vì Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi, đã ban phước, và nó được ban phước mãi mãi."

3. Quân-sự của Đa-vít phát-triển (18.1-22.1)

Đa-vít chuẩn-bị vật-liệu cho đền-thờ (18.1-18.19)

18 ¹Bây giờ, sau việc này, xảy ra Đa-vít đánh hạ dân Phi-li-tin và chinh-phục chúng, lấy Gát và các thị-xã của nó từ tay của dân Phi-li-tin. ²Và người đánh hạ Mô-áp, dân Mô-áp thành tội-tố của Đa-vít, *nộp* cống-lễ. ³Đa-vít cũng đánh Ha-đa-rê-xe vua Xô-ba đến *tận* Ha-mát, khi người đi thiết-lập sự cai-trị của mình đến *tận* sông O-phơ-rát. ⁴Và Đa-vít tịch thu của hắn 1 ngàn cỗ xe, 7 ngàn kỵ-binh, 20 ngàn bộ-binh, và Đa-vít cắt nhượng tất cả ngựa kéo xe, nhưng chừa lại *đủ số* ngựa cho 100 cỗ xe.

⁵Khi dân A-ram ở Đa-mách đến giúp Ha-đa-rê-xe vua Xô-ba, Đa-vít giết chết 22 ngàn người dân A-ram. ⁶Rồi Đa-vít đặt các đồn ở giữa dân A-ram ở Đa-mách; và dân A-ram thành tội-tố của Đa-vít, *nộp* cống-lễ. Và *Đức* GIA-VÊ giúp Đa-vít bắt cứ nơi nào người đi. ⁷Và Đa-vít tịch thu những cái khiên bằng vàng do các tội-tố của Ha-đa-rê-xe khiêng, và đem chúng về Giê-ru-sa-lem. ⁸Cũng từ Ti-hát⁽²⁾ và từ Cun, các thành của Ha-đa-rê-xe, Đa-vít tịch thu rất nhiều đồng, mà Sa-lô-môn dùng để làm cái biển đồng, các trụ, và các khí-cụ bằng đồng.

⁹Bây giờ, khi Tô-hu vua Ha-mát nghe rằng Đa-vít đã đánh thắng tất cả quân-đội Ha-đa-rê-xe vua Xô-ba,

¹ hay: là Thần của Y-sơ-ra-ên, tức là một vị Thần cho Y-sơ-ra-ên;

² Sm 8.8: Bê-tách, Betah

1 Sử-ký 18.10-19.8

¹⁰Hắn sai Ha-đô-ram⁽¹⁾ con trai của hắn tới vua Đa-vít, để chào người và để chúc phước người, vì người đã đánh chống Ha-đa-rê-xe và đã đánh thắng hắn; vì Ha-đa-rê-xe đã từng có chiến-tranh với Tô-hu. Và *Ha-đô-ram* đem tất cả các thứ khí-cụ bằng vàng, bạc, và đồng đến. ¹¹Vua Đa-vít cũng hiến-dâng những cái này cho Đức GIA-VÊ với bạc và vàng mà người đã tịch thu từ tất cả các quốc-gia: từ Ê-đôm, Mô-áp, các con của Am-môn, dân Phi-li-tin, và từ A-ma-léc.

¹²Hơn nữa, A-bi-sai con trai của Xê-ru-gia, đánh hạ 18 ngàn người Ê-đôm trong thung-lũng Muối. ¹³Rồi người đặt các đồn trong Ê-đôm, và tất cả dân Ê-đôm thành tôi-tớ của Đa-vít. Và Đức GIA-VÊ đã giúp Đa-vít bất cứ nơi nào người đi.

¹⁴Thế là Đa-vít trị-vì trên tất cả Y-so-ra-ên; và người thực-hành công-lý và công-chính cho hết thủy dân mình. ¹⁵Và Giô-áp con trai của Xê-ru-gia coi quân-đội, và Giô-sa-phát con trai A-hi-lút làm quan ghi sổ-sách; ¹⁶và Xa-đốc con trai của A-hi-túp và A-bi-mê-léc con trai của A-bia-tha làm các thầy tế-lễ; và Sa-vê-sa làm thư-ký; ¹⁷và Bê-na-gia con trai của Giê-hô-gia-đa coi những người Kê-rê-thít và các người Phê-lê-thít, và các con trai của Đa-vít là các thủ-lĩnh ở bên cạnh nhà vua.

Các sứ-giã của Đa-vít bị làm nhục (19.1-19.9)

19 ¹Bấy giờ, xảy ra sau việc này, Na-hách vua của những con trai Am-môn qua đời, và con trai hắn thành vua trong chỗ của hắn. ²Lúc đó, Đa-vít phán: "Ta sẽ tỏ từ-tế với Hanun, con trai của Na-hách, vì cha của nó đã tỏ từ-tế với ta." Vì thế, Đa-vít sai các sứ-giã đi an-ủi hắn về cha hắn. Và các tôi-tớ Đa-vít vào trong xứ các con trai Am-môn tới Ha-nun, để an-ủi người. ³Nhưng các ông hoàng của những con trai Am-môn nói với Ha-nun: "Bệ hạ có nghĩ rằng Đa-vít đang tôn-vinh cha bệ hạ, trong việc ông ta đã sai những kẻ an-ủi đến với bệ hạ chẳng? Phải chăng các tôi-tớ ông ta đã chẳng đến với bệ hạ để dò-xét thành và để lật-đổ, và để dò-thăm xứ này hay sao?" ⁴Vì vậy Ha-nun bắt các tôi-tớ Đa-vít, cạo râu họ và cắt quần-áo họ ở chính giữa đến tận hông họ, và đuổi họ đi. ⁵Rồi có người đi cho Đa-vít biết về các người này. Và người sai đi đón họ, vì các người này bị nhục lắm. Và nhà vua phán: "Hãy trở lại Giê-ri-cô cho đến khi râu các người mọc, rồi trở về."

Đa-vít đánh-bại Am-môn và A-ram (19.6-19.19)

⁶Bấy giờ, khi các con trai Am-môn thấy rằng họ đã tự làm chính mình ghê-tởm đối với Đa-vít, thì Ha-nun và các con trai Am-môn gửi đi 1 ngàn ta-lăng bạc để mướn cho chúng những chiến xa và kỵ binh từ Mê-sô-bô-ta-mi, từ A-ram-Ma-a-ca, và từ Xô-ba. ⁷Thế là chúng mướn cho chúng 32 ngàn cỗ xe, và vua của Ma-a-ca với quân của hắn, là những kẻ đến đóng trại trước Mê-đê-ba. Và các con trai Am-môn cùng nhau nhóm lại từ các thành của chúng rồi đến trận đánh. ⁸Khi Đa-vít nghe về điều đó, người sai Giô-áp và tất cả quân-đội đi, những người mạnh-dạn.

¹2 Sa-mu-ên 8.10: Giô-ram, Joram

1 Chronicles 18.10-19.8

¹⁰He sent Hadoram his son to King David, to greet him and to bless him, because he had fought against Hadadezer and had smitten him; for Hadadezer had been at war with Tou. And *Hadoram* brought all kinds of articles of gold and silver and bronze. ¹¹King David also dedicated these to YHWH with the silver and the gold which he had carried away from all the nations: from Edom, Moab, the sons of Ammon, the Philistines, and from Amalek.

¹²Moreover Abishai the son of Zeruiah smote 18,000 Ed-o-mee' in the Valley of Salt. ¹³Then he put garrisons in Edom, and all the Ed-o-mee' became servants to David. And YHWH helped David wherever he went.

¹⁴So David reigned over all Israel; and he was doing justice and righteousness for all his people. ¹⁵And Joab the son of Zeruiah was over the army, and Jehoshaphat the son of Ahilud was recorder; ¹⁶and Zadok the son of Ahitub and Abimelech the son of Abiathar were priests, and Shavsha was secretary; ¹⁷and Benaiah the son of Jehoiada was over the Cherethites and the Pelethites, and the sons of David were chiefs at the king's side.

David's messengers abused (19.1-19.9)

19 ¹Now it came about after this, that Nahash the king of the sons of Ammon died, and his son became king in his place. ²Then David said, "I will show kindness to Hanun the son of Nahash, because his father showed kindness to me." So David sent messengers to console him concerning his father. And David's servants came into the land of the sons of Ammon to Hanun, to console him. ³But the princes of the sons of Ammon said to Hanun, "Do you think that David is honoring your father, in that he has sent comforters to you? Have not his servants come to you to search the city and to overthrow and to spy out the land?" ⁴So Hanun took David's servants and shaved them, and cut off their garments in the middle as far as their hips, and sent them away. ⁵Then certain persons went and told David about the men. And he sent to meet them, for the men were greatly humiliated. And the king said, "Return to Jericho until your beards grow, and then return."

David defeats Ammon and Aram (19.6-19.19)

⁶When the sons of Ammon saw that they had made themselves odious to David, Hanun and the sons of Ammon sent 1,000 talents of silver to hire for themselves chariots and horsemen from Mesopotamia, from Aram-Maachah, and from Zobah. ⁷So they hired themselves 32,000 chariots, and the king of Maacah and his people, who came and camped before Medeba. And the sons of Ammon gathered together from their cities and came to battle. ⁸When David heard of it, he sent Joab and all the army, the mighty men.

1 Chronicles 19.9-20.4

⁹And the sons of Ammon came out and drew up in battle array at the entrance of the city, and the kings who had come were by themselves in the field.

¹⁰Now when Joab saw that the battle was set against him in front and in the rear, he selected from all the choice men of Israel and they arrayed themselves against the Arameans. ¹¹But the remainder of the people he placed in the hand of Abishai his brother; and they arrayed themselves against the sons of Ammon. ¹²And he said, "If the Arameans are too strong for me, then you shall help me, but if the sons of Ammon are too strong for you, then I will help you. ¹³Be strong, and let us show ourselves courageous for the sake of our people and for the cities of our God; and may YHWH do what is good in His sight." ¹⁴So Joab and the people who were with him drew near to the battle against the Arameans, and they fled before him. ¹⁵When the sons of Ammon saw that the Arameans fled, they also fled before Abishai his brother, and entered the city. Then Joab came to Jerusalem.

¹⁶When the Arameans saw that they had been smitten before Israel, they sent messengers, and brought out the Arameans who were beyond the Euphrates, with Shophach the commander of the army of Hadadezer leading them. ¹⁷Now when it was told David, he gathered all Israel together and crossed the Jordan, and came upon them and drew up in formation against them. And when David drew up in array against the Arameans, they fought against him. ¹⁸And the Arameans fled before Israel, and David killed of the Arameans 7,000 charioteers and 40,000 foot soldiers, and put to death Shophach the commander of their army. ¹⁹So when the servants of Hadadezer saw that they were smitten before Israel, they made peace with Israel and served them. Thus the Arameans were not willing to help the sons of Ammon anymore.

David's army conquers the Ammonites (20.1-20.3)

20 ¹Then it happened in the spring, at the time when kings go out *to battle* that Joab led out the army and ravaged the land of the sons of Ammon and besieged Rabbah. But David stayed at Jerusalem. And Joab struck Rabbah and overthrew it. ²And David took the crown of their king from his head, and he found it to weigh a talent of gold, and there was a precious stone in it; and it was placed on David's head. And he brought out the spoil of the city, a very great amount. ³And he brought out the people who *were* in it, and cut *them* with saws and with sharp instruments and with axes. And thus David did to all the cities of the sons of Ammon. Then David and all the people returned *to* Jerusalem.

Killing the giants and defeating the Philistines (20.4-20.8)

⁴Now it came about after this, that war broke out at Gezer with the Philistines; then Sibbecai the Hushathite smote Sippaie, one of the descendants of the giants, and they were subdued.

1 Sứ-ký 19.9-20.4

⁹Và các con trai Am-môn kéo ra, dàn trận tại nơi cửa vào thành, còn các vua đã đến đều đóng riêng ra trong cánh đồng.

¹⁰Bấy giờ, khi Giô-áp thấy rằng chiến-trận được bày ra chống lại mình đằng trước và đằng sau, ông chọn từ tất cả các người xuất-sắc của Y-sơ-ra-ên và họ tự dàn-trận chống lại dân A-ram. ¹¹Nhưng phần quân còn lại, người đặt trong tay A-bi-sai, anh của mình; và họ tự dàn-trận chống lại các con trai Am-môn. ¹²Và người nói: "Nếu dân A-ram quá mạnh đối với em, thì anh sẽ giúp em; nhưng nếu những con trai Am-môn quá mạnh đối với anh, thì em sẽ giúp anh. ¹³Hãy mạnh dạn, và chúng ta hãy tỏ ra mình can-dảm vì có dân ta và vì các thành của ĐỨC CHÚA TRỜI chúng ta; xin ĐỨC GIA-VÊ làm điều tốt-lành trong cái nhìn của Ngài." ¹⁴Thế là Giô-áp và quân ở với người kéo đến gần chiến-trận chống lại dân A-ram; chúng chạy trốn trước mặt người. ¹⁵Khi các con trai Am-môn thấy rằng dân A-ram chạy trốn, thì chúng cũng chạy trốn khỏi trước mặt A-bi-sai anh người mà vào trong thành. Rồi Giô-áp đến Giê-ru-sa-lem.

¹⁶Khi dân A-ram thấy chúng đã bị đánh hạ trước mặt Y-sơ-ra-ên, chúng sai các sứ-giã đi, và đem ra dân A-ram ở bên kia sông Ô-phơ-rát với Sô-phác chỉ-huy-trưởng của quân-đội của Ha-đa-rê-xe lãnh đạo chúng. ¹⁷Bấy giờ, khi Đa-vít được cho biết, người họp tất cả Y-sơ-ra-ên lại, và vượt qua sông Giô-đanh, và xông lên chúng và dàn-trận chống lại chúng. Và khi Đa-vít dàn-trận chống dân A-ram, chúng đánh lại người. ¹⁸Và dân A-ram bỏ chạy trước mặt Y-sơ-ra-ên, và Đa-vít giết 7 ngàn xa-binh thuộc dân A-ram và 40 ngàn bộ-binh, và giết Sô-phác chỉ-huy-trưởng của quân-đội chúng. ¹⁹Thế là khi các tôi-tớ của Ha-đa-rê-xe thấy chúng bị đánh hạ trước mặt Y-sơ-ra-ên, chúng làm hòa với Y-sơ-ra-ên và phục-dịch họ. Như vậy dân A-ram không sẵn lòng giúp những con trai Am-môn nữa.

Quân-đội của Đa-vít chinh-phục dân Am-môn (20.1-20.3)

20 ¹Sau đó, việc xảy ra trong mùa xuân ấy, vào thời-gian khi các vua đi ra *trận*, Giô-áp dẫn quân ra, tàn-phá xứ các con trai Am-môn và vây-hãm Ráp-ba. Nhưng Đa-vít ở tại Giê-ru-sa-lem. Và Giô-áp đánh Ráp-ba và lật đổ nó. ²Và Đa-vít lấy vương-miện của vua chúng khỏi đầu hắn, và người thấy nó nặng một ta-lăng vàng và có một cục đá quý trong nó; và nó được đặt trên đầu Đa-vít. Người đem chiến-lợi-phẩm từ thành ấy ra, một số lượng rất lớn. ³Và người đem dân ở trong đó ra, và cắt *chúng* bằng cưa, *đâm* chúng bằng dụng-cụ bén và bằng rìu. Và Đa-vít làm như vậy đối với tất cả các thành của các con trai Am-môn. Đoạn, Đa-vít và tất cả quân-binh trở về Giê-ru-sa-lem.

Giết các người khổng-lô và đánh bại dân Phi-li-tin (20.4-20.8)

⁴Bấy giờ xảy ra sau việc này, chiến-tranh lại bộc-phát tại Ghê-xe với dân Phi-li-tin; lúc đó Si-bê-cai người Hu-sa đánh Síp-bai, một trong con cháu của những người khổng-lô, và chúng bị khuất-phục.

1 Sử-ký 20.5-21.15

⁵Và lại có chiến-tranh với dân Phi-li-tin, và Ên-cha-nan con trai của Giai-rơ đánh hạ Lác-mi, em trai của Gô-li-át người Gát, có cán giáo giống như cây trúc thợ dệt. ⁶Và một lần nữa có chiến-tranh tại Gát, nơi có một người khổng lồ có 24 ngón tay và ngón chân, 6 ngón tay ở mỗi bàn tay và 6 ngón chân ở mỗi bàn chân; và hắn cũng là đồng-dôi người khổng-lồ. ⁷Khi hắn chửi bới Y-sơ-ra-ên, Giô-na-than con trai của Si-mê-a, anh của Đa-vít, đánh hạ hắn. ⁸Những kẻ ấy là đồng-dôi những người khổng -lồ tại Gát, và chúng ngã gục bởi tay Đa-vít và bởi tay các tôi-tớ người.

Tổng thống-kê gây ra bệnh dịch (21.1-21.13)

21 ¹Sau đó Sa-tan đứng dậy chống Y-sơ-ra-ên và xúi-giục Đa-vít đếm số Y-sơ-ra-ên. ²Vì vậy Đa-vít nói với Giô-áp và các ông hoàng của dân: "Hãy đi, đếm số Y-sơ-ra-ên từ Bê-e-Sê-ba cho đến tận Đan, và nhắn cho ta biết con số của chúng. ³Và Giô-áp tâu: "Nguyện Đức GIA-VÊ thêm vào dân của Ngài một trăm lần nhiều hơn bây giờ! Nhưng, thưa chúa tôi nhà vua, chẳng phải tất cả họ là tôi-tớ của chúa tôi hay sao? Tại sao chúa tôi lại tìm-kiếm việc này? Tại sao chúa muốn là nguyên nhân gây nên lỗi-lầm cho Y-sơ-ra-ên?" ⁴Tuy nhiên, lời của nhà vua thắng Giô-áp. Bởi thế, Giô-áp ra đi, và đi khắp tất cả Y-sơ-ra-ên, và tới Giê-ru-sa-lem. ⁵Và Giô-áp giao con số từ thống-kê tất cả dân cho Đa-vít. Tất cả Y-sơ-ra-ên là: 1 triệu 100 ngàn người đàn-ông rút gươm; và Giu-đa là: 470 ngàn người đàn-ông rút gươm. ⁶Nhưng người chẳng đếm Lê-vi và Bên-gia-min ở giữa họ, vì đối với Giô-áp lời của nhà vua đáng-ghét. ⁷Và nó là xấu-xa trong cái nhìn của Đức Chúa TRỜI, vì vậy Ngài đánh Y-sơ-ra-ên. ⁸Và Đa-vít thưa với Đức Chúa TRỜI: "Con đã phạm tội lớn, vì con đã làm việc này. Nhưng bây giờ, xin cất đi tội của tôi-tớ này của Chúa, vì con đã làm một cách rất ngu-dại."

⁹Và Đức GIA-VÊ phán cùng Gát, đáng tiên-kiến của Đa-vít rằng: ¹⁰"Đi báo Đa-vít rằng: 'GIA-VÊ phán như vậy: "Ta cho ngươi 3 điều; chọn cho ngươi 1 trong 3, để Ta có thể gây ra cho ngươi."'" ¹¹Vì vậy Gát đến cùng Đa-vít và thưa với người: "Đức GIA-VÊ phán như vậy: 'Ngươi hãy chọn cho ngươi ¹²hoặc 3 năm đói kém, hoặc 3 tháng bị cuốn đi trước các kẻ thù của ngươi, trong khi gươm của các kẻ thù ngươi bắt kịp ngươi, hay là bị 3 ngày gươm của GIA-VÊ, tức là bệnh dịch ở trong xứ và vị thiên-sứ của GIA-VÊ hủy-diệt khắp tất cả bờ cõi Y-sơ-ra-ên.' Bởi vậy, bây giờ, xin cân nhắc câu trả lời tôi sẽ tâu lại cùng Ngài, Đấng đã sai tôi." ¹³Và Đa-vít nói với Gát: "Ta gặp khốn lớn; xin cho ta sa vào trong tay Đức GIA-VÊ, vì sự khoan-hồng của Ngài rất lớn. Nhưng chớ để ta sa vào trong tay của loài người."

Thiên-sứ của Đức GIA-VÊ tại sân đập lúa của Ot-nan, người Giê-bu (21.14-21.30)

¹⁴Vì vậy Đức GIA-VÊ cho bệnh dịch trên Y-sơ-ra-ên; có 70 ngàn người Y-sơ-ra-ên ngã chết. ¹⁵Và Đức Chúa TRỜI sai một thiên-sứ đến Giê-ru-sa-lem định hủy-diệt nó; nhưng trong khi thiên-sứ ấy sắp hủy-diệt nó, Đức GIA-VÊ xem thấy và lấy làm tiếc về tai-họa này, và nói với vị thiên-sứ hủy-diệt: "Đủ rồi; bây giờ hãy buông lỏng tay ngươi." Và vị thiên-sứ của Đức GIA-VÊ đứng gần sân đập lúa của Ot-nan, người Giê-bu.

1 Chronicles 20.5-21.15

⁵And there was war with the Philistines again, and Elhanan the son of Jair smote Lachmi the brother of Goliath the Gittite, the shaft of whose spear was like a weaver's beam. ⁶And again there was war at Gath where there was a man of great stature who had twenty-four fingers and toes, six fingers on each hand and six toes on each foot; and he also was descended from the giants. ⁷And when he taunted Israel, Jonathan the son of Shimea, David's brother, smote him. ⁸These were descended from the giants in Gath, and they fell by the hand of David and by the hand of his servants.

Census brings pestilence (21.1-21.13)

21 ¹Then Satan stood up against Israel and moved David to number Israel. ²So David said to Joab and to the princes of the people, "Go, number Israel from Beer-sheba even to Dan, and bring me word that I may know their number." ³And Joab said, "May YHWH add to His people a hundred times as many as they are! But, my lord the king, are they not all my lord's servants? Why does my lord seek this thing? Why should he be a cause of guilt to Israel?" ⁴Nevertheless, the king's word prevailed against Joab. Therefore, Joab departed and went throughout all Israel, and came to Jerusalem. ⁵And Joab gave the number of the census of all the people to David. And all Israel were 1,100,000 men who drew the sword; and Judah was 470,000 men who drew the sword. ⁶But he did not number Levi and Benjamin among them, for the king's word was abhorrent to Joab. ⁷And it was evil in the sight of God, so He struck Israel. ⁸And David said to God, "I have sinned greatly, in that I have done this thing. But now, please take away the iniquity of Thy servant, for I have done very foolishly."

⁹And YHWH spoke to Gad, David's seer, saying, ¹⁰"Go and speak to David, saying 'Thus says YHWH, "I stretch out to you three things; choose for yourself one of them, that I may do it to you."'" ¹¹So Gad came to David and said to him, "Thus says YHWH, "Take for yourself ¹²either three years of famine, or three months to be swept away before your foes, while the sword of your enemies overtakes you, or else three days of the sword of YHWH, even pestilence in the land, and the angel of YHWH destroying throughout all the territory of Israel.' Now, therefore, consider what answer I shall return to Him who sent me." ¹³And David said to Gad, "I am in great distress; please let me fall into the hand of YHWH, for His mercies are very great. But do not let me fall into the hand of man."

Angel of YHWH at the threshing floor of Ornan, the Jeb-oo-see' (21.14-21.30)

¹⁴So YHWH gave a pestilence on Israel; 70,000 men of Israel fell. ¹⁵And God sent an angel to Jerusalem to destroy it; but as he was about to destroy it, YHWH saw and was sorry over the calamity, and said to the destroying angel, "It is enough; now relax your hand." And the angel of YHWH was standing by the threshing floor of Ornan the Jebusites.

1 Chronicles 21.16-22.2

¹⁶Then David lifted up his eyes and saw the angel of YHWH standing between earth and heaven, with his drawn sword in his hand stretched out over Jerusalem. Then David and the elders, covered with sackcloth, fell on their faces. ¹⁷And David said to God, "Is it not I who commanded to count the people? Indeed, I am the one who has sinned and done very wickedly, but these sheep, what have they done? O YHWH my God, please let Thy hand be against me and my father's household, but not against Thy people that they should be plagued."

¹⁸Then the angel of YHWH said to Gad to say to David, that David should go up and build an altar to YHWH on the threshing floor of Ornan the Jebusites. ¹⁹So David went up at the word of Gad, which he spoke in the name of YHWH. ²⁰Now Ornan turned back and saw the angel, and his four sons *who were* with him hid themselves. And Ornan was threshing wheat. ²¹And as David came to Ornan, Ornan looked and saw David, and went out from the threshing floor, and prostrated himself before David with his face to the ground. ²²Then David said to Ornan, "Give me the place of this threshing floor, that I may build on it an altar to YHWH; for the full price you shall give it to me, that the plague may be restrained from the people." ²³And Ornan said to David, "Take *it* for yourself; and let my lord the king do what is good in his sight. See, I will give the oxen for burnt offerings and the threshing sledges for wood and the wheat for the grain offering; I will give *it* all." ²⁴But King David said to Ornan, "No, but I will surely buy *it* for the full price; for I will not take what is yours for YHWH, or offer a burnt offering which costs me nothing." ²⁵So David gave Ornan 600 shekels of gold by weight for the place. ²⁶Then David built an altar to YHWH there, and offered burnt offerings and peace offerings. And he called to YHWH and He answered him with fire from heaven on the altar of burnt offering. ²⁷And YHWH commanded the angel, and he put his sword back in its sheath.

²⁸At that time, when David saw that YHWH had answered him on the threshing floor of Ornan the Jebusites, he offered sacrifice there. ²⁹For the tabernacle of YHWH, which Moses had made in the wilderness, and the altar of burnt offering *were* in the high place at Gibeon at that time. ³⁰But David could not go before it to inquire of God, for he was terrified by the sword of the angel of YHWH.

22 ¹Then David said, "This is the house of YHWH God, and this is the altar of burnt offering for Israel."

4. David arranges for the building of the temple (22.2-29.30)

David prepares materials for the temple (22.2-22.5)

²So David gave orders to gather the foreigners who were in the land of Israel, and he set stonemasons to hew out stones to build the house of God.

1 Sứ-ký 21.16-22.2

¹⁶Lúc ấy Đa-vít ngược mắt lên, thấy vị thiên-sứ của Đức GIA-VÊ đứng giữa đất và trời, trong tay của người có cây kiếm trần giơ ra trên Giê-ru-sa-lem. Thế thì Đa-vít và các trưởng-lão, phủ bằng bao gai, sấp mình cúi mặt xuống đất. ¹⁷Và Đa-vít thưa cùng Đức Chúa TRỜI: "Chẳng phải chính con là kẻ đã ra lệnh đếm số dân hay sao? Quả thật, con là kẻ đã phạm tội và đã làm một cách rất độc-ác, song những con chiên này, họ đã làm điều gì? Ôi GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI của con, xin giáng bàn tay Chúa trên con và gia-hộ cha con, nhưng xin đừng chống lại dân của Chúa để họ phải bị bệnh dịch."

¹⁸Lúc đó vị thiên-sứ của Đức GIA-VÊ bảo Gát nói với Đa-vít, rằng Đa-vít phải đi lên dựng một bàn-thờ cho Đức GIA-VÊ trên sân đập lúa của Ợt-nan người Giê-bu. ¹⁹Vì vậy Đa-vít đi lên do lời của Gát mà người đã nói nhân danh Đức GIA-VÊ. ²⁰Bấy giờ Ợt-nan xoay lại, thấy vị thiên-sứ, và 4 người con trai của người *đang ở* với người ẩn mình. Và Ợt-nan đang đập lúa mì. ²¹Và khi Đa-vít đến với Ợt-nan, Ợt-nan nhìn thấy Đa-vít, và đi ra khỏi sân đập lúa, nằm xoài trước mặt Đa-vít áp mặt của ông xuống đất. ²²Thế thì Đa-vít nói với Ợt-nan: "Hãy giao ta chỗ có sân đập lúa này, để ta được xây trên nó một bàn-thờ cho Đức GIA-VÊ; với trọn giá người sẽ nhượng nó cho ta, để tai-họa được kèm khỏi dân-chúng." ²³Và Ợt-nan thưa cùng Đa-vít: "Xin bệ hạ lấy nó; và xin chúa tôi nhà vua làm điều tốt-lành trong cái nhìn của nhà vua. Nay, tôi sẽ dâng các con bò làm các cửa-lễ thiêu, các xe sân đập lúa làm củi, và lúa mì làm cửa-lễ thóc lúa; tôi sẽ dâng tất cả." ²⁴Nhưng Vua Đa-vít nói với Ợt-nan: "Không, nhưng chắc-chắn ta muốn mua nó với trọn giá; vì ta không muốn lấy vật gì của người cho Đức GIA-VÊ, hay dâng một cửa-lễ thiêu nào mà ta chẳng tốn gì cả." ²⁵Vì vậy, Đa-vít cân 600 siéc-lơ vàng trả cho Ợt-nan cho chỗ đó. ²⁶Đoạn Đa-vít xây một bàn-thờ cho Đức GIA-VÊ tại đó, và hiến-dâng các cửa-lễ thiêu và các cửa-lễ bình-an. Và người cầu-khẩn Đức GIA-VÊ và Ngài trả lời người bằng lửa từ trời trên bàn-thờ có cửa-lễ thiêu. ²⁷Và Đức GIA-VÊ ra lệnh cho vị thiên-sứ, và vị ấy tra gươm của mình vào vỏ.

²⁸Vào lúc đó, khi Đa-vít thấy Đức GIA-VÊ đã trả lời mình tại sân đập lúa của Ợt-nan người Giê-bu, người hiến-dâng tế-vật tại đó. ²⁹Vì đền-tạm của Đức GIA-VÊ mà Môi-se đã dựng trong vùng hoang-vu, và bàn-thờ có cửa-lễ thiêu *đang ở* nơi cao tại Ga-ba-ôn vào lúc đó. ³⁰Nhưng Đa-vít không thể đi đến trước nó để cầu-vấn Đức Chúa TRỜI, vì người bị kinh-hãi bởi thanh gươm của vị thiên-sứ của Đức GIA-VÊ.

22 ¹Lúc đó Đa-vít nói: "Đây là đền của GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI, và đây là bàn-thờ có cửa-lễ thiêu vì Y-sơ-ra-ên."

4. Đa-vít sắp-xếp cho việc xây đền-thờ (22.2-29.30)

Đa-vít chuẩn-bị vật-liệu cho đền-thờ (22.2-22.5)

²Thế là Đa-vít truyền tập-hợp các người nước ngoài ở trong xứ Y-sơ-ra-ên, và người cắt đặt thợ đá để đục đá để xây đền Đức Chúa TRỜI.

³Và Đa-vít cũng chuẩn-bị nhiều sắt để làm đinh cho các cửa của những cổng và cho các nẹp, và nhiều đồng không thể cân được; ⁴và vô số gỗ từ thân cây tuyết-tùng, vì dân Si-đôn và dân Ty-rơ đem đến rất nhiều gỗ tuyết-tùng cho Đa-vít. ⁵Và Đa-vít nói: "Con trai Sa-lô-môn của ta còn trẻ và không có kinh-nghiệm, và đền sắp được xây cho Đức GIA-VÊ sẽ rất nguy-ngha, nổi tiếng và vẻ-vang khắp tất cả các xứ. Bởi vậy ta sẽ chuẩn-bị cho nó." Thế là Đa-vít chuẩn-bị dư giả trước khi mình chết.

Sa-lô-môn được giao công tác ấy (22.6-22.19)

⁶Đoạn người gọi con trai Sa-lô-môn của mình lại và giao cho trách-nhiệm xây một cái đền cho GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI của Y-sơ-ra-ên. ⁷Và Đa-vít nói với Sa-lô-môn: "Hỡi con trai ta, về phần ta, chính trong tâm ta định xây một cái đền cho danh của GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI ta. ⁸Nhưng lời của Đức GIA-VÊ đã đến cùng ta, phán: 'Người đã làm đổ nhiều máu và đã gây nhiều cuộc chiến lớn; người sẽ không được xây một cái đền nào cho danh Ta, bởi vì người đã làm đổ quá nhiều máu trên mặt đất trước mặt Ta. ⁹Này, một đứa con trai sẽ được sinh ra cho người, nó sẽ là một người của sự nghỉ-ngơi; và Ta sẽ ban cho nó sự nghỉ-ngơi từ tất cả những kẻ thù nó ở mọi phía; vì tên nó sẽ là Sa-lô-môn, và Ta sẽ ban hòa-bình và yên-tĩnh cho Y-sơ-ra-ên trong những ngày của nó. ¹⁰Nó sẽ xây một cái đền cho danh Ta và nó sẽ là con trai Ta, và Ta sẽ là cha nó; và Ta sẽ vững-lập ngôi vương-quốc nó trên Y-sơ-ra-ên mãi mãi.' ¹¹Bây giờ, hỡi con trai ta, nguyện Đức GIA-VÊ ở với con để con được thành-công, và xây đền cho GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI của con đúng như Ngài đã phán về con. ¹²Chỉ có Đức GIA-VÊ mới ban cho con sự suy-xét đúng-đắn và hiểu-biết, và cho con trách-nhiệm trên Y-sơ-ra-ên, ngõ hầu con có thể giữ được luật của GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI con. ¹³Rồi con sẽ phồn-vinh, nếu con cẩn-thận tuân theo các luật-lệ và mạng-lệnh mà Đức GIA-VÊ đã truyền cho Môi-se về Y-sơ-ra-ên. Hãy mạnh mẽ và can-đảm, chớ sợ-hãi, cũng chẳng nên bị kinh động. ¹⁴Ngay bây giờ, này, trong nỗi ưu phiền của ta, ta đã chuẩn-bị cho đền của Đức GIA-VÊ 100 ngàn ta-lăng vàng và 1 triệu ta-lăng bạc, còn đồng và sắt thì quá mức đo-lường, vì số lượng của chúng quá lớn; và ta đã chuẩn-bị gỗ và đá nữa, và con có thể thêm vào chúng. ¹⁵Hơn nữa, có nhiều nhân-công ở với con, những thợ đá, thợ hồ xây đá và thợ mộc, và tất cả những thợ rèn nghề trong mọi công việc. ¹⁶Về vàng, bạc, đồng, và sắt, thì không có giới-hạn. Hãy chỗi dậy và làm, nguyện-xin Đức GIA-VÊ ở với con."

¹⁷Đa-vít cũng truyền cho tất cả những người lãnh-đạo của Y-sơ-ra-ên giúp-đỡ con trai Sa-lô-môn⁽¹⁾ của mình, phán: ¹⁸"Há GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI các người chẳng ở với các người hay sao? Và há Ngài đã chẳng cho các người sự nghỉ-ngơi ở mọi phía hay sao? Vì Ngài đã ban cư-dân thuộc xứ này vào trong tay ta, và xứ này cũng được chinh-phục trước mặt Đức GIA-VÊ và trước mặt dân Ngài.

¹Sa-lô-môn nghĩa là thái-bình

³And David prepared large quantities of iron to make the nails for the doors of the gates and for the clamps, and more bronze than could be weighed; ⁴and timbers of cedar logs beyond number, for the Sidonians and Tyrians brought large quantities of cedar timber to David. ⁵And David said, "My son Solomon is young and inexperienced, and the house that is to be built for YHWH shall be exceedingly magnificent, famous and glorious throughout all lands. Therefore I will make preparation for it." So David made ample preparations before his death.

Solomon charged with the task (22.6-22.19)

⁶Then he called for his son Solomon and charged him to build a house for YHWH God of Israel. ⁷And David said to Solomon, "My son, as for me, it was in my heart to build a house to the name of YHWH my God. ⁸But the word of YHWH came to me, saying, 'You have shed much blood, and have made great wars; you shall not build a house to My name, because you have shed so much blood on the earth before Me. ⁹Behold, a son shall be born to you, who shall be a man of rest; and I will give him rest from all his enemies on every side; for his name shall be Solomon, and I will give peace and quiet to Israel in his days. ¹⁰He shall build a house for My name, and he shall be My son, and I will be his father; and I will establish the throne of his kingdom over Israel forever.' ¹¹Now, my son, YHWH be with you that you may be successful, and build the house of YHWH your God just as He has spoken concerning you. ¹²Only YHWH give you discretion and understanding, and give you charge over Israel, so that you may keep the law of YHWH your God. ¹³Then you shall prosper, if you are careful to observe the statutes and the ordinances which YHWH commanded Moses concerning Israel. Be strong and courageous, do not fear nor be dismayed. ¹⁴Now behold, in my affliction I have prepared for the house of YHWH 100,000 talents of gold and 1,000,000 talents of silver, and bronze and iron beyond weight, for they are in great quantity; also timber and stone I have prepared, and you may add to them. ¹⁵Moreover, there are many workmen with you, stonemasons and masons of stone and carpenters, and all men who are skillful in every kind of work. ¹⁶Of the gold, the silver and the bronze and the iron, there is no limit. Arise and work, and may YHWH be with you."

¹⁷David also commanded all the leaders of Israel to help his son Solomon, saying, ¹⁸"Is not YHWH your God with you? And has He not given you rest on every side? For He has given the inhabitants of the land into my hand, and the land is subdued before YHWH and before His people.

1 Chronicles 22.19-23.20

¹⁹Now set your heart and your soul to seek YHWH your God; arise, therefore, and build the sanctuary of YHWH God, so that you may bring the ark of the covenant of YHWH, and the holy vessels of God into the house that is to be built for the name of YHWH. "

Solomon reigns (23.1-23.2)

23 ¹Now when David become old and sated with days, he made his son Solomon king over Israel. ²And he gathered together all the leaders of Israel with the priests and the Levites.

David assigns duties to the Levites (23.3-23.6)

³And the Levites were numbered from thirty years old and upward, and their number by their heads of men was 38,000. ⁴Of these, 24,000 were to oversee the work of the house of YHWH; and 6,000 were officers and judges, ⁵and 4,000 were gatekeepers, and 4,000 were praising YHWH with the instruments which David made for giving praise. ⁶And David divided them into divisions according to the sons of Levi: Gershon, Kohath, and Merari.

The Gershonites (23.7-23.11)

⁷Of the Gershonites were Ladan and Shimei. ⁸The sons of Ladan were Jehiel the first and Zetham and Joel, three. ⁹The sons of Shimei were Shelomoth and Haziël and Haran, three. These were the heads of the fathers' households of Ladan. ¹⁰And the sons of Shimei were Jahath, Zina, Jeush, and Beriah. These four were the sons of Shimei. ¹¹And Jahath was the first, and Ziza the second; but Jeush and Beriah did not have many sons, so they became a father's household, one mustering.

Kohathites (23.12-23.20)

¹²The sons of Kohath were four: Amram, Izhar, Hebron, and Uzziel. ¹³The sons of Amram were Aaron and Moses. And Aaron was set apart to sanctify him as most holy, he and his sons forever, to burn incense before YHWH, to minister to Him and to bless in His name forever. ¹⁴But as for Moses the man of God, his sons were named among the tribe of Levi. ¹⁵The sons of Moses were Gershom and Eliezer. ¹⁶The son of Gershom was Shebuel the chief. ¹⁷And the son of Eliezer was Rehabiah the chief; and Eliezer had no other sons, but the sons of Rehabiah were very many. ¹⁸The son of Izhar was Shelomith the chief. ¹⁹The sons of Hebron were Jeriah the first, Amariah the second, Jahaziël the third and Jekameam the fourth. ²⁰The sons of Uzziel were Micah the first and Ishiah the second.

1 Sứ-ký 22.19-23.20

¹⁹Vậy bây giờ hãy khiến tâm các ngươi và hồn các ngươi tìm-cầu GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI các ngươi; vì thế, hãy chỗi-dậy và xây đền thánh của GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI, để các ngươi được đem rương giao-ước của Đức GIA-VÊ và các khí-cụ thánh của Đức Chúa TRỜI vào trong đền sắp được xây cho danh của Đức GIA-VÊ."

Sa-lô-môn trị-vì (23.1-23.2)

23 ¹Bây giờ khi Đa-vít đã trở nên già và đã thoả mãn các ngày, người đã lập con trai mình Sa-lô-môn làm vua trên Y-sơ-ra-ên. ²Và người nhóm tất cả các nhà lãnh-đạo Y-sơ-ra-ên với các thầy tế-lễ và các người Lê-vi lại.

Đa-vít giao nhiệm-vụ cho các người Lê-vi (23.3-23.6)

³Và người Lê-vi được đếm số từ 30 tuổi trở lên, và con số của họ theo đầu người của họ là 38 ngàn. ⁴Trong các người này, 24 ngàn để cai-quản công-việc của đền Đức GIA-VÊ; 6 ngàn là các viên-chức và các quan-án, ⁵4 ngàn là những người giữ cổng, và 4 ngàn ca-tụng Đức GIA-VÊ với các nhạc-khí mà Đa-vít đã làm ra cho việc ca ngợi. ⁶Và Đa-vít phân-chia họ ra thành các ban-thứ theo các con trai của Lê-vi: Ghệt-sôn, Kê-hát, và Mê-ra-ri.

Những người Ghệt-sôn (23.7-23.11)

⁷Trong các người Ghệt-sôn có La-ê-đan⁽¹⁾ và Si-mê-i. ⁸Các con trai của La-ê-đan là Giê-hi-ên con trưởng, Xê-tham và Giô-ên, 3 người. ⁹Các con trai Si-mê-i là Sê-lô-môt, Haxi-ên, và Ha-ran, 3 người. Đây là các gia-trưởng của tổ-phụ của La-ê-đan. ¹⁰Và các con trai của Si-mê-i là Gia-hát, Xi-na⁽²⁾, Giê-úc, và Bê-ri-a. Bốn người này là các con trai của Si-mê-i. ¹¹Và Gia-hát là con trưởng, và Xi-xa con thứ nhì; nhưng Giê-úc và Bê-ri-a không có nhiều con trai, thế là họ thành một gia-hộ có một tổ-phụ, một nhà.

Những người Kê-hát (23.12-23.20)

¹²Những con trai của Kê-hát là 4 người: Am-ram, Giết-sê-ha, Hép-rôn, và U-xi-ên. ¹³Những con trai của Am-ram là A-rôn và Môi-se. Và A-rôn được biệt ra để thánh-hóa người làm thánh nhất, người và những con trai của người mãi mãi, để xông hương-trầm trước mặt Đức GIA-VÊ, để hầu-việc Ngài và để chúc-phước nhân danh Ngài mãi mãi. ¹⁴Nhưng còn Môi-se người của Đức Chúa TRỜI, những con trai của người đều được ghi danh ở giữa chi-tộc Lê-vi. ¹⁵Những con trai của Môi-se là Ghệt-sôn và Ê-li-ê-se. ¹⁶Con trai của Ghệt-sôn là thủ-lãnh Sê-bu-ên. ¹⁷Và con trai của Ê-li-ê-se là thủ-lãnh Rê-ha-bia; và Ê-li-ê-se không có những đứa con trai khác, nhưng con trai của Rê-ha-bia thì rất nhiều. ¹⁸Con trai của Giết-sê-ha là thủ-lãnh Sê-lô-mít⁽³⁾. ¹⁹Các con trai của Hép-rôn là Giê-ri-gia con trưởng, A-ma-ria con thứ nhì, Gia-ha-xi-ên con thứ ba, và Giê-ca-mê-am con thứ tư. ²⁰Các con trai U-xi-ên là Mi-ca con trưởng và Giết-si-gia con thứ nhì.

¹trong Xuất hành 6.17: Líp-ni

²trong câu 11: Xi-xa

³trong chương 24.22: Sê-lô-môt

1 Sử-ký 23.21-24.5

Những người Mê-ra-ri (23.21-23.23)

21Những con trai Mê-ra-ri là Mách-li và Mu-si. Những con trai Mách-li là Ê-lê-a-sa và Kích. ²²Và Ê-lê-a-sa chết và không có con trai, nhưng chỉ có các con gái, vì vậy các em trai chúng⁽¹⁾, các con trai của Kích, lấy chúng làm vợ. ²³Những con trai của Mu-si có 3 người là: Mách-li, Ê-đê, và Giê-rê-mốt.

Đa-vít phân-định chức-vụ của người Lê-vi (23.24-23.32)

24Đây là những con trai Lê-vi theo các gia-hộ của tổ-phụ họ, tức là các gia-trưởng của tổ-phụ của những người được điểm danh, theo con số danh tánh bởi đầu người của họ, làm công tác phục-vụ đền ĐỨC GIA-VÊ, từ 20 tuổi trở lên. ²⁵Vì Đa-vít nói: "GIA-VÊ ĐỨC CHÚA TRỜI của Y-sơ-ra-ên đã ban sự nghỉ-ngơi cho dân Ngài, và Ngài ngự tại Giê-ru-sa-lem mãi mãi. ²⁶Ngoài ra các người Lê-vi sẽ chẳng còn phải khiêng đèn-tạm và tất cả khí-cụ trong việc phục-dịch nó." ²⁷Vì bởi các lời cuối cùng của Đa-vít, các con trai Lê-vi được đếm số, từ 20 tuổi trở lên. ²⁸Vì chức-vụ của họ là để trợ giúp các con trai của A-rôn trong việc phục-dịch đền ĐỨC GIA-VÊ, trong các sân và các phòng và trong sự giữ tinh-sạch tất cả các vật thánh, tức là công-việc phục-dịch đền ĐỨC CHÚA TRỜI, ²⁹lại lo về bánh trung-hiến, bột mịn cho của-lễ ngũ-cốc, các bánh trắng xốp không men, hoặc vật được nướng trong chảo, hoặc vật được trộn dầu, và tất cả các đồ lường thể-tích và đo kích-thước. ³⁰Và họ phải đứng mỗi buổi sáng để cảm-tạ và để ca-tụng ĐỨC GIA-VÊ, và cũng làm như vậy vào buổi chiều, ³¹và để hiến-dâng tất cả các của-lễ thiêu cho ĐỨC GIA-VÊ, vào các ngày Ngưng-ngỉ, các ngày trăng mới, và các đại-lễ cố-định theo con số đã được giới-luật đặt ra về chúng, một cách liên-tục trước mặt ĐỨC GIA-VÊ. ³²Như vậy họ phải giữ trách-nhiệm về lễu hội-kiến, trách-nhiệm về nơi thánh, và trách-nhiệm về các con trai A-rôn anh em của họ, vì việc phục-dịch đền của ĐỨC GIA-VÊ.

Các ban-thứ của những người Lê-vi (24.1-24.19)

24 ¹Bấy giờ các ban-thứ các con trai A-rôn là: các con trai của A-rôn là Na-đáp, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa, và Y-tha-ma. ²Nhưng Na-đáp và A-bi-hu chết trước thân-phụ họ và chẳng có con trai. Vì vậy Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma phục-vụ làm các thầy tế-lễ. ³Và Đa-vít, với Xa-đốc trong các con trai của Ê-lê-a-sa và A-hi-mê-léc trong các con trai của Y-tha-ma, phân chia họ theo các ban-thứ của họ trong sự phục-dịch của họ. ⁴Vì trong các con trai của Ê-lê-a-sa có nhiều người nam thù-lãnh hơn là trong các con trai của Y-tha-ma, người ta phân họ như vậy: có 16 gia-trưởng của tổ-phụ trong các con trai của Ê-lê-a-sa, và 8 người trong các con trai của Y-tha-ma theo các gia-hộ của tổ-phụ họ. ⁵Như thế họ được phân-chia bởi thăm, người này người kia; vì họ là các quan-viên nơi thánh và các quan-viên của ĐỨC CHÚA TRỜI, cả từ các con trai của Ê-lê-a-sa lẫn các con trai của Y-tha-ma.

¹tức là anh em con chú con bác

1 Chronicles 23.21-24.5

The Merarites (23.21-23.23)

21The sons of Merari were Mahli and Mushi. The sons of Mahli were Eleazar and Kish. ²²And Eleazar died and had no sons, but daughters only, so their brothers, the sons of Kish, took them as wives. ²³The sons of Mushi were three: Mahli, Eder, and Jeremoth.

David assigned duties to the Levites (23.24-23.32)

24These were the sons of Levi according to their fathers' households, even the heads of the fathers' households of those of them who were mustered, in the number of names by their heads, doing the work for the service of the house of YHWH, from twenty years old and upward. ²⁵For David said, "YHWH God of Israel has given rest to His people, and He dwells in Jerusalem forever. ²⁶And also, the Levites will no longer need to carry the tabernacle and all its utensils for its service." ²⁷For by the last words of David the sons of Levi were numbered, from twenty years old and upward. ²⁸For their office is to assist the sons of Aaron with the service of the house of YHWH, in the courts and in the chambers and in the purifying of all holy things, even the work of the service of the house of God, ²⁹and with the showbread, and the fine flour for a grain offering, and unleavened wafers, or what is baked in the pan, or what is well-mixed, and all measures of volume and size. ³⁰And they are to stand every morning to thank and to praise YHWH, and likewise at evening, ³¹and to offer all burnt offerings to YHWH, on the sabbaths, the new moons and the fixed festivals in the number set by the ordinance concerning them, continually before YHWH. ³²Thus they are to keep charge of the tent of meeting, and charge of the holy place, and charge of the sons of Aaron their brothers, for the service of the house of YHWH.

Divisions of Levites (24.1-24.19)

24 ¹Now the divisions of the sons of Aaron were these: the sons of Aaron were Nadab, Abihu, Eleazar, and Ithamar. ²But Nadab and Abihu died before their father and had no sons. So Eleazar and Ithamar served as priests. ³And David, with Zadok of the sons of Eleazar and Ahimelech of the sons of Ithamar, divided them according to their offices in their service. ⁴Since more chief men were found from the sons of Eleazar than the sons of Ithamar, they divided them thus: there were sixteen heads of fathers' households of the sons of Eleazar, and eight of the sons of Ithamar according to their fathers' households. ⁵Thus they were divided by lot, the one as the other; for they were officers of the sanctuary and officers of God, both from the sons of Eleazar and the sons of Ithamar.

1 Chronicles 24.6-25.1

⁶And Shemaiah, the son of Nethaneel the scribe, from the Levites, recorded them in the presence of the king, the princes, Zadok the priest, Ahimelech the son of Abiathar, and the heads of the fathers' *households* of the priests and of the Levites; one father's household taken for Eleazar and one taken for Ithamar.

⁷Now the first lot came out for Jehoiarib, the second for Jedaiah, ⁸the third for Harim, the fourth for Seorim, ⁹the fifth for Malchijah, the sixth for Mijamin, ¹⁰the seventh for Koz, the eighth for Abijah, ¹¹the ninth for Jeshua, the tenth for Shecaniah, ¹²the eleventh for Eliashib, the twelfth for Jakim, ¹³the thirteenth for Huppah, the fourteenth for Jeshebeab, ¹⁴the fifteenth for Bilgah, the sixteenth for Immer, ¹⁵the seventeenth for Hezir, the eighteenth for Happizzaz, ¹⁶the nineteenth for Pethahiah, the twentieth for Ezekiel, ¹⁷the twenty-first for Jachin, the twenty-second for Gamul, ¹⁸the twenty-third for Delaiah, the twenty-fourth for Maaziah. ¹⁹These were their offices for their ministry, when *they* came in to the house of YHWH according to the ordinance *given to* them through Aaron their father, just as YHWH God of Israel had commanded him.

Divisions for other descendents of Levi (24.20-24.31)

²⁰Now for the rest of the sons of Levi: of the sons of Amram, Shebuel; of the sons of Shebuel, Jehdeiah. ²¹Of Rehabiah: of the sons of Rehabiah, Ishiah the first. ²²Of the Izharites, Shelomoth; of the sons of Shelomoth, Jahath. ²³And the sons of Hebron: Jeriah *the first*, Amariah the second, Jahaziel the third, Jekameam the fourth. ²⁴Of the sons of Uzziel, Micah; of the sons of Micah, Shamir. ²⁵The brother of Micah, Ishiah; of the sons of Ishiah, Zechariah. ²⁶The sons of Merari, Mahli and Mushi; the sons of Jaaziah, Beno. ²⁷The sons of Merari: by Jaaziah *were* Beno, Shoham, Zaccur, and Ibri. ²⁸By Mahli: Eleazar, who had no sons. ²⁹By Kish: the sons of Kish, Jerahmeel. ³⁰And the sons of Mushi: Mahli, Eder, and Jerimoth. These *were* the sons of the Levites according to their fathers' households. ³¹These also cast lots just as their brothers the sons of Aaron in the presence of David the king, Zadok, Ahimelech, and the heads of the fathers' *households* of the priests and of the Levites—the head of fathers' *households* as well as those of his younger brother.

Number and services of musicians (25.1-25.7)

25 ¹Moreover, David and the commanders of the army set apart for the service *some* of the sons of Asaph and of Heman and of Jeduthun, who *were* to prophesy with lyres, harps, and cymbals; and the number of those work men according to their service was:

1 Sử-ký 24.6-25.1

⁶Và Sê-ma-gia, con trai của thư-ký Na-tha-na-ên, từ các người Lê-vi, ghi tên họ trong sự hiện-diện của nhà vua, các ông hoàng, thầy tế-lễ Xa-đốc, A-hi-mê-léc con trai của A-bia-tha, và các gia-trưởng của tổ-phụ của những thầy tế-lễ và của những người Lê-vi; một gia-hộ của tổ-phụ lấy từ Ê-lê-a-sa và một lấy từ Y-tha-ma.

⁷Bây giờ cái thăm thứ nhất đi ra cho Giê-hô-gia-ríp, cái thứ nhì cho Giê-đa-gia, ⁸cái thứ ba cho Ha-rim, cái thứ tư cho Sê-ô-rim, ⁹cái thứ năm cho Manh-ki-gia, cái thứ sáu cho Mía-min, ¹⁰cái thứ bảy cho Cốt, cái thứ tám cho A-bi-gia, ¹¹cái thứ chín cho Giê-sua, cái thứ mười cho Sê-cania, ¹²cái thứ mười-một cho Ê-li-a-síp, cái thứ mười-hai cho Gia-kim, ¹³cái thứ mười-ba cho Húp-ba, cái thứ mười-bốn cho Giê-sê-báp, ¹⁴cái thứ mười-lăm cho Binh-ga, cái thứ mười-sáu cho Y-mê, ¹⁵cái thứ mười-bảy cho Hê-xia, cái thứ mười-tám cho Phi-xết, ¹⁶cái thứ mười-chín cho Phê-ta-hia, cái thứ hai-mươi cho Ê-xê-chi-ên, ¹⁷cái thứ hai-mươi-một cho Gia-kin, cái thứ hai-mươi-hai cho Ga-mun, ¹⁸cái thứ hai-mươi-ba cho Đê-la-gia, cái thứ hai-mươi-bốn cho Ma-a-xia. ¹⁹Đây là những chức-vụ của họ cho mục-vụ họ, khi họ vào trong đền của ĐỨC GIA-VÊ theo mạng-lệnh được ban cho họ qua A-rôn tổ-phụ của họ, y như GIA-VÊ ĐỨC Chúa TRỜI của Y-sơ-ra-ên đã truyền cho người.

Các ban-thứ cho các con cháu khác của Lê-vi (24.20-24.31)

²⁰Bây giờ về phần còn lại các con trai Lê-vi: thuộc các con trai của Am-ram có Sê-bu-ên; thuộc các con trai của Sê-bu-ên có Giê-đia. ²¹Thuộc Rê-ha-bia: thuộc những con trai của Rê-ha-bia có Giết-si-gia con đầu lòng. ²²Thuộc các người Giết-sê-ha có Sê-lô-môt; thuộc các con trai của Sê-lô-môt có Gia-hát. ²³Và các con trai của Hêp-rôn: Giê-ri-gia, A-ma-ria con thứ hai, Gia-ha-xi-ên thứ ba, Giê-ca-mê-am thứ tư. ²⁴Thuộc các con trai của U-xi-ên có Mí-ca; thuộc các con trai của Mí-ca có Sa-mia. ²⁵Em của Mí-ca có Giết-si-gia; thuộc các con trai của Giết-si-gia có Xa-cha-ri. ²⁶Các con trai của Mê-ra-ri có Mách-li và Mu-si; các con trai của Gia-a-xi-gia có Bê-nô. ²⁷Các con trai của Mê-ra-ri: bởi Gia-a-xi-gia là Bê-nô, Sô-ham, Xa-cu, và Y-bê-ri. ²⁸Bởi Mách-li: Ê-lê-a-sa, người không có các con trai. ²⁹Bởi Kích: các con trai của Kích có Giê-rác-mê-ên. ³⁰Các con trai của Mu-si: Mách-li, Ê-đê, và Giê-ri-môt. Đây là các con trai của những người Lê-vi theo những gia-hộ của tổ-phụ họ. ³¹Các người này cũng bắt thăm y như anh em của họ các con trai của A-rôn trong sự hiện-diện của vua Đa-vít, Xa-đốc, A-hi-mê-léc, và các gia-trưởng của tổ-phụ của các thầy tế-lễ và của các người Lê-vi—gia-trưởng của tổ-phụ cũng bắt thăm như các người thuộc em trai của họ.

Con số và công tác của các nhạc-sĩ (25.1-25.7)

25 ¹Hơn nữa, Đa-vít và các vị chỉ-huy-trưởng quân-đội cũng để riêng ra, cho việc phục-dịch, trong những con trai của A-sáp, của Hê-man, và của Giê-đu-thun, những người sẽ nói tiên-tri với các thất-huyền-cầm, các hạc-cầm, những cái chấp-chỏa; và con số những người làm việc theo công tác của họ là:

1 Sử-ký 25.2-25.24

²Trong các con trai của A-sáp có: Xa-cu, Giô-sép, Nê-thania, và A-sa-rê-la⁽¹⁾; các con trai A-sáp dưới tay⁽²⁾A-sáp, người nói tiên-tri dưới tay nhà vua. ³Trong Giê-đu-thun, các con trai của Giê-đu-thun là: Ghê-đa-lia, Xê-ri⁽³⁾, Ê-sai, Si-mê-i, Ha-sa-bia, và Ma-ti-thia, 6 người, dưới tay cha chúng Giê-đu-thun, với hạc-cầm, người nói tiên-tri trong việc dâng các lời cảm-tạ và ca-tụng ĐỨC GIA-VÊ. ⁴Trong Hê-man, có các con trai của Hê-man: Búc-ki-gia, Ma-thania, U-xi-ên⁽⁴⁾, Sê-bu-ên, Giê-ri-môt, Ha-na-nia, Ha-na-ni, Ê-li-a-tha, Ghi-danh-thi, Rô-mam-ti-Ê-xe, Giôt-bê-ca-sa, Ma-lô-thi, Hô-thia, Ma-ha-xi-ôt. ⁵Tất cả các người này đều là những con trai của của Hê-man, đứng tiên-kiến của nhà vua, để nâng cái sừng lên⁽⁵⁾ theo các lời của ĐỨC CHÚA TRỜI, vì ĐỨC CHÚA TRỜI ban 14 người con trai và 3 người con gái cho Hê-man. ⁶Tất cả các người này đều dưới tay cha chúng để ca-hát trong đền ĐỨC GIA-VÊ, với những cái chấp-chóa, các hạc-cầm và các thất-huyền-cầm, cho việc phục-dịch trong đền ĐỨC CHÚA TRỜI. A-sáp, Giê-đu-thun, và Hê-man đều dưới tay nhà vua. ⁷Và con số của họ được huấn-luyện trong việc ca-hát cho ĐỨC GIA-VÊ nghe, với anh em của họ, tất cả đều tinh-nghệ, là 288 người.

Các ban-thứ của những nhạc-sĩ (25.8-25.31)

⁸Và họ bắt thăm cho nhiệm-vụ của họ, tất cả đều như nhau, người nhỏ cũng như người lớn, thầy giáo cũng như học-trò.

⁹Bảy giờ cái thăm thứ nhất đi ra cho A-sáp trúng Giô-sép; thứ nhì cho Ghê-đa-lia, người với anh em và con trai của người là 12; ¹⁰thứ ba trúng Xa-cu, các con trai của người và anh em của người, 12 người; ¹¹thứ tư trúng Giết-sê-ri, các con trai của người và anh em của người, 12 người; ¹²thứ năm trúng Nê-thania, các con trai của người và anh em của người, 12 người; ¹³thứ sáu trúng Búc-ki-gia, các con trai của người và anh em của người, 12 người; ¹⁴thứ bảy trúng Giê-sa-rê-la, các con trai của người và anh em của người, 12 người; ¹⁵thứ tám trúng Ê-sai, các con trai của người và anh em của người, 12 người; ¹⁶thứ chín trúng Ma-thania, các con trai của người và anh em của người, 12 người; ¹⁷thứ mười trúng Si-mê-i, các con trai của người và anh em của người, 12 người; ¹⁸thứ mười-một trúng A-xa-rên, các con trai của người và anh em của người, 12 người; ¹⁹thứ mười-hai trúng Ha-sa-bia, những con trai của người và anh em của người, 12 người; ²⁰cho cái thăm thứ mười-ba, Sê-bu-ên, các con trai của người và anh em của người, 12 người; ²¹cho cái thăm thứ mười-bốn, Ma-ti-thia, các con trai của người và anh em của người, 12 người; ²²cho thứ mười-lăm trúng Giê-rê-môt, các con trai của người và anh em của người, 12 người; ²³cho thứ mười-sáu trúng Ha-na-nia, các con trai của người và anh em của người, 12 người; ²⁴cho thứ mười-bảy trúng Giôt-bê-ca-sa, các con trai của người và anh em của người, 12 người;

¹câu 14: Giê-sa-rê-la, Jesharelah

²hay: dưới sự chỉ-dẫn của

³câu 11: Giết-sê-ri, Izri

⁴câu 18: A-xa-rên, Azarel

⁵hay: để đề-cao nhà vua

1 Chronicles 25.2-25.24

²Of the sons of Asaph: Zaccur, Joseph, Nethaniah, and Asharelah; the sons of Asaph were under the hands of Asaph, who prophesied under the hands of the king. ³Of Jeduthun, the sons of Jeduthun: Gedaliah, Zeri, Jeshaiah, Shimei, Hashabiah, and Mattithiah, six, under the hand of their father Jeduthun with the harp, who prophesied in giving thanks and praising YHWH. ⁴Of Heman, the sons of Heman: Bukkiah, Mattaniah, Uzziel, Shebuel and Jerimoth, Hananiah, Hanani, Eliathah, Giddalti and Romamti-ezer, Joshbekashah, Mallothi, Hothir, Mahazioth. ⁵All these were the sons of Heman the king's seer to lift up the horn according to the words of God, for God gave fourteen sons and three daughters to Heman. ⁶All these were under the hands of their father to sing in the house of YHWH, with cymbals, harps and lyres, for the service of the house of God. Asaph, Jeduthun and Heman were under the hands of the king. ⁷And their number who were trained in singing to YHWH, with their brothers, all who were skillful, was 288.

Divisions of musicians (25.8-25.31)

⁸And they cast lots for their duties, all alike, the small as well as the great, the teacher as well as the pupil.

⁹Now the first lot came out for Asaph to Joseph, the second for Gedaliah, he with his brothers and sons were twelve; ¹⁰the third to Zaccur, his sons and his brothers, twelve; ¹¹the fourth to Izri, his sons and his brothers, twelve; ¹²the fifth to Nethaniah, his sons and his brothers, twelve; ¹³the sixth to Bukkiah, his sons and his brothers, twelve; ¹⁴the seventh to Jesharelah, his sons and his brothers, twelve; ¹⁵the eighth to Jeshaiah, his sons and his brothers, twelve; ¹⁶the ninth to Mattaniah, his sons and his brothers, twelve; ¹⁷the tenth to Shimei, his sons and his brothers, twelve; ¹⁸the eleventh to Azarel, his sons and his brothers, twelve; ¹⁹the twelve to Hashabiah, his sons and his brothers, twelve; ²⁰for the thirteenth, Shebuel, his sons and his brothers, twelve; ²¹for the fourteenth, Mattithiah, his sons and his brothers, twelve; ²²for the fifteenth to Jeremoth, his sons and his brothers, twelve; ²³for the sixteenth to Hananiah, his sons and his brothers, twelve; ²⁴for the seventeenth to Joshbekashah, his sons and his brothers, twelve;

1 Chronicles 25.25-26.19

²⁵for the eighteenth to Hanani, his sons and his brothers, twelve; ²⁶for the nineteenth to Mallothi, his sons and his brothers, twelve; ²⁷for the twentieth to Eliathah, his sons and his brothers, twelve; ²⁸for the twenty-first to Hothir, his sons and his brothers, twelve; ²⁹for the twenty-second to Giddalti, his sons and his brothers, twelve; ³⁰for the twenty-third to Mahazioth, his sons and his brothers, twelve; ³¹for the twenty-fourth to Romamti-ezer, his sons and his brothers, twelve.

Divisions of the gatekeepers (26.1-26.19)

26 ¹For the divisions of the gatekeepers *there were* of the Korahites, Mehelemiah the son of Kore, of the sons of Asaph. ²And Mehelemiah had sons: Zechariah the first-born, Jediel the second, Zebadiah the third, Jathniel the fourth, ³Elam the fifth, Johanan the sixth, Elioenai the seventh. ⁴And Obed-edom had sons: Shemaiah the first-born, Jehozabad the second, Joah the third, Sacar the fourth, Nethaneel the fifth, ⁵Ammiel the sixth, Issachar the seventh, and Peullethai the eighth; God had indeed blessed him. ⁶Also to his son Shemaiah sons were born who ruled over the house of their father, for they were mighty men of valor. ⁷The sons of Shemaiah were Othni, Rephael, Obade', and Elzabad, whose brothers, Elihu and Semachiah, were valiant men. ⁸All these *were* of the sons of Obed-edom; they and their sons and their brothers were able men with strength for the service, 62 from Obed-edom. ⁹And Mehelemiah had sons and brothers, 18 valiant men. ¹⁰Also Hosah, *one* of the sons of Merari had sons: Shimri the first (although he was not the first-born, his father made him first), ¹¹Hilkiah the second, Tebaliah the third, Zechariah the fourth; all the sons and brothers of Hosah *were* 13.

¹²To these divisions of the gatekeepers, the chief men, *were given* duties like their brothers to minister in the house of YHWH. ¹³And they cast lots, the small and the great alike, according to their fathers' households, for every gate. ¹⁴And the lot to the east fell to Shelemiah. Then they cast lots *for* his son Zechariah, a counselor with insight, and his lot came out to the north. ¹⁵For Obed-edom *it fell* to the south, and to his sons went the storehouse. ¹⁶For Shuppim and Hosah *it was* to the west, by the gate of Shallecheth, on the ascending highway. Guard corresponded to guard. ¹⁷On the east there were six Levites, on the north four daily, on the south four daily, and at the storehouse two by two. ¹⁸At the Parbar on the west *there were* four at the highway and two at the Parbar. ¹⁹These were the divisions of the gatekeepers of the sons of Korah and of the sons of Mer-aw-ree'.

1 Sứ-ký 25.25-26.19

²⁵cho thứ mười-tám trúng Ha-na-ni, những con trai của người và anh em của người, 12 *người*; ²⁶cho thứ mười-chín trúng Ma-lô-thi, những con trai của người và anh em của người, 12 *người*; ²⁷cho thứ hai-mươi trúng Ê-li-a-tha, các con trai của người và anh em của người, 12 *người*; ²⁸cho thứ hai-mươi-một trúng Hô-thia, các con trai của người và anh em của người, 12 *người*; ²⁹cho thứ hai-mươi-hai trúng Ghi-đanh-thi, các con trai của người và anh em của người, 12 *người*; ³⁰cho thứ hai-mươi-ba trúng Ma-ha-xi-ôt, các con trai của người và anh em của người, 12 *người*; ³¹cho thứ hai-mươi-bốn trúng Rô-mam-ti-Ê-xe, những con trai của người và anh em của người, 12 *người*.

Các ban-thứ của những người giữ cổng (26.1-26.19)

26 ¹Về các ban-thứ của những người giữ cổng, thuộc các người Cô-ra có Mê-si-lê-mia¹⁾ con trai của Cô-rê, thuộc các con trai A-sáp. ²Và Mê-si-lê-mia có các con trai: Xa-cha-ri con đầu lòng, Giê-đi-a-ên con thứ hai, Xê-ba-đi-a thứ ba, Giát-ni-ên thứ tư, ³Ê-lam thứ năm, Giô-ha-nan thứ sáu, Ê-li-ô-ê-nai thứ bảy. ⁴Và Ô-bết-Ê-đôm có những con trai: Sê-ma-gia con đầu lòng, Giê-hô-xa-bát con thứ hai, Giô-a thứ ba, Sa-ca thứ tư, Na-tha-na-ên thứ năm, ⁵A-mi-ên thứ sáu, Y-sa-ca thứ bảy, và Phê-u-lê-tai thứ tám; *Đức Chúa TRỜI* quả thật đã ban phước cho người. ⁶Cũng được sinh ra cho con trai Sê-ma-gia của người các con trai là những kẻ cai-trị nhà của tổ-phụ họ, vì họ đều là các người mạnh-dạn dũng-cảm. ⁷Các con trai của Sê-ma-gia là: Ô-t-ni, Rê-pha-ên, Ô-bết, và Ên-xa-bát, mà các anh em của họ, Ê-li-hu và Sê-ma-kia, đều là các người đàn-ông dũng-cảm. ⁸Tất cả các người này đều thuộc các con trai Ô-bết-Ê-đôm; họ cùng những con trai của họ và anh em của họ đều là các người đàn-ông có khả-năng với sức mạnh cho việc phụng-sự, 62 người từ Ô-bết-Ê-đôm. ⁹Và Mê-si-lê-mia có các con trai và anh em, 18 người đàn-ông dũng-cảm. ¹⁰Hô-sa, một trong các con trai của Mê-ra-ri, cũng có các con trai: Sim-ri con trưởng (đầu người không phải là con đầu-lòng, cha của người lập người làm con trưởng), ¹¹Hinh-kia thứ hai, Tê-ba-lia thứ ba, Xa-cha-ri thứ tư; tất cả các con trai và anh em của Hô-sa là 13 *người*.

¹²Đối với các ban-thứ này của những người giữ cổng, các người thủ-lãnh, được *giao* cho trách-nhiệm giống như anh em của họ để hầu-việc trong đền của *Đức GIA-VÊ*. ¹³Và họ bắt thăm, kẻ nhỏ và người lớn đều giống nhau, theo những gia-hộ của tổ-phụ họ, giữ mỗi cổng. ¹⁴Và thăm cho cửa đông trúng Sê-lê-mia. Đoạn họ bắt thăm cho con trai của người là Xa-cha-ri, một cố-vấn với sự sáng-suốt, và thăm của người trúng cửa bắc. ¹⁵Ô-bết-Ê-đôm trúng cửa nam, và các con trai của người trúng nhà kho. ¹⁶Súp-bim và Hô-sa trúng cửa tây, cạnh cổng Sa-lê-kết, trên con đường cái có dốc đi lên. Người canh này đối mặt với kẻ canh kia. ¹⁷Nơi cửa đông có 6 người Lê-vi, nơi cửa bắc 4 người mỗi ngày, nơi cửa nam 4 người mỗi ngày, còn tại nhà kho thì từng cặp. ¹⁸Tại Bạt-ba²⁾ về phía tây có 4 người nơi đường cái và 2 *người* nơi Bạt-ba. ¹⁹Đây là các ban-thứ các người giữ cổng thuộc các con trai Cô-ra và thuộc các con trai Mê-ra-ri.

¹trong câu 14: Sê-lê-mia, Shelemiah

²Bạt-ba: có thể là hành-lang hay hàng cột

1 Sử-ký 26.20-27.4

Các người giữ kho-tàng (26.20-26.28)

20Và phần các người Lê-vi, A-hi-gia có trách-nhiệm về châu báu của đền ĐỨC CHÚA TRỜI và về châu báu từ các quà cúng-hiến. **21**Những con trai của La-ê-đan, những con trai của các người Ghết-sôn thuộc La-ê-đan, *ấy là*, các người Giê-hê-ê-li, là các gia-trưởng của tổ-phụ, thuộc về La-ê-đan người Ghết-sôn. **22**Những con trai của Giê-hi-ê-li, Xê-tham và Giô-ên em trai của người, có trách-nhiệm về châu báu của đền ĐỨC GIA-VÊ. **23**Về phần các người Am-ram, các người Giết-sê-ha, các người Hếp-rôn, và các người U-xi-ên, **24**Sê-bu-ên con trai của Ghết-sôn, con trai của Mô-i-se, là quan-viên coi châu báu. **25**Và anh em của người bởi Ê-li-ê-se là: Rê-ha-bia con trai của người, Ê-sai con trai của người, Giô-ram con trai của người, Xiéc-ri con trai của người, và Sê-lô-môt con trai của người. **26**Sê-lô-môt này và anh em của người có trách-nhiệm về tất cả châu báu từ quà cúng-hiến, mà vua Đa-vít và các gia-trưởng của tổ-phụ, các chi-huy-trưởng hàng ngàn và hàng trăm, và các chi-huy-trưởng của quân-đội, đã cúng-hiến. **27**Họ cúng-hiến một phần chiến-lợi-phẩm lấy được trong các trận đánh để sửa sang đền ĐỨC GIA-VÊ. **28**Và mọi thứ mà đáng tiên-kiến Sa-mu-ên đã cúng-hiến, cùng Sau-lơ con trai Kịch, Áp-ne con trai Nê-rơ, và Giô-áp con trai Xê-ru-gia, *cái gì mà* mọi người đã cúng-hiến, đều được Sê-lô-môt và anh em của người coi-sóc.

Các trách-nhiệm ở bên ngoài (26.29-26.32)

29Về phần các người Giết-sê-ha, Kê-na-nia và các con trai của người *được giao* trách-nhiệm ở bên ngoài cho Y-sơ-ra-ên, làm các quan-viên và quan-án. **30**Về phần các người Hếp-rôn, Ha-sa-bia và các anh em của người, 1 ngàn 700 người đàn-ông có khả năng, có trách-nhiệm về các việc có lợi-ích chung của Y-sơ-ra-ên ở phía tây sông Giô-đanh, cho mọi công-việc của ĐỨC GIA-VÊ và việc phục-vụ nhà vua. **31**Về phần các người Hếp-rôn, thủ-lãnh Giê-ri-gia (các người Hếp-rôn này được điều tra theo các gia-phả và những *gia-hộ* của tổ-phụ của họ, trong năm thứ bốn-mươi của triều đại Đa-vít, và các người đàn-ông có khả-năng xuất-chúng được tìm thấy ở giữa họ tại Gia-ê-xe thuộc Ga-la-át) **32**và anh em của người, các người đàn-ông có khả năng, tổng cộng là 2 ngàn 700 người, các gia-trưởng của tổ-phụ. Và Vua Đa-vít lập họ làm các người đốc-công của các người Ru-bên, các người Gát, và phân-nửa chi-tộc những người Ma-na-se về tất cả công việc của ĐỨC CHÚA TRỜI và của nhà vua.

Các chi-huy-trưởng của binh-đoàn (27.1-27.15)

27 **1**Bây giờ, *đây là* bản liệt kê các con trai Y-sơ-ra-ên, các gia-trưởng của tổ-phụ, các chi-huy-trưởng hàng ngàn và hàng trăm, và các sỹ quan của họ là những kẻ phục-vụ nhà vua trong mọi công tác của các binh-đoàn đi vào và đi ra tháng qua tháng suốt tất cả các tháng trong một năm, mỗi binh-đoàn có 24 ngàn người. **2**Gia-sô-bê-am con trai của Xáp-đi-ên coi binh-đoàn thứ nhất trong tháng thứ nhất; và binh-đoàn của người có 24 ngàn người. **3**Người từ những con trai của Phê-rét, và là thống-lãnh tất cả các vị chi-huy-trưởng quân-đội trong tháng thứ nhất. **4**Đô-đai người A-hô-a và binh-đoàn của người có trách-nhiệm trong tháng thứ hai, Mích-lô là sĩ-quan-trưởng; và binh-đoàn của người có 24 ngàn người.

1 Chronicles 26.20-27.4

Keepers of the treasure (26.20-26.8)

20As for the Levites, Ahijah had charge of the treasures of the house of God, and of the treasures of the dedicated gifts. **21**The sons of Ladan, the sons of the Gershonites belonging to Ladan, *namely*, the Jehielites, *were* the heads of the fathers' *households*, belonging to Ladan the Gershonites. **22**The sons of Jehieli, Zetham and Joel his brother, had charge of the treasures of the house of YHWH. **23**As for the Amramites, the Izharites, the Hebronites, and the Uzziellites, **24**Shebuel the son of Gershom, the son of Moses, was officer over the treasures. **25**And his brothers by Eliezer *were* Rehabiah his son, Jeshaiiah his son, Joram his son, Zichri his son, and Shelomoth his son. **26**This Shelomoth and his brothers had charge of all the treasures of the dedicated gifts, which King David and the heads of the fathers' *households*, the commanders of thousands and hundreds, and commanders of the army, had dedicated. **27**They dedicated part of the spoil won in battles to repair the house of YHWH. **28**And all that Samuel the seer had dedicated and Saul the son of Kish, Abner the son of Ner and Joab the son of Zeruiah, everyone who had dedicated *anything*, *all of this* was in the care of Shelomoth and his brothers.

Outside duties (26.29-26.32)

29As for the Izharites, Chenaniah and his sons were *assigned to* outside duties for Israel, as officers and judges. **30**As for the Kheb-ro-nee', Hashabiah and his brothers, 1,700 capable men, had charge of the affairs of Israel west of the Jordan, for all the work of YHWH and the service of the king. **31**As for the Kheb-ro-nee', Jeriah the chief (these Kheb-ro-nee' were investigated according to their genealogies and fathers' *households*, in the fortieth year of David's reign, and men of outstanding capability were found among them at Jazer of Gilead) **32**and his brothers, capable men, *were* 2,700 in number, heads of fathers' *households*. And King David made them overseers of the Reubenites, the Gadites and the half-tribe of Menash-shee' concerning all the affairs of God and of the king.

Commanders of the army (27.1-27.15)

27 **1**Now *this is* the enumeration of the sons of Israel, the heads of fathers' *households*, the commanders of thousands and of hundreds, and their officers who served the king in all the affairs of the divisions which came in and went out month by month throughout all the months of the year, each division *numbering* 24,000. **2**Jashobeam the son of Zabdiel had charge of the first division for the first month; and in his division *were* 24,000. **3***He was* from the sons of Perez, *and was* chief of all the commanders of the army for the first month. **4**Dodai the Ahohite and his division had charge of the division for the second month, Mikloth *being* the chief officer; and in his division *were* 24,000.

1 Chronicles 27.5-27.27

⁵The third commander of the army for the third month was Benaiah, the son of Jehoiada the priest, *as* chief; and in his division *were* 24,000. ⁶This Benaiah *was* the mighty man of the thirty, and had charge of thirty; and over his division was Ammizabad his son. ⁷The fourth for the fourth month *was* Asahel the brother of Joab, and Zebadiah his son after him; and in his division *were* 24,000. ⁸The fifth for the fifth month *was* the commander Shambhuth the Izrahite; and in his division *were* 24,000. ⁹The sixth for the sixth month *was* Ira the son of Ikkesh the Tekoites; and in his division *were* 24,000. ¹⁰The seventh for the seventh month *was* Helez the Pelonite of the sons of Ephraim; and in his division *were* 24,000. ¹¹The eighth for the eighth month *was* Sibbecai the Hushathite of the Zerahites; and in his division *were* 24,000. ¹²The ninth for the ninth month *was* Abiezer the Anathothite of the Benjamites; and in his division *were* 24,000. ¹³The tenth for the tenth month *was* Maharai the Netophathite of the Zerahites; and in his division *were* 24,000. ¹⁴The eleventh for the eleventh month *was* Benaiah the Pirsthonite of the sons of Ephraim; and in his division *were* 24,000. ¹⁵The twelfth for the twelfth month *was* Heldai Heldai the Netophathite of Othniel; and in his division *were* 24,000.

Chief officers of the tribes (27.16-27.24)

¹⁶Now in charge of the tribes of Israel: chief officer for the Reubenites was Eliezer the son of Zichri; for the Simeonites, Shephatiah the son of Maacah; ¹⁷for Levi, Hashabiah the son of Kemuel; for Aaron, Zadok; ¹⁸for Judah, Elihu, *one of* David's brothers; for Issachar, Omri the son of Michael; ¹⁹for Zebulun, Ishmaiah the son of Obadiah; for Naphtali, Jeremoth the son of Azriel; ²⁰for the sons of Ephraim, Hoshea the son of Azaziah; for the half-tribe of Manasseh, Joel the son of Pedaiah; ²¹for the half-tribe of Manasseh in Gilead, Iddo the son of Zechariah; for Benjamin, Jaasiel the son of Abner; ²²for Dan, Azarel the son of Jeroham. These *were* the princes of the tribes of Israel. ²³But David did not count those twenty years of age and under, because YHWH had said He would multiply Israel as the stars of heaven. ²⁴Joab the son of Zeruiah had begun to count *them*, but did not finish; and because of this, wrath came upon Israel, and the number was not included in the account of the chronicles of King David.

Various overseers (27.25-27.31)

²⁵Now Azmaveth the son of Adiel had charge of the king's storehouses. And Jonathan the son of Uzziyah had charge of the storehouses in the country, in the cities, in the villages, and in the towers. ²⁶And Ezri the son of Chelub had charge of the agricultural workers who tilled the soil. ²⁷And Shimei the Ramathite had charge of the vineyards; and Zabdi the Shiphmite had charge of the produce of the vineyards *stored* in the wine cellars.

1 Sứ-ký 27.5-27.27

⁵Vì chi-huy-trưởng thứ ba của quân-đội cho tháng thứ ba là Bê-na-gia, con trai của thầy tế-lễ Giê-hô-gia-đa, *làm* thủ-lãnh; và binh-đoàn của người có 24 ngàn *người*. ⁶Bê-na-gia này là người đàn-ông mạnh-dạn trong nhóm 30, và có trách-nhiệm nhóm 30; và coi binh-đoàn của người là A-mi-xa-báp con trai của người. ⁷Vị thứ tư cho tháng thứ tư là A-sa-ên em trai của Giô-áp, và Xê-ba-đi-a con trai của người tiếp theo người; và binh-đoàn của người có 24 ngàn *người*. ⁸Vị thứ năm cho tháng thứ năm là chi-huy-trưởng Sa-mê-hút người Gít-ra; và binh-đoàn của người có 24 ngàn *người*. ⁹Vị thứ sáu cho tháng thứ sáu là Y-ra con trai của Y-kết người Thê-cô-a; và binh-đoàn của người có 24 ngàn *người*. ¹⁰Vị thứ bảy cho tháng thứ bảy là Hê-lét người Pha-lôn trong các con trai của Ép-ra-im; và binh-đoàn người có 24 ngàn *người*. ¹¹Vị thứ tám cho tháng thứ tám là Si-bê-cai người Hu-sa thuộc các người Xê-ra; và binh-đoàn của người có 24 ngàn *người*. ¹²Vị thứ chín cho tháng thứ chín là A-bi-ê-xe người A-na-tốt thuộc các người Bên-gia-min; và binh-đoàn của người có 24 ngàn *người*. ¹³Vị thứ mười cho tháng thứ mười là Ma-ha-rai người Nê-tô-pha thuộc các người Xê-ra; và binh-đoàn người có 24 ngàn *người*. ¹⁴Vị thứ mười-một cho tháng thứ mười-một là Bê-na-gia người Phi-ra-thôn thuộc các con trai của Ép-ra-im; và binh-đoàn của người có 24 ngàn *người*. ¹⁵Vị thứ mười-hai cho tháng thứ mười-hai là Hiên-đai người Nê-tô-pha thuộc Ô-ti-ên; và binh-đoàn của người có 24 ngàn *người*.

Các tộc-trưởng của các chi-tộc (27.16-27.24)

¹⁶Bây giờ chịu trách-nhiệm các chi-tộc Y-sơ-ra-ên có: tộc-trưởng cho các người Ru-bên là Ê-li-ê-se con trai của Xiéc-ri; cho các người Si-mê-ôn, Sê-pha-ti-a con trai của Ma-a-ca; ¹⁷cho Lê-vi, Ha-sa-bi-a con trai của Kê-mu-ên; cho A-rôn, Xa-đốc; ¹⁸cho Giu-đa, Ê-li-hu, một *trong* các người anh của Đa-vít; cho Y-sa-ca, Ô-m-ri con trai của Mi-ca-ên; ¹⁹cho Sa-bu-lôn, Gít-mai-gia con trai của Ô-ba-đi-a; cho Nép-ta-li, Giê-rê-mốt con trai của Ách-ri-ên; ²⁰cho các con trai của Ép-ra-im, Ô-sê con trai của A-xa-xi-a; cho phân-nửa chi-tộc Ma-na-se, Giô-ên con trai của Phê-đa-gi-a; ²¹cho phân-nửa chi-tộc Ma-na-se ở Ga-la-át, Y-đô con trai của Xa-cha-ri; cho Bên-gia-min, Gia-a-si-ên con trai của Áp-ne; ²²cho Đan, A-xa-rên con trai của Giê-rô-ham. Đây là các ông hoàng của những chi-tộc Y-sơ-ra-ên. ²³Nhưng Đa-vít không đếm các người 20 tuổi trở xuống, vì Đức GIA-VÊ đã phán Ngài sẽ nhân Y-sơ-ra-ên lên nhiều như các ngôi sao trên trời. ²⁴Giô-áp con trai của Xê-ru-gi-a đã bắt đầu đếm, nhưng chẳng làm xong; và vì việc này, cơn thanh-nộ giáng trên Y-sơ-ra-ên, và con số ấy không được kể trong bản kê khai của biên-niên-sử của Vua Đa-vít.

Các loại giám-thị (27.25-27.31)

²⁵Bây giờ Ất-ma-vết con trai của A-đi-ên có trách-nhiệm về các nhà kho của vua. Và Giô-na-than con trai của U-xi-gi-a thì có trách-nhiệm về các nhà kho trong xứ, trong các thành, trong các thôn-xã, và trong các tháp. ²⁶Êt-ri con trai của Kê-lúp có trách-nhiệm về các nông-nhân, là những kẻ vun xới đất đai. ²⁷Si-mê-i người Ra-ma có trách-nhiệm về các vườn nho; và Xáp-đi người Sê-pham có trách-nhiệm về sản-phẩm các vườn nho *chứa* trong các hầm rượu nho.

1 Sử-ký 27.28-29.28

²⁸Ba-anh-Ha-nan người Ghê-đe có trách-nhiệm về các cây ô-li-ve và sung-dâu trong các vùng đồng-bằng; và Giô-ách có trách-nhiệm về các kho dầu. ²⁹Và Sít- trai người Sa-rôn có trách-nhiệm về các bầy bò ăn cỏ tại Sa-rôn; và Sa-phát con trai của Ắt-lai có trách-nhiệm về các bầy bò trong các thung-lũng. ³⁰Và Ô-binh người Ích-ma-ên có trách-nhiệm về những con lạc-dã; và Giê-đia người Mê-rô-nốt có trách-nhiệm về những con lừa. ³¹Và Gia-xít người Ha-ga-rít có trách-nhiệm về các bầy chiên. Đây là tất cả các người giám-thị coi tài-sản của vua Đa-vít.

Các cố-vấn (27.32-27.34)

³²Giô-na-than, cậu của Đa-vít, cũng là một cố-vấn, người có sự hiểu-biết, và là quan ký-lục⁽¹⁾; Giê-hi-ên con trai Hác-mô-ni dạy học cho những hoàng tử. ³³Và A-hi-tô-phên là cố-vấn cho vua; còn Hu-sai người Ắt-kít là bạn của vua. ³⁴Giê-hô-gia-đa con trai của Bê-na-gia và A-bia-tha kế nghiệp A-hi-tô-phên; còn Giô-áp là chỉ-huy-trưởng của quân-đội nhà vua.

Đa-vít chỉ-dạy Sa-lô-môn về đền-thờ (28.1-28.21)

28 ¹Bấy giờ Đa-vít tập-hợp tại Giê-ru-sa-lem tất cả các quan-viên Y-sơ-ra-ên, các ông hoàng của những chi-tộc, và các chỉ-huy-trưởng của các binh-đoàn phục-vụ nhà vua, các chỉ-huy-trưởng hàng ngàn, các chỉ-huy-trưởng hàng trăm, và các giám-thị tất cả tài-sản và gia-súc của vua và của các hoàng tử, với các quan-viên và các người đàn-ông mạnh-dạn, tức là tất cả các người dũng-cảm. ²Rồi vua Đa-vít đứng dậy và nói: "Hãy lắng-nghe ta, hỡi anh em của ta và dân ta; ta đã có trong tâm ta ý-định xây một cái đền vĩnh-cửu cho rương giao-ước của ĐỨC GIA-VÊ và cho cái bệ chân của ĐỨC CHÚA TRỜI chúng ta. Vì vậy ta đã làm các sự chuẩn-bị để xây-cất. ³Nhưng ĐỨC CHÚA TRỜI đã phán cùng ta: 'Người sẽ không được xây một cái đền cho danh Ta vì người là một người của chiến-tranh và đã làm đổ máu lâu nay.' ⁴Tuy nhiên, ĐỨC GIA-VÊ, ĐỨC CHÚA TRỜI của Y-sơ-ra-ên, đã chọn ta từ cả nhà của cha ta để làm vua Y-sơ-ra-ên mãi mãi. Vì Ngài đã chọn Giu-đa để làm lãnh-tụ; trong nhà Giu-đa, nhà tô-phụ của ta, và ở giữa các con trai của cha ta Ngài đã lấy làm vui lòng nơi ta để lập làm vua trên cả Y-sơ-ra-ên. ⁵Và từ tất cả các con trai ta (vì ĐỨC GIA-VÊ đã ban cho ta nhiều con trai), Ngài đã chọn con trai Sa-lô-môn ta để ngồi trên ngôi của vương-quốc của ĐỨC GIA-VÊ trên Y-sơ-ra-ên. ⁶Và Ngài đã phán cùng ta: 'Con trai Sa-lô-môn của người là người sẽ xây đền của Ta và các sảnh của Ta, vì Ta đã chọn nó để là một đứa con trai đối với Ta và Ta sẽ là một người cha đối với nó. ⁷Và Ta sẽ vững-lập vương-quốc của nó mãi mãi, nếu nó kiên-quyết thực-hành các điều-răn của Ta và các mạng-lệnh của Ta, như được làm ngày nay.' ⁸Vì vậy bây giờ, trong cái nhìn của tất cả Y-sơ-ra-ên, hội-chúng của ĐỨC GIA-VÊ, và trong khi ĐỨC CHÚA TRỜI của chúng ta nghe, hãy tuân-phục và bám theo tất cả các điều-răn của GIA-VÊ ĐỨC CHÚA TRỜI của các người để các người có thể chiếm-hữu xứ tốt-lành này và truyền nó lại cho các con trai của các người đến sau các người mãi mãi.

¹a scribe: một thư-ký

1 Chronicles 27.28-29.28

²⁸And Baal-hanan the Gederite had charge of the olive and sycamore trees in the lowlands; and Joash had charge of the stores of oil. ²⁹And Shitrai the Sharonite had charge of the cattle which were grazing in Sharon; and Shaphat the son of Adlai had charge of the cattle in the valleys. ³⁰And Obil the Yish-maw-ay-lee' had charge of the camels; and Jehdeiah the Meronothite had charge of the donkeys. ³¹And Jaziz the Hagrite had charge of the flocks. All these were overseers of the property which belonged to King David.

Counselors (27.32-27.34)

³²Also Jonathan, David's uncle, was a counselor, a man of understanding, and a scribe; and Jehiel the son of Hachmoni tutored the king's sons. ³³And Ahithophel was counselor to the king; and Khoo-shah'ee the Archite was the king's friend. ³⁴And Jehoiada the son of Benaiah, and Abiathar succeeded Ahithophel; and Joab was the commander of the king's army.

David instructs Solomon about the temple (28.1-28.21)

28 ¹Now David assembled at Jerusalem all the officials of Israel, the princes of the tribes, and the commanders of the divisions that served the king, and the commanders of thousands, and the commanders of hundreds, and the overseers of all the property and livestock belonging to the king and his sons, with the officials and the mighty men even all the valiant men. ²Then King David rose to his feet and said, "Listen to me, my brethren and my people; I had in my heart to build a permanent home for the ark of the covenant of YHWH and for the footstool of our God. So I had made preparations to build it. ³But God said to me, 'You shall not build a house for My name because you are a man of war and have shed blood.' ⁴Yet, YHWH, the God of Israel, chose Me from all the house of my father to be king over Israel forever. For He has chosen Judah to be a leader; and in the house of Judah, my father's house, and among the sons of my father He took pleasure in me to make me king over all Israel. ⁵And of all my sons (for YHWH has given me many sons), He has chosen my son Solomon to sit on the throne of the kingdom of YHWH over Israel. ⁶And He said to me, 'Your son Solomon is the one who shall build My house and My courts, for I have chosen him to be a son to Me and I will be a father to him. ⁷And I will establish his kingdom forever, if he resolutely performs My commandments and my ordinances, as is done now.' ⁸So now, in the sight of all Israel, the assembly of YHWH, and in the hearing of our God, observe and seek after all the commandments of YHWH your God in order that you may possess the good land and bequeath it to your sons after you forever.

1 Chronicles 28.9-29.1

9"As for you, my son Solomon, know the God of your father, and serve Him with a whole heart and a willing soul; for YHWH searches all hearts, and understands every intent of the thoughts. If you seek Him, He will let you find Him; but if you forsake Him, He will reject you forever. ¹⁰Consider now, for YHWH has chosen you to build a house for the sanctuary; be courageous and act."

11Then David gave to his son Solomon the plan of the porch of the temple, its buildings, its storehouses, its upper rooms, its inner rooms, and the room for the mercy seat; ¹²and the plan of all that he had in mind, for the courts of the house of YHWH, and for all the surrounding rooms, for the storehouses of the house of God, and for the storehouses of the dedicated things; ¹³also for the divisions of the priests and the Levites and for all the work of the service of the house of YHWH and for all the utensils of service in the house of YHWH; ¹⁴for the golden utensils, the weight of gold for all utensils for every kind of service; for the silver utensils, the weight of silver for all utensils for every kind of service; ¹⁵and the weight of gold for the golden lampstands and their golden lamps, with the weight of each lampstand and its lamps; and the weight of silver for the silver lampstands, with the weight of each lampstand and its lamps according to the use of each lampstand; ¹⁶and the gold by weight for the tables of showbread, for each table; and silver for the silver tables; ¹⁷and the forks, the basins, and the pitchers of pure gold; and for golden bowls with the weight for each bowl; and for the silver bowls with the weight for each bowl; ¹⁸and for the altar of incense refined gold by weight; and gold for the model of the chariot, even the cherubim, that spread out their wings, and covered the ark of the covenant of YHWH. ¹⁹"All this," said David, "YHWH made me understand in writing by His hand upon me, all the details of this pattern."

20Then David said to his son Solomon, "Be strong and courageous, and act; do not fear nor be dismayed, for YHWH God, my God, is with you. He will not fail you nor forsake you until all the work for the service of the house of YHWH is finished. ²¹Now behold, there are the divisions of the priests and the Levites for all the service of the house of God, and every willing man of any skill will be with you in all the work for all kinds of service. The officials also and all the people will be entirely at your command."

Offerings for the temple (29.1-29.9)

29 ¹Then King David said to the entire assembly, "My son Solomon, whom alone God has chosen, is still young and inexperienced and the work is great; for the temple is not for man, but for YHWH God."

1 Sử-ký 28.9-29.1

9"Về phần ngươi, hỡi con trai Sa-lô-môn của ta, hãy biết Đức Chúa TRỜI của tổ-phụ con, và phụng-sự Ngài với một tâm trọn- vẹn và với một hồn sẵn lòng; vì Đức GIA-VÊ dò-xét tất cả các tâm-lòng và hiểu-biết mọi ý-định của các tư-tưởng. Nếu con tìm-kiếm Ngài, Ngài sẽ để con tìm được Ngài; nhưng nếu con bỏ rơi Ngài, Ngài sẽ bác-bỏ con đời đời. ¹⁰Bây giờ hãy cân-nhắc, vì Đức GIA-VÊ đã chọn con để xây một cái đền làm nơi thánh; hãy dũng-cảm và hành-động."

11Đoạn Đa-vít trao cho con trai Sa-lô-môn của mình cái sơ-đồ về cổng vòm của cái đền, các dinh thự của nó, các nhà kho của nó, các phòng trên của nó, các phòng trong của nó, và phòng cho chỗ ngồi khoan-hông; ¹²và sơ-đồ về mọi sự mà người đã có trong trí, cho các sân của đền của Đức GIA-VÊ, và cho tất cả các phòng xung-quanh, cho các nhà kho của đền của Đức Chúa TRỜI, và cho các nhà kho chứa các vật dâng-hiến; ¹³cũng cho những ban-thứ các thầy tế-lễ và các người Lê-vi và cho mọi công-việc phục-dịch của đền Đức GIA-VÊ và cho tất cả khí-cụ cho việc phục-dịch trong đền Đức GIA-VÊ; ¹⁴cho các khí-cụ bằng vàng, trọng lượng vàng cho tất cả khí-cụ cho mọi thứ phục-dịch; cho các khí-cụ bằng bạc, trọng lượng bạc cho tất cả khí-cụ cho mọi thứ phục-dịch; ¹⁵và trọng lượng vàng cho các giá đèn bằng vàng và các thếp đèn bằng vàng của chúng, với trọng lượng của mỗi chân đèn và các thếp đèn của nó; và trọng lượng bạc cho các giá đèn bằng bạc, với trọng lượng của mỗi giá đèn và các thếp đèn của nó tùy theo cách dùng của mỗi giá đèn; ¹⁶và vàng theo trọng lượng cho các bàn bánh mì trưng-hiến, cho mỗi cái bàn; và bạc cho những cái bàn bằng bạc; ¹⁷và những cái nĩa, những cái chậu, các bình đựng nước bằng vàng ròng; và cho những cái tô bằng vàng với trọng lượng cho mỗi cái tô; và cho những cái tô bằng bạc với trọng lượng cho mỗi cái tô; ¹⁸và cho cái bàn-thờ xông hương vàng tinh-luyện theo trọng lượng; và vàng cho mô hình của cỗ xe, tức là các chê-rúp sẽ cánh ra phủ rương giao-ước của Đức GIA-VÊ. ¹⁹"Tất cả," Đa-vít nói, "Đức GIA-VÊ đã khiến ta hiểu bằng chữ⁽¹⁾ bởi bàn tay Ngài ở trên ta, tất cả những chi-tiết của mô-hình này."

20Đoạn Đa-vít nói với con trai Sa-lô-môn của mình: "Hãy kiên quyết và can-đảm, và hành-động; đừng sợ cũng đừng mất tinh-thần, vì GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI, Đức Chúa TRỜI của ta, ở cùng con. Ngài sẽ không phụ con cũng chẳng bỏ rơi con cho đến khi mọi công-việc cho sự phục-vụ đền Đức GIA-VÊ được hoàn-thành. ²¹Kìa, bây giờ, có những ban-thứ của các thầy tế-lễ và các người Lê-vi cho mọi sự phục-vụ đền Đức Chúa TRỜI, và mọi người sẵn lòng mà có bất cứ kỹ-năng gì sẽ ở với con trong tất cả các công tác. Các quan-viên và tất cả dân-chúng cũng sẽ hoàn-toàn vâng theo lệnh của con."

Những của-lễ cho đền-thờ (29.1-29.9)

29 ¹Đoạn vua Đa-vít nói với toàn-thể hội-chúng: "Con trai Sa-lô-môn của ta, một mình nó Đức Chúa TRỜI đã chọn, còn trẻ tuổi và không có kinh-nghiệm, mà công-việc lại lớn-lao; vì đền này không phải cho loài người, nhưng cho GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI."

¹Nghĩa là: hiểu rõ ràng

1 Sứ-ký 29.2-29.16

2Bây giờ với tất cả khả-năng của ta, ta đã cung-cấp cho đền của ĐỨC CHÚA TRỜI ta: vàng cho các vật bằng vàng, bạc cho các vật bằng bạc, đồng cho các vật bằng đồng, sắt cho các vật bằng sắt, gỗ cho các vật bằng gỗ, hồng-ngọc mã-nã và đá để khảm, đá có kim-loại hơi xanh lại dòn, các đá có các màu sắc khác nhau, và mọi loại đá quý, cùng thạch-cao tuyết-hoa rất nhiều. 3Và hơn nữa, trong sự vui-thích của ta nơi đền của ĐỨC CHÚA TRỜI ta, kho vàng và bạc của ta, ta dâng cho đền của ĐỨC CHÚA TRỜI của ta, trên tất cả các thứ mà ta đã cung-cấp cho đền thánh: 43 ngàn ta-lăng vàng, thuộc vàng Ô-phia, và 7 ngàn ta-lăng bạc tinh-luyện, để ốp các vách tường của các dinh thự; 5vàng thì cho các vật bằng vàng, bạc thì cho các vật bằng bạc, nghĩa là, cho mọi công việc được làm bởi những thợ thủ-công. Thế thì ai sẵn lòng hiến-dâng chính mình ngày hôm nay cho ĐỨC GIA-VÊ?"

6Lúc đó, các người cầm-quyền của những gia-hộ của tổ-phụ, những ông hoàng của các chi-tộc Y-sơ-ra-ên, và các chỉ-huy-trưởng hàng ngàn và hàng trăm, với các giám-thị coi công-việc của nhà vua đều hiến-dâng một cách vui-lòng; 7và cho công việc cho đền của ĐỨC CHÚA TRỜI, họ dâng: 5 ngàn ta-lăng vàng và 10 ngàn đa-riéc⁽¹⁾ vàng, 10 ngàn ta-lăng bạc, 18 ngàn ta-lăng đồng, và 100 ngàn ta-lăng sắt. 8Và bất cứ người nào có đá quý cũng cho chúng vào kho bạc của đền ĐỨC GIA-VÊ, trong sự chăm-sóc của Giê-hi-ên người Ghết-sôn. 9Lúc đó dân-chúng mừng-rỡ bởi vì họ đã hiến-dâng như thế một cách vui lòng, vì họ đã làm việc hiến-dâng của họ cho ĐỨC GIA-VÊ với một tâm trọn-vẹn, và vua Đa-vít cũng rất mừng-rỡ.

Lời cầu-nguyện của Đa-vít (29.10-29.20)

10Thế là Đa-vít chúc-tụng ĐỨC GIA-VÊ trong cái nhìn của tất cả hội-chúng; Đa-vít nói: "Chúa đáng chúc-tụng, GIA-VÊ ĐỨC CHÚA TRỜI của tổ-phụ của Y-sơ-ra-ên của chúng con ôi, mãi mãi và vô-cùng. 11Của Chúa, ĐỨC GIA-VÊ ôi là sự vĩ-đại, quyền-năng, vinh-quang, chiến-thắng, và oai-nghi, thật sự mọi vật ở trong các tầng trời và trái đất; của Chúa là quyền-lực, ĐỨC GIA-VÊ ôi, và Chúa nâng chính Chúa lên cao làm đầu trên tất cả. 12Cả sự giàu-sang lẫn vinh-dự đều đến từ Chúa, và Chúa cai-trị trên tất cả, và trong tay Chúa là quyền-năng và sức mạnh; và nó nằm trong tay Chúa để thành vĩ-đại, và để tăng thêm sức mạnh cho mọi người. 13Vì thế, bây giờ, ĐỨC CHÚA TRỜI của chúng con ôi, chúng con cảm-tạ Chúa, và ca-tụng danh vinh-hiến của Chúa. 14Nhưng con là ai và dân con là gì mà chúng con lại có thể dâng-hiến dồi-dào như thế này? Vì tất cả các vật đều đến từ Chúa, và từ tay Chúa chúng con đã cho Chúa. 15Vì chúng con là những kẻ tạm-trú trước mặt Chúa, những kẻ ở đậu, như tất cả các tổ-phụ của chúng con đã là vậy; những ngày chúng con trên trái đất y như một cái bóng, và chẳng có một hy-vọng gì cả. 16GIA-VÊ ĐỨC CHÚA TRỜI của chúng con ôi, mọi sự dư-dật này mà chúng con đã cung-cấp để xây cho Chúa một cái đền cho danh thánh của Chúa, ấy là từ tay Chúa, và tất cả là của Chúa.

1 Chronicles 29.2-29.16

2Now with all my ability I have provided for the house of my God the gold for the things of gold, and the silver for the things of silver, and the bronze for the things of bronze, the iron for the things of iron, and wood for the things of wood, onyx stones and inlaid stones, stones of antimony, and stones of various colors, and all kinds of precious stones, and alabaster in abundance. 3And moreover, in my delight in the house of my God, the treasure I have of gold and silver, I give to the house of my God, over and above all that I have already provided for the holy temple, 4namely 3,000 talents of gold, of the gold of Ophir, and 7,000 talents of refined silver, to overlay the walls of the buildings; 5of gold for the things of gold, and of silver for the things of silver, that is, for all the work done by the craftsmen. Who then is willing to consecrate himself this day to YHWH?"

6Then the rulers of the fathers' households, and the princes of the tribes of Israel, and the commanders of thousands and of hundreds, with the overseers over the king's work, offered willingly; 7and for the service for the house of God they gave 5,000 talents and 10,000 darics of gold, and 10,000 talents of silver, and 18,000 talents of brass, and 100,000 talents of iron. 8And whoever possessed precious stones gave them to the treasury of the house of YHWH, in care of Jehiel the Gershonites. 9Then the people rejoiced because they had offered so willingly, for they made their offering to YHWH with a whole heart, and King David also rejoiced greatly.

David's prayer (29.10-29.20)

10So David blessed YHWH in the sight of all the assembly; and David said, "Blessed art Thou, O YHWH God of Israel our father, forever and ever. 11Thine, O YHWH, is the greatness and the power and the glory and the victory and the majesty, indeed everything that is in the heavens and the earth; Thine is the dominion, O YHWH, and Thou dost exalt Thyself as head over all. 12Both riches and honor come from Thee, and Thou dost rule over all, and in Thy hand is power and might; and it lies in Thy hand to make great, and to strengthen everyone. 13Now therefore, our God, we thank Thee, and praise Thy glorious name. 14But who am I and who are my people that we should be able to offer as generously as this? For all things come from Thee, and from Thy hand we have given Thee. 15For we are sojourners before Thee, and tenants, as all our fathers were; our days on the earth are like a shadow and there is no hope. 16O YHWH our God, all this abundance that we have provided to build Thee a house for Thy holy name, it is from Thy hand, and all is Thine.

¹ đa-riéc là đồng tiền bằng vàng của nước Phe-ơ-sơ

1 Chronicles 29.17-29.30

¹⁷Since I know, O my God, that Thou triest the heart and delightest in uprightness, I, in the integrity of my heart, have willingly offered all these *things*; so now with joy I have seen Thy people, who are present here, make *their* offerings willingly to Thee. ¹⁸O YHWH, the God of Abraham, Isaac, and Israel, our fathers, preserve this forever in the intentions of the heart of Thy people, and direct their heart to Thee; ¹⁹and give to my son Solomon a perfect heart to keep Thy commandments, Thy testimonies, and Thy statutes, and to do *them* all, and to build the temple, for which I have made provision." ²⁰Then David said to all the assembly, "Now bless YHWH your God." And all the assembly blessed YHWH, the God of their fathers, and bowed low and did homage to YHWH and to the king.

Sacrifices (29.21-29.22a)

²¹And on the next day they made sacrifices to YHWH and offered burnt offerings to YHWH, 1,000 bulls, 1,000 rams and 1,000 lambs, with their libations and sacrifices in abundance for all Israel. ^{22a}So they ate and drank that day before YHWH with great gladness.

Solomon again made king (29.22b-29.27)

^{22b}And they made Solomon the son of David king a second time, and they anointed *him* as ruler for YHWH and Zadok as priest. ²³Then Solomon sat on the throne of YHWH as king instead of David his father; and he prospered, and all Israel obeyed him. ²⁴And all the officials, the mighty men and also all the sons of King David pledged allegiance to King. ²⁵And YHWH highly exalted Solomon in the sight of all Israel, and bestowed on him royal majesty which had not been on any king before him in Israel.

²⁶Now David the son of Jesse reigned over all Israel. ²⁷And the period which he reigned over Israel *was* forty years; he reigned in Hebron seven years and he reigned in Jerusalem thirty-three *years*.

Death of David (29.28-29.30)

²⁸Then he died in a good old age, full of days, riches and honor; and his son Solomon reigned in his place. ²⁹Now the acts of King David, from first to last, are written in the chronicles of Samuel the seer, in the chronicles of Nathan the prophet, and in the chronicles of Gad the seer, ³⁰with all his reign, his power, and the circumstances which came on him, on Israel, and on all the kingdoms of the lands.

1 Sứ-ký 29.17-29.30

¹⁷Vì con biết, Đức Chúa TRỜI của con ôi, rằng Chúa thử tâm-lòng và vui-thích sự ngay-thẳng, con, bằng sự ngay-thẳng của tâm con, đã vui-lòng hiến-dâng tất cả những *vật* này; vì vậy bây giờ với sự vui-mừng con đã thấy dân Chúa, những người có mặt ở đây, vui-lòng dâng-hiến lên Chúa. ¹⁸Đức GIA-VÊ ôi, Đức Chúa TRỜI của Áp-ra-ham, Y-sác, và Y-sơ-ra-ên, tổ-phụ của chúng con, xin giữ-gìn cái này mãi mãi theo các ý-định của tâm của dân Chúa, và xin hướng tâm họ về Chúa; ¹⁹và xin ban cho con trai Sa-lô-môn của con một tâm-lòng trọn- vẹn để tuân-giữ các điều-răn của Chúa, các chứng-cớ của Chúa, và các mạng-lệnh của Chúa, và để thực-hành chúng hết thầy, và để xây đền-thờ này, mà con đã cung-cập *vật liệu*." ²⁰Đoạn Đa-vít nói với tất cả hội-chúng: "Bây giờ hãy chúc-tụng GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI các người." Tất cả hội-chúng chúc-tụng Đức GIA-VÊ, Đức Chúa TRỜI của tổ-phụ họ, cúi đầu xuống và lạy Đức GIA-VÊ và lạy nhà vua.

Những tế-vật (29.21-29.22a)

²¹Và vào ngày sau, họ dâng những tế-vật cho Đức GIA-VÊ và hiến-dâng các của-lễ thiêu cho Đức GIA-VÊ, 1 ngàn con bò đực, 1 ngàn con chiên đực, và 1 ngàn con chiên con, cùng các của-lễ rót rượu và rất nhiều tế-vật cho tất cả Y-sơ-ra-ên. ^{22a}Thế là họ ăn uống vào ngày đó trước mặt Đức GIA-VÊ với sự vui-mừng lớn-lao.

Sa-lô-môn lại được lập lên làm vua (29.22b-29.27)

^{22b}Và họ tôn Sa-lô-môn con trai Đa-vít lên làm vua một lần thứ nhì, và họ xức dầu *cho* người làm nhà cai-trị cho Đức GIA-VÊ và Xa-đốc làm thầy tế-lễ. ²³Đoạn Sa-lô-môn ngồi trên ngai của Đức GIA-VÊ làm vua thế cho Đa-vít, cha của mình; và người phồn-vinh, và tất cả Y-sơ-ra-ên tuân-phục người. ²⁴Và tất cả các quan-viên, những người đàn-ông mạnh-dạn, cùng với tất cả các con trai của vua Đa-vít đều nguyện trung-thành với vua Sa-lô-môn. ²⁵Và Đức GIA-VÊ nâng cao Sa-lô-môn trong cái nhìn của tất cả Y-sơ-ra-ên, và ban trên người sự oai-nghi của hoàng-gia chưa từng có trên bất cứ một vị vua nào trước người tại Y-sơ-ra-ên.

²⁶Bây giờ Đa-vít con trai Y-sai đã trị-vì trên tất cả Y-sơ-ra-ên. ²⁷Và thời-gian mà người trị-vì trên Y-sơ-ra-ên là 40 năm; người trị-vì tại Hếp-rôn 7 năm và người trị-vì tại Giê-ru-sa-lem 33 năm.

Cái chết của Đa-vít (29.28-29.30)

²⁸Sau đó người qua đời trong tuổi rất già, trọn đầy các ngày, giàu-sang và vinh-dự, và con trai Sa-lô-môn của người trị-vì trong chỗ của người. ²⁹Bây giờ công việc của vua Đa-vít, từ đầu cho đến cuối, được ghi chép trong biên-niên-sử của tiên-kiến Sa-mu-ên, trong biên-niên-sử của tiên-tri Na-than và trong biên-niên-sử của tiên-kiến Gát, ³⁰với tất cả sự trị-vì của người, quyền-năng của người, và các tình-huống đến trên người, trên Y-sơ-ra-ên, và trên tất cả những vương-quốc của các xứ.